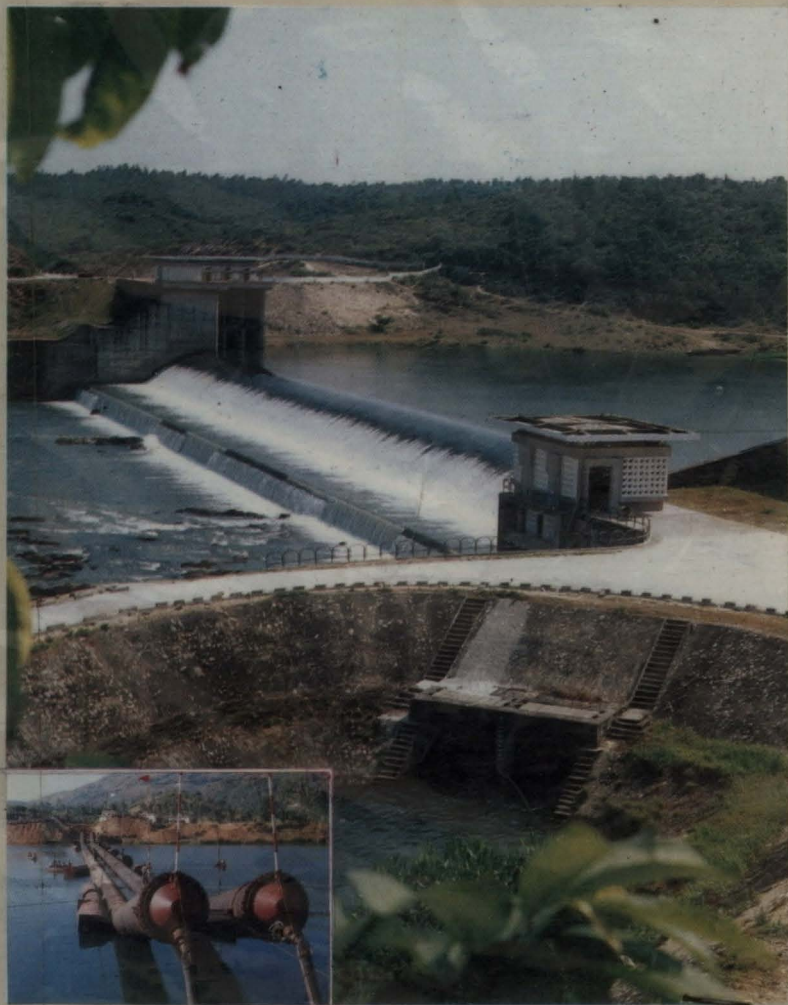


QUẢNG NGÃI



# trên đường đổi mới





● Tổng Bí thư Đỗ Mười cùng phái đoàn thăm Dung Quất. Ảnh : Đăng Lâm



● Chủ tịch nước CHXHCNVN Lê Đức Anh cùng Bí thư Tỉnh ủy Đỗ Minh Toại trong buổi tặng quà cho các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng ở Ba Tơ. (Ảnh : Đăng Lâm)

PHỤ MỤC 1. QUANG NGÃI  
DC N 2010 59 26A



● Các đ/c lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh mừng thọ cố vấn Phạm Văn Đồng 90 tuổi.



● Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm hỏi cán bộ và nhân dân ở Vạn Tường nhân chuyến thị sát Dung Quất.



511 435

*Hình ảnh*

QUẢNG NGÃI  
trên  
đường  
đổi mới

TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN QUẢNG NGÃI

859  
ĐÀ CH

TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN QUẢNG NGÃI

1996



- Chịu trách nhiệm xuất bản và chỉ đạo thực hiện:

**NGUYỄN NGỌC TRẠCH**

- Tổ chức bản thảo và biên tập:

**LÊ VĂN SƠN - LÊ ANH VINH**

- Trình bày sách:

**ĐẶNG VŨ**

- Theo dõi in:

**LÊ ANH VINH**

## Lời dẫn sách

**Q**uảng Ngãi vốn là một tỉnh nghèo khó ở miền Trung, lại bị chiến tranh và thiên tai tàn phá nặng nề. Sau ngày đại thắng mùa xuân năm 1975, đặc biệt là sau ngày tái lập tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã vượt qua nhiều thử thách để đi lên xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

Nhìn lại những gì đã và đang thay đổi, nhìn lại cũng là để vững tin bước vào một ngày mới.

Cuốn sách này không có tham vọng tổng kết những gì Quảng Ngãi đã làm được sau hai mươi năm, bởi việc làm đó đòi hỏi phải có nhiều thời gian, mà đây chỉ là tập hợp những bài viết của nhiều tác giả, chủ yếu cung cấp cho các đồng chí và bạn đọc một số thông tin về những thành tựu nổi bật của các ngành, các đơn vị thuộc một số lĩnh vực kinh tế - xã hội ở tỉnh ta trong khoảng thời gian 5 năm - kể từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV đến nay.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin Quảng Ngãi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo tỉnh, các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị và các nhà báo, nhà văn trong tỉnh đã có nhiều đóng góp công sức để tập sách "Quảng Ngãi trên đường đổi mới" kịp thời ra mắt bạn đọc nhân dịp chào mừng Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV.

#### 4 ● Quảng Ngãi trên đường đổi mới

---

*Do điều kiện hạn chế về thời gian và kinh phí, chắc chắn tập sách sẽ không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong các đồng chí và các bạn vui lòng lượng thứ.*

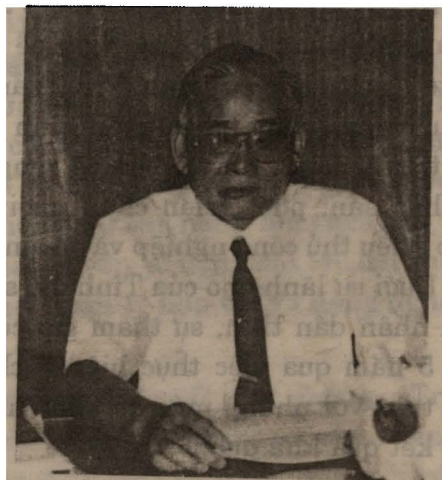
*Bằng tất cả sự cố gắng và sự nhiệt tâm, nhiệt tình của mình hướng về Đảng, chúng tôi hy vọng cuốn sách này được xem như một món quà nhỏ dâng lên Đại hội.*

**TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN QUẢNG NGÃI**



# 9 CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH qua 5 năm thực hiện

- Phòng văn đ/c ĐỖ MINH TOAI  
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi



**D**ưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, xuất phát từ tình hình kinh tế của địa phương, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV đã đề ra 9 chương trình kinh tế trọng điểm để thực hiện trong nhiệm kỳ 1991-1995.

Qua 5 năm thực hiện, thực tế đã chứng minh 9 chương trình kinh tế trọng điểm là đúng đắn, phù hợp với tiềm năng và thực trạng của tỉnh. Trong thời gian qua, nhiều chương trình đã thực hiện đạt kết quả đáng kể. Vậy chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc về cuộc trả lời phỏng vấn giữa đ/c Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi Đỗ Minh Toại với đ/c Nguyễn Đăng Lâm - phóng viên, Trưởng Phân xã Thông tấn xã Việt Nam tại Quảng Ngãi.

**Phóng viên (PV) :** *Xin chào đ/c Bí thư Tỉnh uỷ ! Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV đã đề ra 9 chương trình kinh tế, vậy đ/c nói rõ về 9 chương trình kinh tế đã và đang thực hiện ?*

**Đồng chí Đỗ Minh Toại (Đ/c ĐMT) :** Đại hội lần thứ XIV của Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi đề ra 9 chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh đó là : sản xuất lương thực; sản xuất mía đường; phát triển kinh tế miền núi - trung du; trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; trồng dâu nuôi tằm; thủy sản; phát triển chăn nuôi; phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và chương trình xuất nhập khẩu. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, sự điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự tham gia của đồng bào trong tỉnh, 5 năm qua việc thực hiện 9 chương trình kinh tế nói trên với những mức độ khác nhau đều thu được những kết quả khá quan.

**PV :** *Xin đ/c cho biết cụ thể về kết quả thực hiện 9 chương trình kinh tế trên trong 5 năm qua ?*

**Đ/c ĐMT :** Chương trình sản xuất lương thực trong thời gian qua đã được tăng cường vốn đầu tư, thực hiện

công tác khuyến nông, tập trung đẩy mạnh việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là giống cây con; riêng giống lúa mới bình quân hàng năm đã thay đổi được giống cũ từ 20-30%, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ thích hợp. Tuy hai năm bị mất mùa liên tiếp (vụ Đông xuân 1991-1992; 1992-1993) nhưng sản lượng lương thực bình quân hàng năm vẫn tăng 4,3%, năm 1995 sản lượng quy thóc đạt 323.000 tấn, và đến cuối năm 1995 toàn tỉnh đã chuyển được 6.000 ha đất lúa chân cao, năng suất thấp sang trồng các loại cây trồng khác như bắp lai, đậu, lạc... ước thu thêm giá trị khoảng 36.000 tấn lương thực. Như vậy, so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV đề ra là 350.000 tấn lương thực thì chúng ta đạt kế hoạch. Tuy vậy, lương thực bình quân đầu người mới chỉ đạt 287kg/năm, đạt 95,66% so với chỉ tiêu 300kg/người/năm. Việc chỉ đạo thi công các công trình thủy lợi nội đồng một số vùng còn chậm, về cơ cấu giống cây trồng, mùa vụ, kỹ thuật chăm bón, phòng trừ sâu bệnh hiệu quả còn thấp. Công tác chuyển giao quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân và việc đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp kết quả còn hạn chế.

*Chương trình sản xuất mía đường* : Trong những năm qua, các cơ quan chức năng và nhân dân trong tỉnh đã tuyển chọn được một số giống mía mới có năng suất và chữ đường cao, bước đầu xây dựng được mô hình thâm canh, rải vụ. Vụ mía 1995-1996, toàn tỉnh trồng đạt diện tích 10.500 ha, năng suất 51 tạ/ha, sản lượng ước đạt 535.000 tấn và chữ đường trên 10 chữ. Như vậy, so với



Nghị quyết Đại hội XIV đề ra chúng ta đạt và vượt chỉ tiêu về diện tích và chữ đường nhưng chưa đạt về năng suất và sản lượng. Trong những năm gần đây, Công ty Đường Quảng Ngãi đã mạnh dạn đầu tư lắp đặt nhiều thiết bị, dây chuyền công nghệ tiên tiến sản xuất nhiều mặt hàng sau đường có chất lượng được người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh ưa chuộng; đã mở rộng nâng công suất ép mía của nhà máy từ 1.500 tấn/ngày lên 2.000 tấn/ngày; sản lượng đường RS từ 12.957 tấn (1991) tăng lên trên 32.000 tấn (1995). Tỉnh cũng đã khởi công xây dựng Nhà máy đường Nam Quảng Ngãi có công suất ép 1.000 tấn mía/ngày. Song, việc nhân giống mía mới có năng suất và chữ đường cao trên diện tích đại trà còn chậm, chưa đầu tư thích đáng đối với vùng mía chuyên canh và những vùng mía rải vụ, mối quan hệ giữa người trồng mía và Nhà máy đường tuy được cải thiện nhiều nhưng vẫn còn những tồn tại cần khắc phục trong khâu thu mua, vận chuyển, xác định chữ đường...

*Chương trình phát triển kinh tế miền núi-trung du:*

Trong 5 năm qua, Trung ương và tỉnh đã đầu tư trên 111 tỷ đồng trong đó cho sản xuất 6.23 tỷ đồng, đời sống 6,69 tỷ đồng và xây dựng cơ sở hạ tầng 98,61 tỷ đồng. Tính đến cuối năm 1995, trên địa bàn trung du - miền núi của tỉnh đã có 29 dự án được đầu tư, trong đó định canh, định cư 15 dự án, định cư được gần 15.000 hộ với trên 96.000 khẩu, xây dựng hàng chục công trình giao thông, thủy lợi, điện, văn hóa thông tin - xã hội và đã xuất hiện một số mô hình tốt về sản xuất hàng hóa ở trung du - miền núi gắn với xóa đói giảm nghèo ở hộ gia

đình đã mang lại kết quả bước đầu, đời sống nhân dân một số vùng có được cải thiện một bước, giảm bớt khó khăn gay gắt của đồng bào ở một số vùng cao, vùng xa. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện chương trình này thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ dự án và địa phương, một số chỉ đạo thiếu cụ thể về công tác điều tra, quy hoạch thu mua và bảo trợ giá cho bà con khi giá thị trường không ổn định; các ngành chuyên môn chưa kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về vốn, về cán bộ kỹ thuật cho các dự án dẫn đến kết quả còn hạn chế.

*Chương trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng* là một trong 9 chương trình thực hiện có nhiều cố gắng. Lúc đầu đưa chương trình diện tích trồng mới là chủ yếu, bảo vệ và tái sinh rừng là chính, nên diện tích trồng rừng có được 20.613 ha rừng tập trung (đạt 68,7%), trồng cây phân tán 68,5 triệu cây (đạt 85,7%). Diện tích khoanh nuôi và bảo vệ, tái sinh rừng trên 85.000 ha theo chương trình PAM, 327, đã giải quyết việc làm cho hàng chục nghìn lao động. Tuy nhiên, việc giao đất, giao rừng còn quá chậm, nạn phá rừng làm nương rẫy và khai thác rừng bừa bãi còn xảy ra ở nhiều nơi.

*Chương trình trồng dâu nuôi tằm* : Đây là chương trình đạt kết quả rất thấp. Từ năm 1991-1993 nghề trồng dâu nuôi tằm phát triển nhanh từ 75 ha lên 305 ha, nhưng đến cuối năm 1995 chỉ còn 288 ha dâu đạt 28,8% so với chỉ tiêu Nghị quyết. Nguyên nhân chính là do giá cả thị trường không ổn định, chỉ đạo thiếu kiên quyết, không đồng bộ, chưa có chính sách bảo trợ cho người trồng dâu.

**Chương trình thủy sản :** Chương trình này đã có sự phát triển khá về đóng mới tàu thuyền, khai thác, nuôi trồng thủy sản. Sản lượng khai thác thủy sản từ 18.521 tấn (1990) lên 38.700 tấn (1995), tăng 29% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 30.000 tấn . Ngư dân trong tỉnh đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng : đóng mới 1.745 chiếc tàu thuyền với công suất 56.465CV, nâng tổng số tàu thuyền trong tỉnh lên 4.020 chiếc với tổng công suất trên 97.000CV. Nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm xuất khẩu cũng tăng nhanh từ 235 ha (1991) lên 430 ha (1995), sản lượng thu hoạch hơn 225 tấn. Ngoài ra, phong trào nuôi cá lồng, baba, cá trê lai... cũng phát triển khá ở một số địa phương trong tỉnh. Riêng khâu chế biến hải sản đông lạnh xuất khẩu còn rất yếu, cuối năm 1995 chỉ đạt 1,2 triệu USD so với chỉ tiêu (5 triệu USD). Tỉnh đang đầu tư, xây dựng và hình thành các làng cá Cổ Lũy, Sa Huỳnh, Cảng cá Lý Sơn để phát triển nghề cá.

**Chương trình phát triển chăn nuôi :** đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất hàng hóa, 5 năm qua, chăn nuôi phát triển tương đối nhanh, nhất là nuôi bò lai Sind, nuôi heo theo hướng nạc hóa, vịt, gà siêu thịt, siêu trứng. Trong đó, đàn bò đã tăng từ 149.063 con (năm 1990) lên 187.500 con (năm 1995), riêng đàn bò lai Sind trên 16.600 con; đàn heo từ 263.000 con lên 349.200 con; đàn trâu trên 47.300 con; đàn gà trên 1,4 triệu con; đàn vịt 88.900 con... So với chỉ tiêu nghị quyết thì đàn heo tăng gần 11%, đàn bò tăng hơn 9%, đàn trâu đạt 99%. Tuy nhiên, công tác phòng dịch bệnh cho gia



súc, gia cầm, chế biến thức ăn cho gia súc còn yếu, việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi còn khó khăn nên chưa kích thích được ngành chăn nuôi phát triển mạnh mẽ.

*Chương trình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:* tỉnh đã có bước phát triển khá, nhất là những năm gần đây, chủ yếu là công nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Trong 5 năm, các doanh nghiệp nhà nước đã sắp xếp lại từ 156 đơn vị (năm 1991) giảm xuống còn 66 đơn vị (năm 1995), số lượng đơn vị làm ăn có lãi nộp ngân sách tăng. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 1991-1995 đạt 12,9%; giá trị tổng sản lượng năm 1995 tăng 1,9 lần so với năm 1990, vượt chỉ tiêu Nghị quyết; tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội (GDP) tăng từ 12,4% (1991) lên 16% (1995), nộp ngân sách từ 12,9 tỷ đồng (1991) lên 60 tỷ đồng (1995). Trong quá trình phát triển công nghiệp của tỉnh đã xuất hiện một số mô hình mới như : Cụm công nghiệp chế biến đường, Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng... đã tạo nên nhiều sản phẩm mới như : bia, bánh kẹo, nước khoáng, nước ngọt, máy bơm nước, đá xuất khẩu, gạch Tuynen, Polyme sinh học, được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nhất là khôi phục các làng nghề, tiểu thủ công nghiệp ở vùng nông thôn phát triển chậm, các doanh nghiệp địa phương đình đốn, hoạt động cầm chừng, kém hiệu quả, chưa coi trọng việc đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

Xuất nhập khẩu là một trong 9 chương trình kinh

tế của tỉnh. Tuy có một số đơn vị tham gia xuất khẩu, nhưng lĩnh vực này hoạt động rất yếu kém, số lượng chủng loại hàng xuất khẩu nhỏ bé, phân tán, chủ yếu nguyên liệu thô, hàng xuất khẩu ở địa phương phần lớn để tư thương đưa ra ngoài tỉnh. Đến năm 1995 tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 5,6 triệu USD, chỉ đạt 37,3% so với chỉ tiêu Nghị quyết, trong khi đó nhập khẩu đạt gần 10 triệu USD. Nguyên nhân chủ yếu của việc thực hiện chương trình này là sự chỉ đạo, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu chưa kiên quyết xử lý những vướng mắc trong khâu thu mua chế biến hàng xuất khẩu, lực lượng cán bộ làm công tác xuất nhập khẩu còn mỏng chưa có kinh nghiệm hoạt động trong cơ chế thị trường, chưa tiếp cận được thị trường tiêu thụ sản phẩm...

*PV : Thưa đ/c, qua kết quả những mặt làm được và chưa được trong từng chương trình kinh tế như đã nêu trên, đ/c đánh giá một cách tổng quát nhất trong khi triển khai thực hiện ?*

**Đ/c ĐMT :** Trước tiên tôi khẳng định rằng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV đề ra 9 chương trình kinh tế trọng điểm là đúng đắn, phù hợp với tiềm năng và thực trạng của tỉnh. Nhìn chung, nhiều mục tiêu chúng ta đã cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, góp phần quan trọng khắc phục hậu quả thiên tai, giữ vững ổn định tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh; tốc độ phát triển kinh tế tăng lên hàng năm, năm sau cao hơn năm trước, nhất là hai năm gần đây tăng 12%, tạo được những tiền đề cần thiết để đưa nền kinh tế tỉnh nhà tiến nhanh trong những năm tiếp

theo. Riêng chương trình trồng dâu nuôi tằm, xuất nhập khẩu cũng như việc chế biến thủy sản xuất khẩu đạt quá thấp cần nghiêm túc đánh giá và có hướng khắc phục.

Hạn chế của việc thực hiện 9 chương trình kinh tế nói trên do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thiếu sự kiểm tra, giám sát và chưa giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khi tổ chức thực hiện thiếu sự phối hợp đồng bộ, còn quan liêu và trì trệ trong khi đó lại dàn trải nhiều chương trình.

**PV :** *Xin hỏi đ/c câu cuối cùng. Quảng Ngãi là một trong những tỉnh nghèo đang được Trung ương quan tâm, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng cảng Dung Quất và Nhà máy lọc dầu số 1, vậy Đ/c cho biết kế hoạch từ năm 1996-2000 Tỉnh uỷ đề ra những chương trình kinh tế - xã hội thực hiện trong nhiệm kỳ này như thế nào ?*

**Đ/c DMT :** Để chuẩn bị trình trước Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV sắp đến, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã bàn bạc và đã thống nhất trong Ban Thường vụ đưa ra 8 chương trình kinh tế - xã hội thực hiện từ nay đến năm 2000 đó là : chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn; chương trình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chương trình nâng cao năng suất cây mía, chế biến đường và các sản phẩm sau đường; chương trình phát triển thủy sản; chương trình phát triển kinh tế trung du - miền núi; chương trình phục vụ khu công



nghiệp Dung Quất; chương trình phát triển dịch vụ, thương mại và kinh tế đối ngoại; chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực và giải quyết một số vấn đề bức xúc xã hội. Tất nhiên các chương trình này phải được Đại hội thảo luận và quyết định cuối cùng.

*PV : Xin đ/c nói rõ hơn về chương trình phục vụ khu công nghiệp Dung Quất.*

**Đ/c ĐMT :** Việc xây dựng kinh tế trọng điểm miền Trung và khu công nghiệp Dung Quất đã được Chính phủ quyết định và đang triển khai, đây là thời cơ mới và thử thách lớn đối với tỉnh chúng ta. Trong thời gian qua, Tổng Bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch nước Lê Đức Anh, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, Phó Chủ tịch Quốc hội Đặng Quân Thụy và nhiều Bộ, ngành ở Trung ương đã về khảo sát vùng Dung Quất, nơi đây sẽ xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1, xây dựng thành phố Vạn Tường trong tương lai. Thời gian qua Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã triển khai một số công tác phục vụ cho việc khảo sát, nắm tình hình từng hộ gia đình ở vùng xây dựng nhà máy lọc dầu và cảng nước sâu Dung Quất để lập dự án đền bù và lập dự án mới chuyển dân để tạo mặt bằng cho khu công nghiệp Dung Quất theo tiến độ. Thời gian đến đòi hỏi tỉnh chúng ta phải có nỗ lực cao để tận dụng thời cơ, phát huy tổng hợp các nguồn lực ở địa phương phục vụ cho khu công nghiệp Dung Quất, phát triển toàn diện các mặt công tác ở cả ba vùng trong tỉnh theo kịp yêu cầu của nội dung công nghiệp hóa hiện đại hóa, định hướng xã hội chủ nghĩa gắn liền với giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở địa phương. Sớm

ổn định đời sống cho bà con đến nơi ở mới, tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng theo chủ trương của Chính phủ, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ thương mại đáp ứng nhu cầu thiết yếu về ăn ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh, nơi vui chơi, giải trí cho khu công nghiệp và các khu dân cư mới. Tỉnh tiếp tục đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao phục vụ khu công nghiệp này. Đồng thời phải hết sức coi trọng phát triển kinh tế - xã hội địa bàn trung du - miền núi trong điều kiện sau Thạch Nham và có khu công nghiệp Dung Quất hình thành.

*PV : Xin cảm ơn đ/c đã dành thời gian cho cuộc phỏng vấn này.*

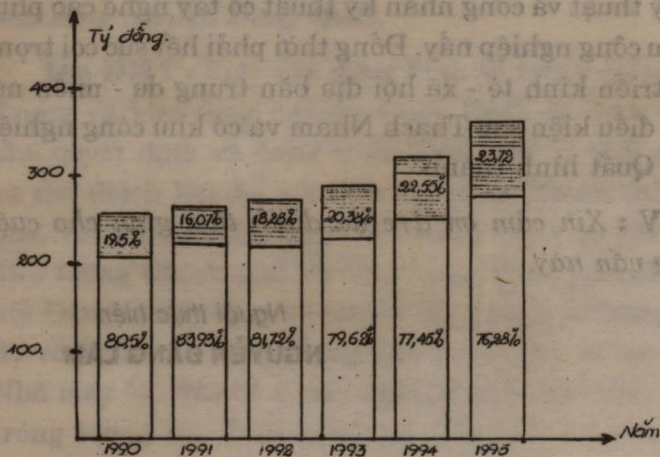
*Người thực hiện*

**NGUYỄN ĐĂNG LÂM**

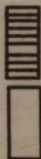
## BIỂU ĐỒ TỔNG SẢN PHẨM TRONG TỈNH (GDP)

### VÀ CẤU CẤU GDP GIAI ĐOẠN 1990 - 1995

(Theo giá so sánh năm 1989)



: Tổng sản phẩm trong tỉnh



: Quốc doanh

: Ngoài quốc

Năm:	1990	1991	1992	1993	1994	1995
Tỷ đồng:	259,120	264,821	271,114	287,343	318,714	358,604

# Thủy sản Quảng Ngãi



● Chế biến thủy sản xuất khẩu



● Ao hồ nuôi tôm sú bán thâm canh  
(Ảnh : Đăng Lâm - Văn Kỳ)

● Một hộ nuôi ba ba ở Nghĩa Hà Tư Nghĩa





● Cảng cá Lý Sơn đang được thi công (trên)



● Ngày hội ra quân đánh bắt thủy sản ở Sa Huỳnh

● Đóng mới tàu thuyền



● Làng cá Cổ Lũy - Phú Thọ.  
Ảnh : Văn Phú - Đăng Lâm



# Những ghi nhận về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vật nuôi thông qua **CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG**

• LÊ KHÔI

**N**hững năm vừa qua, Quảng Ngãi đã tập trung chỉ đạo thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vật nuôi thông qua chương trình khuyến nông; đó là yêu cầu cấp bách hiện nay trong sản xuất nông nghiệp, từ chương trình khuyến nông đang được triển khai thực hiện rộng rãi trong tỉnh, tạo tiền đề cho sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp, đồng thời tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để thực hiện có hiệu quả chương trình khuyến nông năm 1994-1996, theo quyết định số 899/QĐ-UB ngày 27/5/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, ngay từ năm 1994, Trung tâm kỹ thuật nông-lâm và khuyến nông tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều mô hình trình



diễn các loại cây trồng về giống lúa mới, giống lúa kỹ thuật; mô hình giống bắp lai; mô hình giống đậu xanh HL.89E3; sản xuất hạt giống bắp lai F1 và nhiều mô hình về giống cây đậu phụng mới HL25 và sen lai... Trong đó, riêng cây lúa đã trình diễn 174,77 ha với các loại giống như Ai 32 với 7 huyện, thị xã đồng bằng tham gia, có 6/7 huyện thị đều đạt năng suất cao từ 52 tạ-60,5 tạ/ha; giống lúa C70 đạt từ 47,45 tạ đến 53,3 tạ/ha, giống lúa tạp giao năm có 5 huyện tham gia đạt từ 44,6 tạ-63,6 tạ/ha; giống lúa CR01 đạt từ 35,7 tạ-49,5 tạ/ha; giống lúa VN1820 đạt từ 45,80 tạ-60,22 tạ/ha. Đối với mô hình bắp lai, Trung tâm đầu tư thực hiện 57,2 ha, các huyện, HTX và nông dân tự đầu tư mua giống sản xuất 400 ha, đưa giống bắp lai vào sản xuất tăng năng suất từ 79-90% so với giống địa phương, đã tạo ra giống P11, BioSeecl 9670, DK888, thay đổi được tập quán trồng bắp địa phương của hầu hết ở các huyện trong tỉnh. Đối với mô hình đậu xanh HL89E3 Trung tâm đầu tư 36,6 ha, các huyện và nông dân tự mua sản xuất trên 80 ha, đây là loại giống đậu xanh năng suất cao hơn giống cũ trên 60%, ngắn ngày, có khả năng nhân rộng và thay giống đậu xanh cũ địa phương.

Trong năm 1995, với nguồn vốn của chương trình, Trung tâm tiếp tục đầu tư nghiên cứu, ứng dụng hàng chục loại giống lúa, mì, đậu phụng, đậu nành, bắp lai, mè, đậu xanh trên các loại đất khác nhau ở nhiều vùng trong tỉnh. Đồng thời, Trung tâm xác định các công thức thâm canh cây trồng hợp lý trên chân đất 3 vụ lúa, đất phù sa, đất bạc màu; xác định liều lượng và phương pháp

bón N cho cây đậu phụng, đậu nành, đậu xanh trên đất phù sa, đất bạc màu trồng lúa; thí nghiệm về phương pháp bón phân lân vi sinh cho lúa... Trong năm đã thực hiện giống lúa mới gần 99 ha, giống lúa thuần 174,5 ha, giống đậu xanh mới 11,6 ha, đậu phụng 29,57 ha, đậu nành 5 ha, bắp lai 28,6 ha. Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cây trồng từ 3 vụ lúa sang 2 vụ trên diện tích 17 ha, 3 vụ lúa sang 2 vụ lúa cộng 1 vụ màu 68 ha, đưa một số loại cây ăn trái như xoài, Sápôchê, nhãn, ổi, cam quýt trên 28 ha, nâng tổng số diện tích được đầu tư thực hiện lên 461 ha, trong đó các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Bình Sơn đều thực hiện chương trình đạt từ 54 ha-81,2 ha. Ngoài ra tất cả các huyện khác trong tỉnh đều tham gia chương trình. Qua 2 năm thực hiện chương trình này, đến nay các huyện trong tỉnh hàng năm thay đổi được từ 20-30% giống lúa cũ bằng giống lúa mới, đã chuyển được 6000 ha cây trồng, trong đó có 3842 ha đất lúa chân cao, năng suất thấp sang trồng các loại cây trồng khác như bắp lai, đậu, lạc; chuyển 78 ha đất lúa 3 vụ bắp bệnh sang 2 vụ ăn chắc và chuyển 110 ha lúa 3 vụ bắp bệnh năng suất thấp sang 2 vụ lúa cộng 1 vụ màu. Kết quả chuyển đổi bước đầu cho thấy nơi thấp nhất đạt 1,2 lần, nơi cao nhất đạt 7,6 lần so với trồng lúa trên cùng chân đất.

Nhờ thực hiện tốt công tác khuyến nông trên các loại cây trồng nên đến cuối năm 1995 sản lượng lương thực quy thóc toàn tỉnh đạt 320.521 tấn, trong đó thóc đạt 271.921 tấn, nếu tính giá trị của 6.000 ha đất chuyển đổi, tương đương với 36.000 tấn lương thực thì toàn tỉnh

đạt trên 356.000 tấn lương thực, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra, bình quân lương thực đầu người đạt 287 kg, tăng 5,6% so với năm 1994 và đạt 95,6% so với chỉ tiêu Nghị quyết 300 kg/người/năm.

Cùng với việc khuyến nông ngành trồng trọt, tỉnh ta cũng đã đẩy mạnh công tác khuyến nông ngành chăn nuôi, trong đó chú trọng đến việc cải tạo đàn bò theo hướng Sind hóa, và phát triển đàn heo theo hướng nạc. Qua hơn 2 năm thực hiện, đến nay đã đưa tổng đàn trâu trong tỉnh lên trên 47.300 con, bò 145.500 con, trong đó có trên 18.000 con bò lai Sind, đàn heo gần 350.000 con (có 550 heo nái giống ngoại, 153 con heo đực giống) đàn gia cầm cũng phát triển mạnh, đưa đàn gà lên 1,4 triệu con, vịt gần 900.000 con, có đàn vịt siêu trứng trên 70.000 con. Đối với công tác khuyến nông chăn nuôi, Trung tâm kỹ thuật nông lâm nghiệp và khuyến nông tỉnh đã đầu tư, mở rộng đến tất cả các huyện, thị xã trong tỉnh, phối hợp với các trạm khuyến nông huyện tổ chức triển khai Sind hóa đàn bò trên địa bàn, thường xuyên tổ chức huấn luyện về kỹ thuật chăn nuôi, đào tạo trên 255 dẫn tinh viên hoạt động ở hàng chục điểm phối giống ở các huyện, trang bị đầy đủ bình Nitơ phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo. Riêng đối với các huyện miền núi, hải đảo được ưu tiên đầu tư bò đực giống để phối giống trực tiếp (vì chưa có điều kiện áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo). Riêng đối với việc cải tạo phát triển đàn heo theo hướng nạc hóa, đến nay toàn tỉnh cũng đã có 13 cơ sở thụ tinh nhân tạo, chủ yếu là của tư nhân.

Nhờ chú trọng đầu tư và có nhiều biện pháp thực hiện việc cải tạo đàn bò, đàn heo nên đến cuối năm 1995 đàn trâu tăng 8,12%, đàn bò tăng 20,8%, đàn heo tăng 23,2% so với năm 1991, so với chỉ tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ lần thứ XIV thì đàn bò tăng 9%, đàn lợn tăng 11%, đàn trâu bằng 99%.

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vật nuôi, đến cuối năm 1995 cơ cấu ngành nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng khối nông-lâm nghiệp trong GDP từ 59,5% năm 1991 đã giảm xuống còn 51,1% năm 1995. Trong giá trị tổng sản lượng nông nghiệp thì trồng trọt giảm từ 72% năm 1990 xuống 65% năm 1995, chăn nuôi từ 26% năm 1990 tăng lên 32% năm 1995. Trong diện tích gieo trồng cây hàng năm thì tỷ trọng cây công nghiệp tăng từ 9% năm 1990 lên 11%



● Nhân giống lúa mới.

năm 1995.

Hiện nay trong tỉnh đã xuất hiện nhiều mô hình mới trong trồng trọt, chăn nuôi, nhiều HTX nông nghiệp thực hiện chuyển đổi có kết quả cần nghiên cứu và nhân rộng.

L.K

# Làm giàu từ KINH TẾ VƯỜN

• MẠNH THƯỜNG

**L**à một tỉnh thuộc vùng duyên hải miền Trung, Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên hơn 585.000 ha, nhưng đất cho sản xuất nông nghiệp chỉ có 86.000 ha, trong đó, đất canh tác lúa có gần 35.000 ha. Với điều kiện đất hẹp người đông, cộng với sự khắc nghiệt của thiên tai nên từ bao đời nay, người dân Quảng Ngãi luôn gắn bó với mảnh vườn của mình để có thêm thu nhập. Nhưng, những mảnh vườn ngày xưa dù có cố gắng lắm cũng chỉ dừng lại ở những vườn rau nho nhỏ; những cây dứa, cây ổi đơn lẻ, hiệu quả kinh tế không cao. Vườn đã vậy, còn ao, chuồng theo nghĩa V.A.C ngày nay thì cũng không phát triển bao nhiêu.

Thế nhưng, mấy năm gần đây được sự khuyến khích của Nhà nước, người dân Quảng Ngãi đã bắt đầu chăm chút mảnh vườn của mình nhiều hơn. Giờ đây đã có hàng trăm, hàng nghìn gia đình cải tạo vườn tạp, để trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, thực sự làm giàu từ kinh tế vườn. Theo các đồng chí lãnh đạo huyện Nghĩa Hành thì những năm trước đây, phong trào

trồng tiêu trong vườn ở Nghĩa Hành dấy lên khá mạnh. Nhưng sau đó, do giá cả biến động nên bà con lại phá tiêu chuyển sang cây trồng khác. Anh Trịnh Hùng ở HTX nông nghiệp Kỳ Thọ đã cải tạo vườn tạp để trồng 500 gốc ổi - giống Nam bộ, và hơn 100 gốc đào lộn hột, mỗi năm có thu nhập trên 10 triệu đồng. Bác Nguyễn Tiểu ở xã Hành Đức vẫn kiên quyết chăm chút vườn điều (khi bà con phá tiêu để trồng cây khác thì bác lại trồng thêm), đến nay, hạt tiêu trên thị trường được giá, vườn tiêu nhà bác có trên 800 gốc, mỗi năm có thu nhập trên 15 triệu đồng. Ngoài ra, bác Tiểu còn vào núi lập vườn trồng 2.000 gốc chuối, 1.000 gốc đu đủ, mỗi năm có thu nhập thêm gần 20 triệu đồng. Bác đã trở thành một trong những hộ có thu nhập từ kinh tế vườn cao nhất huyện. Ở Nghĩa Hành còn có hàng chục, hàng trăm gia đình phát triển kinh tế vườn bằng cây cau truyền thống. Bác Nguyễn Lại ở thôn Phú Vinh, thị trấn chợ Chùa trồng gần 900 gốc cau và dưới tàn cau bác trồng thêm chuối, dứa... để mỗi năm có thu nhập hàng chục triệu đồng.

Bên cạnh những cây truyền thống, những người làm vườn ở Nghĩa Hành còn tìm tòi đưa về một số cây giống mới như chôm chôm, sầu riêng, măng cụt, sabôchê... mang lại hiệu quả kinh tế cao. Từ một vài cây trồng thí nghiệm, giờ đây bác Lê Thanh ở thị trấn chợ Chùa đã có cả vườn cây chôm chôm ra quả trái vụ, đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho gia đình. Không chỉ riêng ở huyện Nghĩa Hành, phong trào cải tạo vườn tạp bằng vườn cây ăn quả, cây công nghiệp đã được phát triển nhanh ở Sơn

Tịnh, Bình Sơn, Mộ Đức và ngay tại thị xã Quảng Ngãi... phong trào cải tạo vườn tạp cũng không kém phần phát triển. Từ bàn tay trắng, chị Lương Thị Châm ở xã Tịnh Hà (Sơn Tịnh) đã ăn nên làm ra, và mỗi năm có dư giá vài chục triệu đồng nhờ trồng táo trong vườn. Vườn táo đã góp phần tăng thu nhập cho hàng chục gia đình ở các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, thị xã Quảng Ngãi, Mộ Đức... Bên cạnh cây ăn quả, mấy năm gần đây cây ca cao được trồng khá phổ biến trong đất vườn và bước đầu đem lại nguồn lợi cho các chủ vườn. Nhiều gia đình ở Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa đã trồng hàng trăm cây ca cao trong vườn.

Nói đến kinh tế vườn ở tỉnh ta còn phải nói đến những vườn rau trái quanh năm tươi tốt. Trước đây chỉ có những hộ ven sông Trà, sông Vệ chuyên sống bằng nghề trồng rau trong vườn, nhưng hiện nay đã có thêm hàng chục, hàng trăm hộ ở phía đông của các huyện Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn đã phá bỏ vườn tạp để trồng rau xanh tăng thêm thu nhập.

Trồng cây kiếng cũng là một nguồn lợi lớn trong kinh tế vườn. Mấy năm gần đây, hàng chục nghệ nhân ở thị xã Quảng Ngãi, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Sơn Tịnh mỗi năm có thu nhập hàng chục triệu đồng nhờ trồng cây kiếng. Điển hình như anh Bùi Thanh Tra ở xã Quảng Phú (thị xã Quảng Ngãi) Có hơn 100 chậu cây hương các loại, mỗi năm có thu nhập hơn 30 triệu đồng. Anh Hoàng Triệu Khôi ở Đức Phổ mỗi năm thu hơn 20 triệu đồng cũng từ trồng cây cảnh. Hội sinh vật cảnh huyện Nghĩa Hành có 60 hội viên hoạt động khá





manh. Các hội viên thường xuyên khai thác, sưu tầm những giống cây quý hiếm. Ngoài ra phong trào nuôi chim, cá cảnh cũng cho thu nhập khá...

Bên cạnh cây trồng, trong khai thác kinh tế vườn theo hướng V.A.C còn phải kể đến vật nuôi. Mấy năm gần đây phong trào phát triển ao, chuồng theo hướng V.A.C ở tỉnh ta khá mạnh. Đàn gia súc, gia cầm của nhiều địa phương trong tỉnh không chỉ tăng nhanh về số lượng mà tăng cả chất lượng. Phong trào nuôi bò lai Sind, nuôi heo theo hướng nạc hoá đàn gia súc, nuôi gà công nghiệp, nuôi vịt siêu trứng trong vườn được đẩy mạnh. Một số gia đình ở Nghĩa Hành, thị xã Quảng Ngãi nuôi gà công nghiệp mỗi năm có lãi vài chục triệu đồng. Nhiều hộ gia đình còn nuôi chim cút, nuôi dê, đào ao nuôi ba ba. Ở huyện Mộ Đức nhiều gia đình làm giàu từ phong trào nuôi ba ba, cá trê... Một số hộ còn tổ chức nuôi ong lấy mật, nuôi trăn, bước đầu đã có lãi. Anh

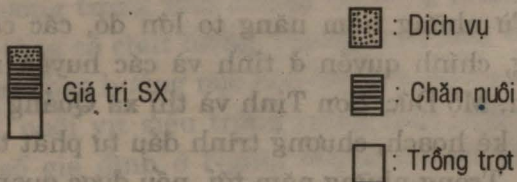
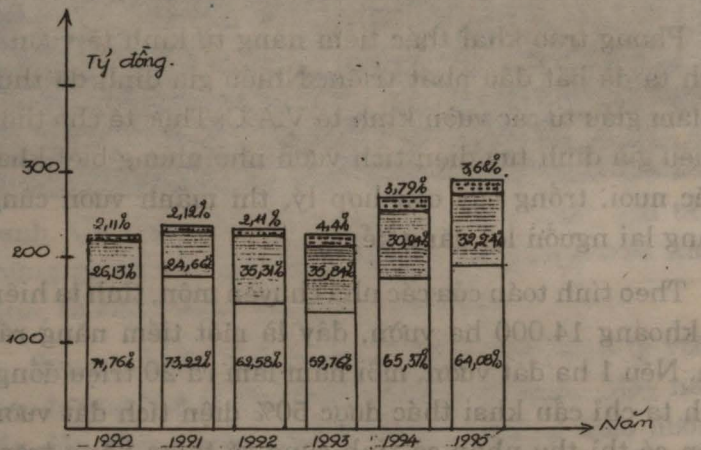
Nguyễn Sáu ở thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận nuôi gần 2.000 con chim cú, mỗi năm có lãi hơn 15 triệu đồng. Điều đáng mừng là cùng với các huyện đồng bằng, phong trào khai thác tiềm năng từ kinh tế vườn đã bắt đầu phát triển ở các huyện miền núi. Nhiều gia đình ở Minh Long, Trà Bồng, Sơn Hà cải tạo vườn tạp để trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, có thêm thu nhập.

Phong trào khai thác tiềm năng từ kinh tế vườn ở tỉnh ta đã bắt đầu phát triển. Nhiều gia đình đã thực sự làm giàu từ các vườn kinh tế V.A.C. Thực tế cho thấy nhiều gia đình tuy diện tích vườn nhỏ nhưng biết khai thác nuôi, trồng cây con hợp lý, thì mảnh vườn cũng mang lại nguồn lợi đáng kể.

Theo tính toán của các nhà chuyên môn, tỉnh ta hiện có khoảng 14.000 ha vườn, đây là một tiềm năng rất lớn. Nếu 1 ha đất vườn, mỗi năm làm ra 20 triệu đồng, tỉnh ta chỉ cần khai thác được 50% diện tích đất vườn hiện có thì thu nhập cả tỉnh cũng có thêm hàng trăm tỷ đồng.

Từ những tiềm năng to lớn đó, các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền ở tỉnh và các huyện như : Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sơn Tịnh và thị xã Quảng Ngãi đã xây dựng kế hoạch, chương trình đầu tư phát triển kinh tế vườn. Trong những năm tới, nếu được quan tâm đầu tư đúng mức, Quảng Ngãi sẽ có thêm hàng trăm, hàng nghìn gia đình làm giàu từ kinh tế vườn, góp phần thiết thực vào việc hoàn thành các chỉ tiêu KT-XH năm 1996-2000, đưa tỉnh nhà tiến lên trên con đường ấm no, hạnh phúc.

**BIỂU ĐỒ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ  
CƠ CẤU GTXX GIAI ĐOẠN 1991 - 1995**  
(Giá cố định 1989)



Năm:	1991	1992	1993	1994	1995
Tỷ đồng:	226,426	240,604	234,354	227,482	290,933

# Công trình THỦY LỢI THẠCH NHAM niềm vui & sự sống

• NGUYỄN ĐĂNG LÂM

**C**ông trình thủy lợi Thạch Nham là một công trình trọng điểm cấp Nhà nước được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật tại quyết định số 246 CT ngày 30/6/1984 với nhiệm vụ tưới cho 50.000 ha, trong đó tạo nguồn cho 5.000 ha, tiếp nước cho vùng Nam sông Vệ 11.000 ha, cấp nước sinh hoạt và khu công nghiệp với lưu lượng  $1,7m^3$ /giây. Ngày 21/12/ 1994, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định về việc điều chỉnh bổ sung đầu tư xây dựng cơ bản cho công trình thủy lợi Thạch Nham, trong đó cho phép nâng cấp một số hạng mục kỹ thuật của khu tưới Nam sông Vệ. Như vậy, khi hệ thống thủy lợi kênh mương Thạch Nham hoàn thành sẽ tưới cho 4 vùng chính là Nam sông Vệ - Bắc Trà Cầu với diện tích 11.000 ha; Bắc sông Vệ - Nam Trà khúc

16.500 ha; Bắc Trà khúc - Nam Trà Bồng 19.200 ha; Bắc Trà Bồng 3270 ha. Nguồn nước Thạch Nham (Sông Trà) ngày nay không những xuôi dòng sông Trà chảy ra biển Đông như hàng ngàn năm trước mà còn vượt suối, băng đồi, luân dưới lòng sông trên 50km về phía Nam đưa dòng nước mát tươi cho những cánh đồng lúa, mía, hoa màu ở Tư Nghĩa, Thị xã, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ; cũng từ công trình đầu mối Thạch Nham, nước sông Trà lại trải dài, vươn xa hàng chục kilômét khắp đồng ruộng, xóm làng, tưới cho vùng tây, vùng đông Sơn Tịnh, Bình Sơn, vượt cả sông Trà Bồng đủ nước tưới cho các xã phía bắc Bình Sơn. Đây là điều mơ ước từ lâu đời của người dân Quảng Ngãi.

Công trình thuỷ lợi Thạch Nham là công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, địa bàn rộng, địa hình, địa chất đa dạng. Công trình được Nhà nước cho phép vừa thiết kế vừa thi công và khai thác từng phần nên quá trình thi công gặp nhiều khó khăn nhất là tiền vốn cấp chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu thi công. Theo luận chứng kinh tế kỹ thuật và thiết kế hệ thống công trình thuỷ lợi Thạch Nham có khối lượng đào đắp đất đá gần 17 triệu mét khối, bê tông các loại 146.760m<sup>3</sup>, đá gạch xây lát 373.080m<sup>3</sup>, tổng vốn đầu tư trên 670 tỷ đồng (quy đổi theo giá quý II/1994).

### **NHỮNG CON SỐ VÀ SỰ KIỆN :**

Như nhiều người đã biết, ngay từ đầu tháng 6/1985 ở nhiều huyện trong tỉnh đã bắt đầu thi công hệ thống

kênh mương, đầu năm 1986 bắt đầu thi công công trình đầu mối đến quý I/1990 hoàn thành cơ bản công trình đầu mối, tạo điều kiện để đưa công trình vào khai thác từng phần. Ngay sau khi công trình đầu mối hoàn thành cơ bản, từ tháng 1/1990 cho nước thử tải từ K0 - K10 kênh chính Nam (KCN) và từ K0 - K18 kênh chính Bắc (KCB), đến tháng 10/1990 thử tải K10 - K17 + 135 KCN tiếp nước vào kênh Tư Nghĩa; tháng 7/1992 thử tải K18-k24 + 682 KCB tiếp nước vào kênh Sơn Tịnh. Năm 1992, trên sông Trà khúc đã xóa bỏ vịnh viễn bờ cừ, bờ xe hàng bao đời nay. Tháng 8/1993 từ kênh chính Bắc đã đưa nước vào kênh B3 vượt sông Trà Bồng đưa nước tưới cho các xã phía Bắc sông Trà Bồng (Bình Sơn). Ngày 19/3/1993, Bộ Thủy lợi và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức nghiệm thu bàn giao giai đoạn I, đưa công trình vào sử dụng gồm : công trình đầu mối, 17,2km KCN và 24,7km KCB khai thác nguồn nước Thạch Nham có hiệu quả bước đầu cho 12.000 ha; đến cuối năm 1993, tiếp tục đưa nước đến K20+700 KCN và K27+ 300 KCB, phát huy hiệu quả một số kênh cấp 1, cấp 2 đưa diện tích tưới cho 16.000 ha canh tác ở Tư Nghĩa, Sơn Tịnh. Đến tháng 10/1994, Hội đồng nghiệm thu cơ sở công trình thủy lợi Thạch Nham đã tổ chức nghiệm thu bàn giao giai đoạn II, đưa công trình vào sử dụng hai đoạn kênh chính Bắc, Nam với tổng chiều dài 62 km gồm 22 công trình, 11 kênh cấp 1 có chiều dài gần 90 km gồm 494 công trình trên kênh đủ diện tích tưới đến cuối năm 1994 lên 22000 ha. Với tinh thần chỉ đạo khẩn trương, thi công trên toàn hệ thống kênh mương, trong



• Đoạn kênh chính Nam sau xi phông Phước Giang đã hoàn thành.

4 tháng đầu năm 1995 đã nghiệm thu và bàn giao từ K20 + 700 đến K34 KCN tiếp nước vào sông Vệ, đến cuối tháng 7/95 đã hoàn thành việc hạ chìm xi phông sông Vệ, đến nay đã thi công xong kênh dẫn thượng hạ lưu, thông nước kỹ thuật đưa nước Thạch Nham vào tưới cho vùng Nam sông Vệ. Đối với kênh cấp 1 phía Bắc đã thi công xong kênh B5, đang triển khai thi công tuyến kênh B7 theo đúng tiến độ. Ngoài ra, hàng chục tuyến kênh nhánh cấp 2, cấp 3 có diện tích tưới trên 150 ha cũng đã thi công xong đưa nước tưới đến các vùng. Đến cuối năm 1995 toàn công trình thủy lợi Thạch Nham đã thực hiện đạt khối lượng đào đắp đất  $13.244.700\text{m}^3$ , đào đá  $3.096.000\text{m}^3$ , xây lát  $317.170\text{m}^3$ , bê tông  $136.550\text{m}^3$  với tổng số vốn đầu tư thực hiện 588 tỷ đồng (qui đổi theo giá quý 2/1994); khả năng tưới của toàn hệ thống lên 31.000 ha, trong đó, tưới tự chảy 25000 ha, tạo nguồn

3500 ha, tưới bơm 2500 ha (hệ thống kênh phía Nam tưới 15.050 ha, kênh phía Bắc 15.950 ha).

Cùng với việc thi công các tuyến kênh chính, kênh cấp 1, cấp 2 và cấp 3 có diện tích tưới trên 150 ha và những công trình lớn. Trong những năm qua tỉnh đã phát động phong trào thi đua đóng góp ngày công lao động nghĩa vụ xây dựng kênh mương Thạch Nham để làm các tuyến kênh tưới từ 150 ha trở xuống, nhưng hầu hết những năn qua đều thực hiện không đạt kế hoạch đề ra. Riêng năm 1995, toàn tỉnh đã huy động được 755.823 công, đạt 75,6% kế hoạch, trong đó công trực tiếp lên công trường đạt 552.508 công, các huyện Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Thị xã, Mộ Đức đạt từ 84%-99% kế hoạch ngày công tính giao. Riêng huyện Nghĩa Hành, Sơn Tịnh và Thị xã huy động 100% xã phường tham gia. Đây cũng là năm huy động ngày công nghĩa vụ làm kênh mương Thạch Nham đạt cao nhất trong những năm gần đây.

## **MỤC TIÊU THỰC HIỆN NĂM 1996**

Trong dịp về thăm tỉnh năm 1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo tỉnh và ngành thủy lợi tập trung thi công và hoàn thành kết thúc công trình thủy lợi Thạch Nham vào năm 1996. Từ đó, Ban quản lý dự án 410 (Thạch Nham) đã lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 1996 cho công trình thủy lợi Thạch Nham với tổng khối lượng đất đào đắp 1.081.300m<sup>3</sup>, đào đá 29.900 m<sup>3</sup>, đá gạch xây lát 47.200 m<sup>3</sup>, bê tông 10.070m<sup>3</sup> với



tổng vốn đầu tư 89 tỷ 074 triệu đồng. Riêng đối với phần kênh mương dưới 150 ha do địa phương tự làm năm nay cũng còn khối lượng lớn, trong đó đất đào đắp  $830.000\text{m}^3$ , đá gạch xây lát  $6.900\text{m}^3$ , bê tông  $1.660\text{m}^3$  với tổng số vốn là 10 tỷ 400 triệu đồng.

Thực hiện mục tiêu trên đến cuối năm 1996 này khả năng tưới của toàn hệ thống gần 50.000 ha, trước mắt tưới ổn định cho 30.780 ha trên toàn hệ thống thuộc 7 huyện đồng bằng, thị xã.

Công trình thủy lợi Thạch Nham đã góp phần giải quyết được nạn hạn hán ở vùng đồng bằng Quảng Ngãi. Hệ thống kênh mương trên 300km đưa nước về tưới cho các loại cây trồng tăng năng suất, sản lượng; tạo thuận lợi cho bà con nông dân chuyển đổi mùa vụ, tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động nông thôn. Bên cạnh đó công trình này đã góp phần không nhỏ cải tạo môi sinh, môi trường cho những vùng có kênh đi qua; đồng thời, hệ thống kênh mương cũng chính là tuyến giao thông nông thôn đang tỏa rộng vươn dài đến mọi vùng quê trong tỉnh. Mọi người dân chúng ta hãy bảo vệ hệ thống kênh mương và các công trình trên kênh Thạch Nham như bảo vệ sự sống của chúng ta.

# NGÀNH THỦY SẢN QUẢNG NGÃI qua 5 năm phát triển

• THANH BÌNH

**T**iềm năng kinh tế biển của tỉnh ta rất lớn, nghề đánh bắt thủy hải sản đã có từ lâu, bà con ngư dân có tay nghề rất giỏi, nhưng đến ngày chia tỉnh bức tranh chung của ngành thủy sản Quảng Ngãi còn mờ nhạt, đời sống của bà con ngư dân còn nghèo; tàu thuyền ọp ẹp; không đủ sức vươn ra xa khai thác tiềm năng khơi mà chỉ đánh bắt ven bờ. Mỗi năm tỉnh và huyện phải cứu đói hàng tỷ đồng cho ngư dân các xã vùng biển.

Khôi phục lại nghề đánh bắt thủy hải sản nói riêng và phát triển ngành thủy sản nói chung để bằng các tỉnh bạn trong khu vực, góp phần xây dựng và đưa nền kinh tế tỉnh nhà đi lên là một trong những mục tiêu quan trọng được nêu ra trong Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV.

Để đạt được mục tiêu trên, ngành thủy sản tỉnh ta đã chọn cho mình hướng đi tập trung sức nhanh chóng

khôi phục và phát triển nghề cá nhân dân, khai thác diện tích mặt nước lợ để nuôi trồng thủy hải sản xuất khẩu giá trị kinh tế cao.

Nhờ xác định hướng đi đúng đắn, 5 năm qua ngành thủy sản tỉnh ta đã đạt được những thành tựu đáng kể, khẳng định là ngành kinh tế hàng hóa mũi nhọn trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh góp phần không nhỏ vào sự thay đổi diện mạo của tỉnh nhà hôm nay.

Từ chỗ chỉ có hơn 2000 tàu thuyền, tổng công suất khoảng 40.000CV (1991), đa số là tàu thuyền công suất nhỏ, đến nay tổng số tàu thuyền trong tỉnh đã lên trên 4000 chiếc với tổng công suất 105.500CV; trong đó số tàu thuyền có công suất lớn chiếm tỷ lệ đáng kể. Theo số liệu thống kê của ngành thủy sản, 5 năm qua, ngư dân trong tỉnh đã đầu tư 190 tỷ đồng để đóng mới tàu thuyền. Riêng trong năm 1995, ngư dân đã đầu tư 65 tỷ đồng đóng được 331 tàu thuyền và trang bị nhiều phương tiện hiện đại như máy tằm ngư, điện thoại di động..., trong đó có 6 tàu công suất trên 100CV. Ngoài sự đầu tư của ngư dân, Sở Thủy sản còn lập dự án đóng mới 10 tàu thuyền trị giá 10 tỷ đồng thuộc chương trình Biển Đông - Hải đảo. Với tàu thuyền có công suất lớn ngư dân tỉnh ta đã tổ chức đánh bắt khắp các ngư trường trong cả nước và đạt sản lượng khai thác ngày càng cao. Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản gần đây cũng được ngành và địa phương quan tâm tích cực đã có nhiều biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn việc sử dụng thuốc nổ sát hại đàn cá hủy diệt ngư trường tiêu biểu là huyện đảo Lý

## Sơn, Mộ Đức...

Nếu như năm 1991, sản lượng khai thác thủy hải sản mới chỉ đạt 22.750 tấn, năm 1995 đã tăng lên 38.000 tấn đạt 120% kế hoạch năm, vượt hơn 1994 khoảng 8.000 tấn, mức tăng trung bình hàng năm là 16,8%. Hai huyện Tư Nghĩa và Đức Phổ có số lượng tàu nhiều nhất tỉnh. Đặc biệt là Đức Phổ có sản lượng khai thác chiếm 35% tổng sản lượng khai thác toàn tỉnh.

Sản xuất có hiệu quả, đời sống ngư dân ổn định nhiều hộ trở nên giàu có. Nhiều hộ ngư dân đạt mức thu khoảng 100 triệu đồng/năm. Hiện nay, ở những xã ven biển nhà ngói chiếm tỷ lệ khoảng 70-80%. Có những nơi trở thành như thị trấn, thị tứ sầm uất là Sa Huỳnh (Đức Phổ), Nghĩa An, Nghĩa Phú (Tư Nghĩa). Cái đói, cái nghèo của những vùng quê biển ngày trước đã lùi về với quá khứ.

Bên cạnh lĩnh vực khai thác thủy hải sản nghề nuôi trồng thủy hải sản xuất khẩu cũng đang trên đà phát triển, hiệu quả kinh tế rất cao. Biện pháp kỹ thuật thâm canh trong nuôi trồng được chú trọng. Nhờ đó mà mức lãi của người sản xuất càng nhiều đủ sức để vươn tới việc nuôi trồng quy mô lớn theo hướng hàng hóa. Trong vấn đề này vai trò của ngành thủy sản là nhân tố tích cực, thông qua hệ thống khuyến ngư làm chiếc cầu nối chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nuôi trồng cho người sản xuất. Mặc dù mới được thành lập, nhưng Trung tâm khuyến ngư tỉnh đã cố gắng tổ chức được nhiều lớp tập huấn kỹ thuật, xây dựng các điểm trình diễn nuôi ươm tôm sú, tham

gia sản xuất con giống, đưa một số đối tượng thủy hải sản mới vào địa phương, nuôi thực nghiệm tôm hùm ở huyện đảo Lý Sơn thúc đẩy phong trào nuôi thủy hải sản phát triển.

Năm 1990, toàn tỉnh mới có 180 ha nuôi tôm xuất khẩu, đến nay tăng lên 430 ha, trong đó năm 1995 mở rộng được 80 ha, tốc độ tăng hàng năm là 34,5%. Sản lượng tôm nuôi cũng đạt khá. Năm 1990 đạt 45 tấn, năm 1995 tăng lên 225 tấn. Nhờ nuôi tôm xuất khẩu mà nhiều hộ gia đình trở nên giàu có và giấc mộng Dream bên hồ tôm đã trở thành hiện thực. Hiện nay phong trào nuôi tôm xuất khẩu đang phát triển mạnh. Những vùng đất chua mặn bao đời ở Phổ Minh, Phổ Quang (Đức Phổ), Nghĩa Hòa, Nghĩa Phú (Tư Nghĩa), Tịnh Kỳ, Tịnh Khê (Sơn Tịnh), Bình Dương, Bình Châu (Bình Sơn)... được đánh thức mang lại nguồn lợi lớn cho hàng trăm hộ gia đình. So với tiềm năng 4.500 ha có khả năng nuôi trồng thủy hải sản của tỉnh thì kết quả làm được 430 ha còn quá nhỏ. Việc nuôi tôm xuất khẩu vốn đầu tư làm hồ, mua con giống rất lớn, nhân dân không đủ sức. Để khai thác tiềm năng này, tỉnh và ngành cần có sự hỗ trợ cho dân. Lẽ nào một nguồn lợi lớn thấy trước như thế mà đành chịu để nhân dân nghèo khó.

Về lĩnh vực chế biến thủy hải sản, tỉnh ta có xí nghiệp đông lạnh Quảng Ngãi, đông lạnh Sa Huỳnh và đông lạnh Cổ Luỹ (Tư Nghĩa) nhưng hoạt động kém hiệu quả. Có đơn vị đã phá sản và có đơn vị đang "giấy chết" - chưa năm nào đạt giá trị vượt qua con số 2 triệu USD.

Trong khi sản lượng khai thác thủy hải sản của tỉnh ta vào loại cao trong cả nước. Các tỉnh lân cận như Bình Định, Quảng Nam-Đà Nẵng sản lượng khai thác cũng như tỉnh ta mà chế biến thủy hải sản xuất khẩu lại phát triển mạnh, gấp 3-8 lần so với tỉnh ta. Mặc nhiên trong lĩnh vực này thiết bị công nghệ của chúng ta quá cũ, vốn hoạt động thiếu, chưa xuất khẩu trực tiếp mà phải xuất uỷ thác hoặc mua đứt bán đoạn cho các đơn vị xuất khẩu của Trung ương. Tuy nhiên trong định hướng phát triển kinh tế trong những năm đến, vấn đề này có những khả quan mới, thực thi được điều này cần phải có những quyết tâm của ngành chế biến thủy sản. Trước hết cần có sự sắp xếp lại tổ chức, phân bổ những cán bộ đủ năng lực trình độ quản lý, điều hành. Có như vậy mới vươn lên được để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Bằng không nghề cá nhân dân phát triển cũng phiến diện khó



• Đóng mới tàu thuyền.

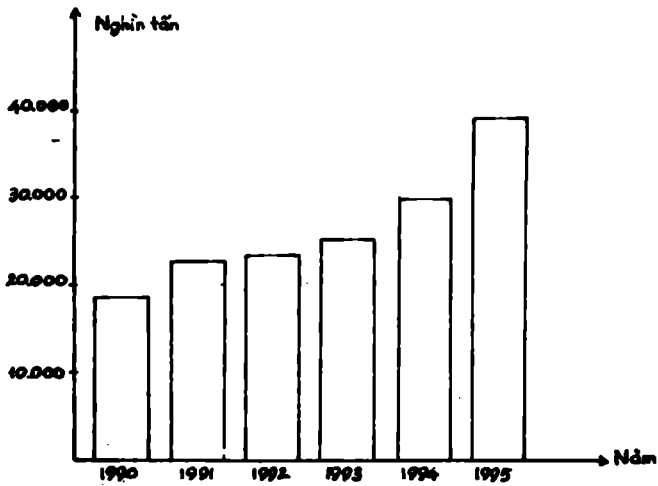
mà bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về lĩnh vực dịch vụ nghề cá, Sở Thủy sản đã và đang thực thi các dự án xây làng cá : Sa Huỳnh, Cổ Luỹ, Cảng cá Lý Sơn, Sa Kỳ với kinh phí hàng chục tỷ đồng là tiền đề quan trọng trên con đường phát triển ngành thủy sản Quảng Ngãi.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, chính quyền và của ngành thủy sản, 17.000 hộ gia đình với khoảng 100.000 khẩu của 28 xã ven biển, ven cửa đập ở tỉnh ta sinh sống gắn liền với ngành thủy sản đang phấn đấu thực hiện đạt mục tiêu của ngành để ra giai đoạn 1996-2000 là tiếp tục phát triển nghề cá nhân dân, mở rộng diện tích nuôi trồng thủy hải sản, vươn ra khơi xa khai thác tiềm năng còn lớn của ngư trường khơi, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển kinh tế toàn diện của tỉnh nhà.

T.B

**BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG THỦY SẢN ĐÁNH BẮT  
GIAI ĐOẠN 1990 - 1995**





# Công tác khuyến ngư trong giai đoạn mới

• TRIỀU DẰNG

**T**rung tâm khuyến ngư tỉnh Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp khoa học kỹ thuật được thành lập đầu năm 1994, có nhiệm vụ ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển tải các kiến thức, những kinh nghiệm đến nhóm hộ nông ngư dân trong toàn tỉnh nhằm khuyến khích ngư nghiệp phát triển toàn diện trên các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến, cơ khí tàu thuyền, dịch vụ thủy sản.

Trong 2 năm 1994-1995, Trung tâm khuyến ngư đã xây dựng trên 50 mô hình trình diễn kỹ thuật về nuôi tôm sú, nuôi ba ba, cá ao, cải tiến nghề khai thác khơi, trang bị một số máy móc thiết bị khai thác hàng hải. Trung tâm khuyến ngư đã mở 32 lớp tập huấn cho 2300 nông ngư dân ở các huyện ven biển, đồng bằng, trung du, miền núi, hải đảo, in phát hành 3700 tờ bướm và 1.000 tập tài liệu kỹ thuật, tuyên truyền thường xuyên trên báo đài. Sự ra đời của Trung tâm khuyến ngư đã đưa lại một số kết quả rõ nét và đông đảo bà con nông ngư dân hoan nghênh, ủng hộ và đã nhanh chóng tiếp cận với người sản xuất giúp cho họ có kiến thức về khoa

học kỹ thuật và tạo ra một số nghề mới ở nông thôn, đặc biệt là ở vùng núi.

Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh từ nay đến năm 2010, Trung tâm khuyến ngư xác định phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới như sau :

1. Mở rộng công tác tuyên truyền tập huấn nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản để tạo cho bà con nông ngư dân có được kiến thức kỹ thuật cơ bản.

2. Xây dựng các mô hình trình diễn trong khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo vệ nguồn lợi thủy sản để áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng năng suất, hiệu quả và tạo nghề mới cho dân.

3. Nghiên cứu các quy trình sản xuất mới và áp dụng vào điều kiện thực tế ở địa phương.

4. Tiếp tục là người bạn tốt gần gũi với nông ngư dân trong việc quy hoạch, định hình công việc cụ thể để bà con yên tâm sản xuất. Công tác khuyến ngư còn nhiều khó khăn và mới mẻ, do đó nhà nước phải hết sức quan tâm, quá trình thực hiện cần phối hợp chặt chẽ với các địa phương, các tổ chức kinh tế, xã hội, các cơ quan tuyên truyền, các cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế xã hội ngành thủy sản góp phần đáng kể tăng sản lượng, giá trị xuất khẩu, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nông ngư dân.

# KHU CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN TẬP TRUNG (CÔNG TY ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI)

những điều ghi nhận

• NGUYỄN LÂM BÌNH

CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP LÀ MỘT TRONG 9 CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ TRONG ĐIỂM CỦA TỈNH DO ĐẠI HỘI TỈNH ĐẢNG BỘ QUẢNG NGÃI LẦN THỨ XIV ĐỀ RA. TRONG 5 NĂM QUA, CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÓ BƯỚC PHÁT TRIỂN KHÁ, NHẤT LÀ VÀI NĂM GẦN ĐÂY. GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG NĂM 1995 ĐẠT TRÊN 200 TỶ ĐỒNG (THEO GIÁ CỐ ĐỊNH NĂM 1989), TĂNG 24% SO VỚI NĂM 1994 VÀ TĂNG 88% SO VỚI NĂM 1991. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN TRONG 5 NĂM (1991-1995) LÀ 12.9%. TỶ TRỌNG CÔNG NGHIỆP TRONG TỔNG SẢN PHẨM (GDP) TỪ 12.4% NĂM 1991 TĂNG LÊN 16.06% NĂM 1995. NỢP NGÂN SÁCH TỪ 12.9 TỶ ĐỒNG (1991) TĂNG LÊN TRÊN 60 TỶ ĐỒNG (1995). TRONG ĐÓ, RIÊNG KHU CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN TẬP TRUNG (CÔNG TY ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI) ĐÃ NỘP NGÂN SÁCH GẦN 45 TỶ ĐỒNG/130.8 TỶ ĐỒNG TỔNG THU TOÀN TỈNH. TRONG BÀI VIẾT NÀY CHÚNG TÔI MUỐN GIỚI THIỆU VỀ NHỮNG VIỆC LÀM MÀ CÔNG TY ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI ĐÃ, ĐANG VÀ SẼ THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI...

**T**rong một buổi làm việc với đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười và các Bộ ngành Trung ương chiều ngày 5/2/1996 vừa qua, đồng chí Nguyễn Xuân Huế - Tỉnh ủy viên, giám đốc Công ty Đường Quảng Ngãi - đã báo cáo tổng quát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 5 năm qua, nhất là sự ra đời và phát triển của cơ chế kinh tế mới. Hiện nay Công ty đã vươn mình bắt kịp xu thế phát triển của nền kinh tế đất nước; thực hiện thành công mô hình đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản xuất kinh doanh tổng hợp. Sau khi nghe báo cáo và tìm hiểu về sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể lãnh đạo công ty. đ/c Tổng Bí thư rất hài lòng và khen ngợi tập thể cán bộ, công nhân công ty, nhất là đ/c Giám đốc, là người năng động, sáng tạo, có tính quyết đoán, tổ chức điều hành bộ máy tốt, thực hiện các dự án thành công, có hiệu quả trong cơ chế mới hiện nay...

### TỪ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC...

Người dân Quảng Ngãi, ai cũng tự hào rằng quê hương của truyền thống cách mạng, nơi có Ba Tư quật cường khởi nghĩa, nơi lập nên chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường lừng danh, nơi có truyền thống chế biến mía đường từ bao đời cha ông để lại đến hôm nay, nhất là sản phẩm đường phèn, đường phổi không nơi nào có được. Nói đến Quảng Ngãi, người ta thường nhắc đến quê hương của vị ngọt mía đường, nó đã và đang trở thành ngành công nghiệp chế biến mũi nhọn mạnh nhất của tỉnh từ năm 1975 đến nay, tạo công ăn việc làm cho hàng vạn hộ nông dân và hàng nghìn công nhân có thu

nhập ổn định.

Trước đây, thời kỳ 1975-1990, Nhà máy đường Quảng Ngãi chỉ có hai loại sản phẩm là đường mía và cồn thực phẩm, với công suất thiết kế 1500 tấn mía/ngày, mọi hoạt động sản xuất, phân phối đều theo sự chỉ đạo điều hành của cấp trên. Hàng năm sản lượng mía thu mua chỉ đạt từ 50.000 tấn mía-165.000 tấn mía, tính bình quân trong 15 năm chỉ đạt 114.000 tấn mía/vụ, lượng đường thu được bình quân 9.822 tấn/vụ, giá trị tổng sản lượng bình quân đạt 23,2 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt từ 200.000-250.000 đồng/tháng. Riêng thời kỳ 1991-1995 Công ty Đường Quảng Ngãi đã có một bước chuyển đáng kể, sản lượng mía cây mua bình quân đạt trên 230.000 tấn/vụ, lượng đường chế luyện bình quân đạt 21.274 tấn/vụ, tăng hơn gấp đôi về sản lượng mía và đường so với thời kỳ 1975-1990. Đặc biệt vụ ép 1994-1995 đạt được sản lượng 333.179 tấn mía, chữ đường bình quân đạt 11,09%, đường nhập kho 32.899 tấn, trong đó chế biến đường từ mía 31.289 tấn, nâng công suất ép bình quân lên 1.900 tấn mía/ngày. Đây là năm đạt kết quả sản lượng mía-đường cao nhất trong 20 năm qua.

Cùng với việc phát triển đường mía, từ năm 1993 đến nay Công ty đã và đang thực hiện mở rộng nâng công suất một số phân xưởng, đầu tư lắp đặt các dây chuyền sản xuất, các sản phẩm mới như nâng công suất ép của phân xưởng đường từ 1.500-2.000 tấn mía/ngày, tương đương với lượng đường 33.000 tấn/năm, nâng sản lượng cồn lên 4 triệu lít/năm, nâng công suất nhà máy

Bia lên 10 triệu lít/năm, lắp đặt mới phân xưởng bánh kẹo 5000 tấn/năm, nước khoáng 36 triệu lít/năm, nước ngọt 36 triệu lít/năm, bánh Snack 3.000 tấn/năm, nha công nghiệp 3.000 tấn/năm, bao bì Carton 2,4 triệu thùng/năm với tổng số vốn đầu tư trong 3 năm trở lại đây là 163 tỷ 800 triệu. Ngoài ra, hiện nay Công ty đang khẩn trương thi công xây dựng nhà máy sữa có công suất 18.000 lít/ngày với 3 loại sản phẩm : sữa tiệt trùng, sữa chua, sữa đậu nành, với vốn đầu tư 53 tỷ đồng, đây là nhà máy sữa lớn đầu tiên ở miền Trung sẽ cho ra sản phẩm vào tháng 9 năm 1996. Điều đáng nói là những năm gần đây tất cả các dây chuyền sản xuất từ bia, bánh kẹo, nước ngọt, bánh Snack... đều được lắp đặt thiết bị và công nghệ của các nước ngoài như Đức, Tiệp Khắc, Đan Mạch, Đài Loan, Ý, Nhật nên các sản phẩm của Công ty đang từng bước chiếm lĩnh thị trường, được người tiêu dùng chấp nhận và đánh giá cao về chất lượng. Nhờ vậy Công ty đã nâng tổng vốn sản xuất kinh doanh từ 19 tỷ đồng (đầu năm 1991) lên 130 tỷ đồng vào cuối năm 1995, lao động bình quân từ 705 người (1991) lên 1.071 người (1995) và đến đầu năm 1996, tổng số cán bộ, công nhân là 1.500 người, thu nhập bình quân từ 255.000 đồng/người/tháng (1991) tăng lên 1.500.000 đồng/người/tháng (1995).

Ngoài hai loại sản phẩm chính là đường RS và cồn, từ năm 1993 Công ty có thêm sản phẩm bia, năm 1994 có thêm sản phẩm bánh kẹo, nước khoáng và năm 1995 có các loại sản phẩm nước ngọt, nha, bánh Snack, bao bì Carton, nâng tổng doanh thu từ 49,4 tỷ đồng (1991)

tăng lên 83,6 tỷ đồng (1993) và 305,6 tỷ đồng (1995); nộp ngân sách từ 7,25 tỷ đồng (1991) lên 15,77 tỷ đồng (1993) và tăng lên 44,61 tỷ đồng (1995). Điều đó nói lên sự hình thành một khu công nghiệp chế biến thực phẩm tập trung hiện đại, đa dạng hoá sản phẩm và kinh doanh có hiệu quả.

Để đạt được kết quả trên, đồng chí Giám đốc Công ty Đường Quảng Ngãi khẳng định rằng : đó là kết quả của sự đoàn kết nhất trí, thực hiện theo phương châm Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, công nhân làm chủ. Trong đó sự đoàn kết nhất trí cao từ công nhân đến ban giám đốc là yếu tố quan trọng, bên cạnh đó việc chấp hành nghiêm các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, sự phối hợp chặt chẽ các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để hoàn thành các nhiệm vụ và dự án đề ra. Đồng thời Công ty luôn nắm bắt cơ hội của thị trường nhạy bén trong kinh doanh, khai thác triệt để các lợi thế sẵn có của Công ty và địa phương, mạnh dạn đầu tư vào sản xuất.

## **NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2000**

Nói về phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh từ nay đến năm 2000, nhất là việc các sản phẩm của Công ty phục vụ trực tiếp cho khu Công nghiệp và cảng nước sâu Dung Quất.

Đồng chí Giám đốc Công ty Đường cho rằng : Trước tiên, để Quảng Ngãi trở thành một trong ba Trung tâm mía đường của cả nước, tỉnh đã đề ra chương trình 1



● Các sản phẩm của Trung tâm



● Phòng dạy vi tính

# TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT QUẢNG NGÃI



● Hệ pin mặt trời tại xã Ba Xa - Ba Tơ





● Hạt ca cao



● Cây cà phê

**CÀ PHÊ**  
**CA CAO**  
**XUẤT KHẨU**  
**QUẢNG NGÃI**

triệu tấn mía đến năm 2000, tương đương với 100.000 tấn đường. Công ty xác định sản phẩm đường - mía là vai trò chủ lực của nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế-xã hội. Vì vậy, Công ty tiếp tục đầu tư vùng mía chuyên canh, tập trung, rải vụ gần nhà máy, nhanh chóng đưa các giống mía mới có năng suất cao, chất lượng tốt xuống đồng ruộng nhằm bảo đảm sản lượng cho nhà máy sản xuất từ 6-7 tháng trong vụ ép. Về khâu chế luyện, hiện nay Công ty đang lập phương án kỹ thuật kinh tế để mở rộng nhà máy đường có công suất từ 2000 tấn/ngày lên 4500 tấn/ngày với số vốn đầu tư 20 triệu USD (thực hiện trong 2 năm 1996-1997). Đồng thời, từ nay đến năm 2000, Công ty lập dự án thực hiện trồng mía rải vụ 1750 ha mía với số vốn đầu tư 13 tỷ đồng, nâng tổng diện tích mía toàn tỉnh lên 15.700 ha, tăng 6.700 ha so với năm 1995, đưa năng suất mía bình quân lên 70 tấn/ha, chữ đường đạt bình quân 12%. Cùng với việc mở rộng nhà máy đường và phát triển vùng mía, ngay từ đầu năm 1996 Công ty đầu tư 450.000 USD mở rộng dây chuyền sản xuất kẹo mềm từ 1,5 tấn/ngày lên 6 tấn/ngày và đầu tư vốn thiết bị 1,6 triệu USD mở rộng thêm một dây chuyền sản xuất bánh từ 9 tấn/ngày lên 18 tấn/ngày; đầu tư 650.000 USD lắp đặt thiết bị dây chuyền sản xuất bia book cao cấp với công suất 5 triệu lít/năm. Những dây chuyền sản xuất trên sẽ thực hiện hoàn thành trong năm 1996, từ năm 1997 đi vào sản xuất. Trong năm 1997, Công ty sẽ đầu tư 3 triệu USD để lắp đặt phân xưởng sản xuất thức ăn gia súc của Đan Mạch với công suất 15 tấn/giờ và đến năm 1998 đi vào hoạt động. Năm 1998 Công ty sẽ đầu tư

1.000.000 USD nhằm bổ sung công đoạn sản xuất đường RS có công suất 100 tấn/ngày, năm 1999 đi vào sản xuất. Trong năm 1998-1999 Công ty đầu tư 18 triệu USD để xây dựng nhà máy đường thô và đường nâu xuất khẩu tại huyện Bình Sơn với công suất 1000 tấn mía/ngày, năm 2000 đi vào sản xuất. Ngoài ra Công ty còn dự kiến đầu tư vốn để cho ra 2 sản phẩm mới : bia lon và nước ngọt lon. Đặc biệt, với các sản phẩm sau mía đường và các ngành nghề, dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của thị trường, nhất là sự phát triển khu công nghiệp Dung Quất, Công ty sẽ là đơn vị phục vụ trực tiếp đáp ứng một phần lớn với nhiều loại sản phẩm khác nhau cho khu công nghiệp này. Về kinh doanh, Công ty phấn đấu tiêu thụ hết tất cả sản phẩm của mình làm ra, đến năm 1998 đạt doanh thu trên 800 tỷ đồng để đến năm 2000 đạt tổng doanh thu trên 1000 tỷ đồng. Riêng năm 1996 này, Công ty phấn đấu nâng doanh thu từ 305 tỷ đồng lên trên 500 tỷ đồng, lãi hơn 10% trên tổng doanh thu, thu nhập bình quân đầu người tăng tối thiểu 20% so với năm trước, nộp ngân sách tăng từ 30-40% so với năm 1995.

Chúng tôi tin rằng với sự đoàn kết, nhất trí, năng động và sáng tạo trong sản xuất kinh doanh và làm ăn có hiệu quả, Công ty Đường Quảng Ngãi đã chứng minh cho việc thực hiện thành công mô hình đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản xuất kinh doanh tổng hợp. Đây cũng chính là một bước tiến mới nhằm tạo đà cho những bước phát triển nhảy vọt trong giai đoạn 1996-2000 ở khu công nghiệp chế biến tập trung của Công ty Đường Quảng Ngãi.

# POLYME XANTHANGUM

## bước phát triển mới của CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI

• VĂN NGHIỆP

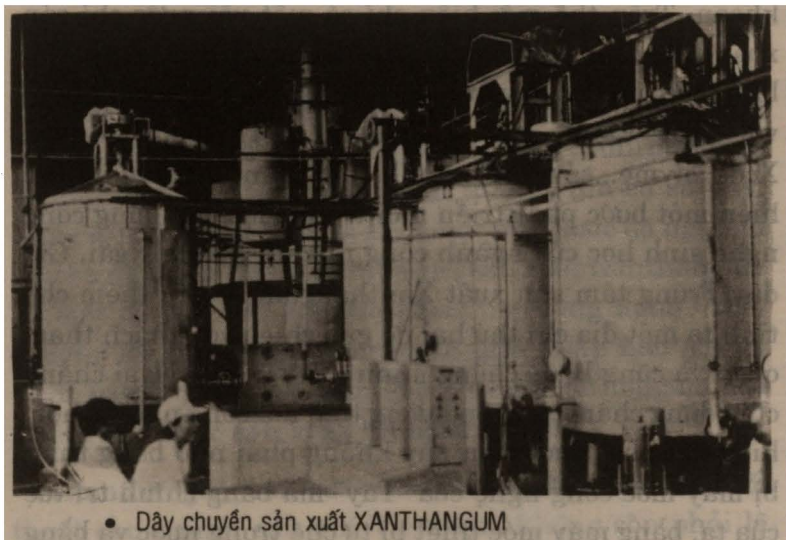
LẦN ĐẦU TIÊN TRONG NƯỚC, VỚI SỰ HỢP TÁC CỦA LIÊN HIỆP KHOA HỌC SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ HÓA HỌC (THUỘC TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA), CÔNG TY DMC VÀ XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI ĐÃ SẢN XUẤT THÀNH CÔNG POLYME XANTHANGUM - MỘT LOẠI CHẤT PHỤ GIA DÙNG TRONG CÔNG NGHỆ KHOAN, KHAI THÁC VÀ THẨM DÒ DẦU KHÍ. ĐÂY LÀ MỘT BƯỚC TIẾN MỚI CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI TRONG VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC...

**H**ội hiệp và lo âu, các nhà khoa học, nhà sản xuất thử nghiệm Polyme Xanthangum nóng lòng chờ đợi hai tiếng “thành công” từ phía khơi xa vọng về. Đã bao năm, họ chỉ chờ một khoảnh khắc này. Đó là giờ phút thiêng liêng trong ngày 27/5/1995, tại giàn khoan RP1, giếng khoan 109 thuộc mỏ Rồng (Vũng Tàu), các chuyên gia dầu khí đang thử nghiệm 3,2 tấn

Xanthangum sản xuất tại Xí nghiệp công nghiệp thực phẩm Quảng Ngãi (XNCNTPQN) để rút ra một kết luận khoa học: thành công hoặc thất bại. Và giờ phút chờ đợi ấy đã đến với một kết quả mỹ mãn : Xanthangum đã đạt được các tiêu chuẩn cần thiết. Trên cơ sở này, ngày 4/11/1995, Hội đồng khoa học nhà nước đã nghiệm thu và đánh giá đề tài nghiên cứu sản xuất Xanthangum là một đề tài xuất sắc. Bộ Khoa học công nghệ - môi trường đã cấp giấy chứng nhận giải pháp hữu ích và chất lượng cho sản phẩm độc quyền Xanthangum của Việt Nam được sản xuất tại Quảng Ngãi.

Xanthangum sản xuất thành công đã mở ra một lối thoát cho ngành dầu khí Việt Nam không còn phải lệ thuộc vào sản phẩm cùng loại của nước ngoài, đồng thời cũng “gỡ” cho Xí nghiệp CNTPQN một sự thua thiệt đáng đả trong nhiều năm miệt mài với công việc nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm. Đây là một niềm vinh dự lớn của tỉnh, bởi đây là lần đầu tiên trong nước với sự hợp tác của Liên hiệp Khoa học sản xuất công nghệ hóa học (thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia), Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí DMC (thuộc Petro Việt Nam) và Xí nghiệp CNTPQN đã sản xuất thành công Polyme Xanthangum sinh học - một loại chất phụ gia quan trọng dùng trong khoan, khai thác, thăm dò dầu khí. Loại phụ gia này có tác dụng nâng cao khả năng làm sạch đáy giếng (tăng khả năng tái mùn khoan), tăng tốc độ khoan và tuổi thọ mũi khoan; giảm đến mức tối thiểu ảnh hưởng của dung dịch khoan đến các thành tạo và giảm giá thành giếng

khoan. Trên thế giới hiện chỉ có một vài nước chỉ sản xuất được chất phụ gia này, như hãng ADF, Xanvis. Hai hãng này đã độc quyền bán ra thị trường loại sản phẩm với các tên gọi : Biozan, Thixopol, Idvis, Xcd-Polyme...sản xuất thành công Xanthangum đã thể hiện một bước phát triển mới trong việc ứng dụng công nghệ sinh học của ngành công nghiệp Quảng Ngãi. Giờ đây Trung tâm sản xuất Xanthangum sẽ góp thêm cho tỉnh ta một địa chỉ thứ hai để giới thiệu với khách tham quan và cũng là để chứng minh rằng Quảng Ngãi chẳng chịu dửng dưng trên con đường tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bước tiến này không phải nhờ bằng thiết bị máy móc công nghệ của “Tây” mà bằng chính trí tuệ của ta, bằng máy móc thiết bị tự chế trong nước và bằng nguồn nguyên liệu dồi dào có sẵn tại địa phương. Từ giá (dậu xanh), đường (mía), còn qua quy trình công nghệ sinh học cho ra sản phẩm Xanthangum chẳng thua kém chất lượng sản phẩm ngoại nhập. Mẫu sản phẩm đã được gửi kiểm nghiệm tại nhiều phòng thí nghiệm trong và ngoài nước (đặc biệt đã được gửi kiểm nghiệm tại Mỹ) đã rút ra được kết quả đối chứng : Xanthangum của Việt Nam có chất lượng tương đương với sản phẩm cùng loại mang tên Thixopol (của hãng ADF) và Xanvis (của Mỹ). Tại các cuộc thử nghiệm 13 tấn Xanthangum đầu tiên ở mỏ Rồng và mỏ Tam Đảo (Vũng Tàu) cũng đã chứng minh điều này. Ở nhiệt độ khoan 100 độ C, độ sâu khoan 2.651m qua nhiều tầng địa chất phức tạp Xanthangum vẫn đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng. Gần đây, XNCNTPQN đã hiệu chỉnh lại quy trình sản xuất



cho phép Xanthangum vẫn giữ được độ bôi trơn mũi khoan ở độ sâu trên 3.000m, nhiệt độ khoan từ 120 đến 150 độ C.

Xí nghiệp CNTPQN đã được cấp phép sản xuất chính thức Xanthangum cung cấp cho Liên doanh Dầu khí Việt-Xô kể từ năm 1996. Loại sản phẩm này sẽ đem lại lợi nhuận rất lớn cho tỉnh nhà. Bình quân mỗi năm hoạt động khai thác và thăm dò dầu khí ở thềm lục địa nước ta cần một lượng Xanthangum tới vài nghìn tấn (mỗi giếng khoan tiêu tốn 5 tấn Xanthangum). Giá trị thương mại của chất phụ gia cùng loại nhập ngoại khá cao, từ 9.138 USD đến 11.480 USD/tấn, đặc biệt có loại lên tới 17.480 USD. Xanthangum của Việt Nam sản xuất tại XNCNTPQN giá thành hạ hơn, chỉ khoảng từ 8.000-8.500 USD/tấn. Khả năng của XNCNTPQN trong

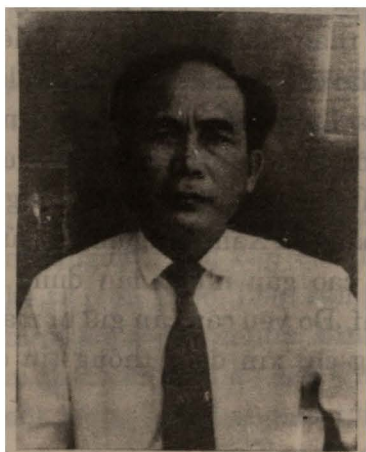
giai đoạn đầu đã được đầu tư 1 tỷ đồng trang bị thiết bị và hoàn chỉnh công nghệ, sẽ sản xuất được từ 200-300 tấn, và tiếp tục nâng dần công suất lên 500 tấn/năm, tiếp đến sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu khoan, khai thác, thăm dò dầu khí của Vietsov Petro. Với khả năng này, mỗi năm tỉnh ta sẽ có một nguồn thu nhập từ Xanthangum trong giai đoạn đầu tới hàng chục tỷ đồng. Hiện nay, XNCNTPQN đang chuẩn bị sản xuất 50 tấn Xanthangum theo hợp đồng đã ký với Công ty Dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí DMC (thuộc Petro Việt Nam).

Kết thúc bài viết này xin nói thêm rằng, Xanthangum không chỉ là một chất phụ gia dùng trong công nghệ khoan, khai thác dầu khí mà còn nhiều tác dụng quan trọng khác cho các ngành kinh tế. Đó là một thông báo mới nhất của Liên hiệp Khoa học sản xuất công nghệ hóa học Quốc gia. Xanthangum sẽ được sử dụng trong một hợp chất đặc biệt dùng trong công nghệ xử lý nước sạch. Lợi nhuận của Xanthangum khi sử dụng vào công nghệ này sẽ cao gấp nhiều lần dùng trong khoan khai thác dầu khí. Do yêu cầu cần giữ bí mật nên người viết bài này cũng chỉ xin được thông tin chừng mực như vậy.



# Những nỗ lực & kết quả bước đầu của **CÔNG TY CÀ PHÊ - CACA O** **QUẢNG NGÃI**

• **Phòng vấn ông TRẦN THANH**  
Giám đốc Cty CÀ PHÊ - CACA O QUẢNG NGÃI



NHỮNG NGÀY  
NÀY, CÔNG TY CÀ PHÊ  
- CACA O XUẤT KHẨU  
QUẢNG NGÃI ĐANG  
TẮT BẬT VỚI CÔNG  
VIỆC CUỐI CÙNG ĐỂ  
HOÀN CHỈNH ĐƯA  
PHÂN XỬNG CHẾ  
BIẾN CHOCOLATE -  
CACA O BỘT VÀO  
HOẠT ĐỘNG. SAU

BUỔI GẶP GỠ VỚI ÔNG TRẦN THANH - GIÁM ĐỐC CÔNG  
TY CÀ PHÊ - CACA O XUẤT KHẨU, ÔNG KHIÊM TỐN NHẮC  
ĐI NHẮC LẠI NHIỀU LẦN: "CÔNG TY CỦA CHÚNG TÔI CÒN  
NON YẾU, SẮP TỚI CHÚNG TÔI SẼ PHẤN ĐÁU HƠN NỮA  
ĐỂ ĐƯA CÔNG TY VỮNG MẠNH HƠN, THEO ĐÀ VỚI SỰ

PHÁT TRIỂN KINH TẾ HIỆN NAY". TUY NHIÊN, TRONG 5 NĂM QUA CÔNG TY CAPHÊ - CACAO QUẢNG NGÃI ĐẠT ĐƯỢC MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐÁNG KHÍCH LỆ. SAU ĐÂY CHÚNG TÔI XIN GIỚI THIỆU CÙNG BAN ĐỌC NỘI DUNG CUỘC TRAO ĐỔI VỚI ÔNG TRẦN THANH.

- **BTV** : *Thưa ông Giám đốc, xin ông cho biết đôi nét về kết quả trong 5 năm qua (1990-1995) của Công ty ?*

- **Ông Trần Thanh (TT)** : Công ty Caphê - cacao xuất khẩu Quảng Ngãi được thành lập năm 1989. Đây là một Công ty có chức năng mới đối với Quảng Ngãi, vì trước nay những cây công nghiệp dài ngày như : caphê, cacao, cao su chưa hình thành vùng sản xuất tập trung nên người dân Quảng Ngãi (hầu hết là nông dân) bờ ngõ chưa nhận thức giá trị kinh tế của loại cây công nghiệp hàng hóa này. Bởi vì cây lúa, cây mía và các loại hoa màu khác bao đời nay là bạn cố hữu của họ. Do đó việc triển khai đưa cây caphê, cacao và cao su vào nhân dân gặp những trở ngại lớn. Tuy nhiên, trong 5 năm qua (1990 - 1995) Công ty đã làm được một số việc :

+ *Đối với cây cacao :*

Từ năm 1990 về trước, Công ty đầu tư thăm dò ở các huyện miền núi : 52 ha. Vốn ngân sách hỗ trợ chương trình trung du - miền núi trong 2 năm 1992 - 1993 trồng 355 ha. Bên cạnh đó vốn các dự án 327 đầu tư năm 1994 - 1995 trồng được 60 ha. Công ty vay vốn đã đầu tư cho nông dân các huyện đồng bằng là : 1991 : 61,5 ha; 1992 : 109 ha; 1993 : 183 ha; 1994 : 360,6 ha và năm 1995 :

49 ha. Dự kiến Công ty sẽ đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu đến năm 2000 thêm 200 ha và đầu tư thâm canh 300 ha diện tích đã trồng các năm 1991, 1992 và 1993.

+ *Đối với cây cà phê :*

Vốn ngân sách hỗ trợ chương trình trung du - miền núi trong 2 năm 1992-1993 là 89 ha (trồng phân tán trong nhân dân). Đồng thời đã tập trung được 30 ha (trong đó Sơn Kỳ : 26 ha, Long Sơn (Minh Long) 2 ha, Sơn Bao (Sơn Hà) 2 ha). Đến năm 1994 các dự án 327 trồng : 50 ha; năm 1995 tăng lên 80 ha. Các dự án này do Công ty cung cấp cây giống. Công ty đã đầu tư trồng điểm ở Ba Vì (Ba Tơ), từ năm 1990-1995 : 18 ha. Tổng số diện tích hiện có ở các dự án và trong dân là 267 ha.

Đối với cây cà phê, có một số điểm trình diễn như Ba Vì (Ba Tơ) do Công ty quản lý, điểm này đã đưa vào kinh doanh 5 ha, cuối năm 1995 đã cung cấp giống cho dự án 327 là 500 kg. Riêng ở điểm Sơn Kỳ (Sơn Hà) do Tổng Đội thanh niên xung phong quản lý, đã có 10 ha đưa vào kinh doanh. Ở các hộ dân của các huyện cũng bắt đầu thu bói. Nhìn chung, cây cà phê ở các điểm trình diễn và hộ nông dân trồng, khẳng định đất trung du miền núi Quảng Ngãi trồng được cà phê. Tất nhiên không thể sánh với Tây Nguyên.

+ Ngoài 2 loại cây trồng chính cà phê và ca cao, Công ty đã góp phần thực hiện chương trình cây cao su từ năm 1992. Lúc bấy giờ Công ty đầu tư xây dựng vườn nhân gỗ ghép là 1,5 ha. Hiện nay vẫn đang quản lý và cung cấp gỗ cho các dự án. Trong các năm qua, Công ty đã

cung cấp giống cho Nông trường 24/3 và Bình Khương (Bình Sơn) trồng được 391,3 ha.

- **BTV** : *Xin ông cho biết những khó khăn trong quá trình thực hiện, những chủ trương và giải pháp hoạt động cho những năm đến ?*

- **Ông TT** : Khó khăn đầu tiên là kinh nghiệm và hiểu biết của dân đối với các loại cây trồng này còn ít, nhất là cây ca-phê. Hơn nữa thổ nhưỡng của vùng đất trung du - miền núi Quảng Ngãi không thể so với Tây Nguyên. Nhưng thực sự đất dốc và các đồi núi của các huyện miền núi của ta hiện nay chưa có cây gì chiếm ưu thế hơn cây ca-phê. Nhưng muốn làm được và đưa thành diện rộng thì phải có vốn và cán bộ khoa học kỹ thuật. Ngoài ra, phải có đội ngũ lãnh đạo tận tụy vì mục tiêu “dân giàu” cần phải thực hiện phương châm “ba cùng” thì mới thực hiện được mục tiêu và kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, các sản phẩm của các loại cây này chưa thành vùng tập trung mà còn rải rác, do đó rất khó khăn cho việc tổ chức thu mua (kể cả ca-phê - cacao).

Trong những năm đến, các loại cây trồng này sẽ được chú trọng hơn, làm cho người dân hiểu rõ hơn giá trị kinh tế của các loại cây công nghiệp này. Riêng cây cacao sẽ là nguồn nguyên liệu cho phân xưởng chế biến chocolate và bột cacao, một trong những nhà máy đầu tiên của miền Trung được xây dựng tại Quảng Ngãi. Còn cây ca-phê, chủ trương của UBND tỉnh trong 2 năm 1996-1997 trồng 1000 ha trong đó năm 1996 trồng 400 ha. Việc cung cấp giống cho kế hoạch này do Công ty

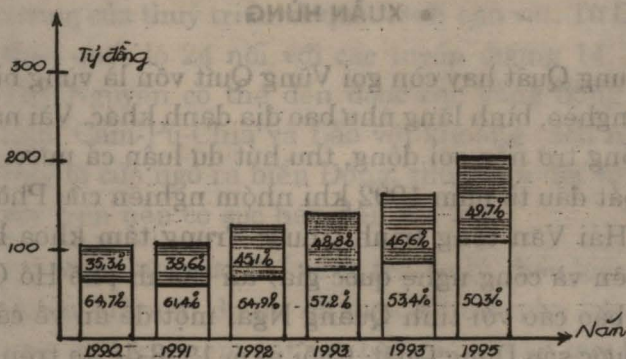
dảm trách.

- **BTV** : Ông có thể cho biết vài nét về việc xây dựng phân xưởng sản xuất chocolate và bột cacao ?

- **Ông TT** : Theo Quyết định số 1.700/QĐ-UB ngày 20/10/1995 của UBND tỉnh cho phép Công ty đầu tư xây dựng phân xưởng sản xuất chocolate và bột cacao. Phân xưởng này có công suất 450 tấn sản phẩm/năm. Tổng số vốn trên 8 tỷ đồng. Dự tính phân xưởng này nếu không có gì thay đổi sẽ đưa vào hoạt động đầu tháng 9 năm nay. Chúng tôi dự kiến sau khi phân xưởng trên đi vào hoạt động ổn định sẽ trình UBND tỉnh cho phép mở rộng sản xuất thêm một số mặt hàng ngoài chocolate thanh và bột cacao (kẹo bọc đường chocolate, chocolate bọc nhân hạt điều, đậu lạc...) và nếu đủ điều kiện thì chế biến cà phê hòa tan...

- **BTV** : Xin cảm ơn ông.

## BIỂU ĐỒ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT VÀ CƠ CẤU GTXX NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 1990 - 1995 (Theo giá cố định 1989)



: Giá trị sản xuất



: Công nghiệp TW



: Công nghiệp ĐP

Năm: 1990 1991 1992 1993 1994 1995

Tỷ đồng: 105,883 106,023 128,184 141,216 161,483 200,377

# DUNG QUẤT

## KHÁT VỌNG TƯƠNG LAI

• XUÂN HÙNG

**D**ung Quất hay còn gọi Vũng Quít vốn là vùng biển nghèo, bình lặng như bao địa danh khác. Vài năm qua bỗng trở nên sôi động, thu hút dư luận cả nước. Sự kiện bắt đầu từ năm 1992 khi nhóm nghiên cứu Phòng Thủy Hải Văn công trình (thuộc Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia) tại thành phố Hồ Chí Minh báo cáo với tỉnh Quảng Ngãi một đề án về cảng biển nước sâu Dung Quất. Cuối năm 1993 đề án trên đã được trình lên Chính phủ, tiếp theo nhiều đoàn cán bộ lãnh đạo và khoa học thuộc các Bộ, ngành Trung ương đã đến Dung Quất khảo sát, thăm dò để xây dựng khu công nghiệp phức hợp cho tương lai.

Vũng Dung Quất là một vịnh sâu nằm ở phía đông bắc huyện Bình Sơn, có thể chia thành hai vịnh : vịnh lớn và vịnh nhỏ. Vịnh lớn dài 11km từ mũi Thanh Long đến mũi Co Co, độ sâu trung bình phần lớn trên 20m.

Tổng diện tích toàn vịnh khoảng  $48\text{km}^2$ . Vịnh nhỏ chiều rộng khoảng  $3,5\text{km}$  với diện tích  $7\text{km}^2$ , trong đó phần diện tích có độ sâu từ  $6\text{m}$ - $20\text{m}$  chiếm hơn  $3\text{km}^2$ . Đây là khu vực được lựa chọn để xây dựng cảng nước sâu Dung Quất. Vũng Dung Quất chỉ cách sân bay Chu Lai khoảng  $7\text{km}$ , lại nằm rất gần đường sắt, quốc lộ 1A và hệ thống lưới điện quốc gia đi ngang qua. Luồng vào cảng có tính ưu việt đặc biệt là luồng tự nhiên sát biển, có chiều rộng và chiều sâu khá lớn có thể tiếp nhận tàu hàng có trọng tải  $50.000$  tấn và tàu chở dầu trên  $150.000$  tấn từ biển trực tiếp vào cảng mà không phụ thuộc vào chế độ lên xuống của thủy triều và quá trình nạo vét. Từ Dung Quất theo quốc lộ 24 nối với các tuyến đường 14, 19 đi qua Tây Nguyên có thể đến được các vùng đông bắc Thái Lan, Cam-Pu-Chia và Lào với khoảng cách ngắn nhất. Đây là cửa ngõ ra biển Đông, thuận lợi đối với các nước nói trên nên có sức hấp dẫn rất lớn.

Với những ưu thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi, nên dự án đã được Chính phủ hết sức quan tâm. Sau khi xem xét các báo cáo, dự án quy hoạch của các Bộ, ngành và trực tiếp thị sát vũng Dung Quất, tháng 11/1994 Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký quyết định 658/TTg chọn nơi này làm địa điểm nghiên cứu xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 và quy hoạch khu kinh tế trọng điểm miền Trung từ Liên Chiểu đến Dung Quất. Từ khi có quyết định của Chính phủ mỗi ngày có hàng chục đoàn khách trong nước và quốc tế đổ về vịnh Dung Quất. Con đường từ dốc Sỏi đến cửa biển Sa Cần và đường công vụ Bình Hiệp - Dung Quất trở nên tấp nập người



xe qua lại. Hầu như các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước và các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong cả nước đã đến thăm Dung Quất. Điều đáng chú ý là hàng chục tập đoàn kinh tế lớn của cả nước đã đến đây khảo sát, lập dự án đầu tư.

Giữa năm 1995, Thủ tướng Chính phủ lại đến Dung Quất để xem xét địa điểm dự định cảng biển nước sâu, Nhà máy lọc dầu, các khu công nghiệp và thành phố Vạn Tường. Đầu tháng 8/1995 trong cuộc họp của Chính phủ tại Đà Nẵng, Thủ tướng đã cho công bố quyết định chính thức xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 tại Dung Quất, quy hoạch khu kinh tế trọng điểm miền Trung từ Liên Chiểu đến Dung Quất. Quy hoạch này bao gồm việc xây dựng cảng Dung Quất, Nhà máy lọc dầu số 1,



• Ảnh: N.V.XUÂN



Các sản phẩm bia Quảng Ngãi

biến áp  
Đức Phổ



# Diện lực Quảng Ngãi

- Cải tạo đường điện nội thị



cảng Liên Chiểu, Kỳ Hà, sân bay Chu Lai và hình thành các đô thị mới như thành phố Vạn Tường, thị xã Tam Kỳ, Tân An và hàng chục khu công nghiệp tại hai tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi. Và ngày 11/4/1996 vừa qua Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký quyết định số 207/TTg phê duyệt quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất. Đó là những mốc sự kiện hết sức lớn lao trong tương lai sẽ làm thay đổi hẳn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Riêng tại Quảng Ngãi, theo quy hoạch đến năm 2010 (khi xây dựng hoàn chỉnh), khu công nghiệp Dung Quất sẽ chiếm diện tích trên 14.000 ha, trong đó giai đoạn từ nay đến năm 2000 đạt khoảng 4.000ha. Dân số khu công nghiệp tăng từ 44.000 lên 120.000 người. Tại khu công nghiệp này dự định sẽ hình thành Trung tâm lọc hóa dầu của cả nước gồm hai nhà máy lọc dầu công suất 13 triệu tấn/năm, một tổ hợp công nghiệp hóa dầu hiện đại. Đồng thời xây dựng khoảng 10 khu công nghiệp khác như : sửa chữa, đóng tàu; lắp ráp giàn khoan dầu khí, thiết bị khoan; công nghiệp nhẹ, điện tử; luyện kim; chế biến lương thực - thực phẩm; lắp ráp cơ khí; sản xuất vật liệu xây dựng; khu công nghiệp luyện cán thép công suất từ 1,4 đến 2 triệu tấn/năm.

Cùng với việc xây dựng cảng biển và các khu công nghiệp, sẽ hình thành hệ thống đường giao thông cao tốc từ Bình Long đi Vạn Tường - Dung Quất, Dốc Sỏi - Dung Quất, kể cả nối đường sắt xuống cảng và hàng loạt tuyến đường quan trọng khác. Bên cạnh đó, cũng sẽ tiến hành việc xây dựng nhà ở cho công nhân, chuyên gia



• Ảnh: T.K.D

nước ngoài, các khách sạn, khu du lịch và thành phố Vạn Tường. Theo ước đoán của các nhà đầu tư : tổng kinh phí để xây dựng hoàn chỉnh khu công nghiệp này lên đến hàng chục tỷ đô-la và tương lai sẽ thu hút trên 50 vạn lao động.

Viễn cảnh hấp dẫn trên đã làm cho cán bộ, nhân dân trong tỉnh khắc khoải mong chờ từ suốt mấy năm qua. Đầu năm 1996 niềm vui thực sự đến với mọi người khi đ/c Tổng Bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch nước Lê Đức Anh về thăm Dung Quất và Tổng công ty dầu khí Việt Nam thông báo đã chọn xong đối tác cho việc đầu tư xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 ở Dung Quất. Có thể nói đây là “đột phá khẩu” để mở đầu cho việc hình thành khu kinh tế trọng điểm của miền Trung. Các đối tác tham gia tổ hợp liên doanh xây dựng Nhà máy lọc dầu đầu tiên này gồm : Petro Việt Nam góp 30% vốn, nhóm Lucky



Goldstar (gồm Công ty Lucky Goldstar, Ngân hàng phát triển Hàn Quốc và Công ty kỹ thuật Stone Wedster (Mỹ)) 30% và 10% còn lại là các Công ty Đài Loan. Nhà máy lọc dầu số 1 công suất 6,5 triệu tấn/năm, được xây dựng trên diện tích khoảng 200 ha với tổng kinh phí 1,2 tỷ đô-la.

Thời gian qua, tỉnh ta đã tiến hành khoan thăm dò khu bến nước để làm cảng, địa điểm xây dựng Nhà máy lọc dầu, và phá bom mìn dợt dầu, xây dựng đường công vụ Bình Hiệp - Dung Quất (bước 1), khảo sát, lập quy hoạch khu dân-cư ở vùng Tịnh Hà (Sơn Tịnh), Bình Thanh (Bình Sơn) để di dân dợt dầu khoảng 700 hộ. Ngoài ra, tỉnh cũng đã chuẩn bị phương án cấp điện, nước, thông tin liên lạc, quy hoạch khu du lịch Mỹ Khê, điều tra đánh giá tác động môi trường...

Hiện nay, các đơn vị thi công đang gấp rút san ủi mặt bằng, xây dựng khu định cư mới để di dân dợt dầu kịp thời gian bàn giao mặt bằng để chuẩn bị khởi công xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 trong năm 1996 này.

Trong chiến tranh, người dân vùng đất nghèo khó khu đông Bình Sơn đã chịu nhiều hy sinh mất mát, kiên cường bám trụ quê hương làm nên chiến thắng Vạn Tường lịch sử, góp phần cùng cả nước giành lại độc lập cho dân tộc. Ngày hôm nay cũng những con người bình dị, kiên cường ấy lại sẵn sàng rời khỏi nhà cửa, ruộng vườn thân thuộc để phục vụ cho vận hội mới phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

# Bước phát triển của một đơn vị **ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC - KỸ THUẬT**

• THANH HÙNG

**C**uộc cách mạng khoa học - công nghệ (KH-CN) trên thế giới hiện nay đang diễn ra như vũ bão. Mỗi phút đã nảy ra hàng loạt các phát minh sáng chế và những phát minh sáng chế ấy nhanh chóng được đưa vào áp dụng để nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh, phục vụ nhu cầu của con người.

Xác định được ý nghĩa và tầm quan trọng đó, trong năm 1990, chưa đầy một năm, sau ngày xác lập tỉnh Sở Khoa học - công nghệ và môi trường (Sở KH-CN&MT) (trước đây là Ủy ban khoa học - kỹ thuật tỉnh) đã sớm có đề xuất để thành lập Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ (nay là Trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật). Đến tháng 2/1990 đề xuất đó đã được chấp thuận bằng Quyết định số 1332/QĐ-UB, cho phép thành lập Trung tâm Thông tin khoa học-kỹ

thuật và chuyển giao công nghệ (TTTTKH-KT&CGCN), với chức năng chính là chiếc cầu nối giữa nghiên cứu và thực nghiệm.

Được ra đời trong giai đoạn đầu của cơ chế quản lý mới, đặc biệt trong lúc quản lý KH-CN đã có những thay đổi căn bản, việc sắp xếp lại các hoạt động KH-CN theo Nghị định số 85/HĐBT ngày 28/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng, nhiều Trung tâm, trạm, trại, viện phải sát nhập hoặc giải thể, chuyển hướng hoạt động. Do đó Trung tâm TTKH-KT&CGCN Quảng Ngãi cũng đã trải qua giai đoạn đầy khó khăn.

Trung tâm mới thành lập, đội ngũ cán bộ vừa thiếu vừa yếu lại hoạt động trong điều kiện lấy thu bù chi, kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động của Trung tâm chủ yếu là chi cho con người với biên chế là 6 cán bộ.

Vấn đề con người và tài chính là hai nhân tố quan trọng để Trung tâm thực hiện chức năng của mình. Vì vậy trong những năm đầu Trung tâm thực hiện phương châm “vừa làm vừa đầu tư - đầu tư đến đâu làm đến đó” với biện pháp “tích cực làm, tiết kiệm chi, đầu tư chất xám, tích lũy tài chính, để đi sâu vào công nghệ cao”.

Với phương châm và biện pháp trên, đồng thời được sự lãnh đạo của các cấp Đảng và chính quyền mà trực tiếp là Sở Khoa học công nghệ và môi trường, Trung tâm đã luôn hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Trong 5 năm (1990-1995) Trung tâm đã thực hiện được một số công tác với những kết quả ban đầu, đó là : về



đội ngũ cán bộ, từ chỗ ban đầu chỉ có 3 cán bộ, đến nay đã có đầy đủ bộ khung Giám đốc, Phó Giám đốc và tổng số nhân viên là 16 người trong đó có 6 biên chế còn lại là hợp đồng. Hầu hết các cán bộ Trung tâm có trình độ trung cấp trở lên. Song song với việc đào tạo cán bộ, trong những năm qua Trung tâm đã tiếp thu và triển khai có kết quả các chương trình về năng lượng mới phục vụ ánh sáng cũng như sinh hoạt văn hóa cho các cụm dân cư thuộc vùng cao vùng xa như : Thủy điện nhỏ, pin mặt trời phát điện bằng năng lượng gió...Đến nay đã lắp đặt sử dụng khoảng 30KW phục vụ hơn 100 hộ gia đình đồng bào dân tộc.

Thực hiện chính sách kinh tế mở cửa của Đảng và Nhà nước, Trung tâm đã đầu tư và hình thành Trung tâm Tin học nhằm góp phần vào việc làm chủ công nghệ tiên tiến trên địa bàn. Trung tâm đã đào tạo trên 300 học viên ở các lớp tin học căn bản và tin học nâng cao, góp phần giải quyết những khó khăn trước mắt của tỉnh về đội ngũ cán bộ sử dụng công cụ tin học phục vụ cho quản lý nhà nước cũng như trong sản xuất kinh doanh. Ngoài ra Trung tâm đã hình thành bộ phận lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì máy tính, máy văn phòng và bước đầu soạn thảo các phần mềm ứng dụng nhằm phục vụ cho các đơn vị khai thác máy đạt hiệu quả hơn.

Đối với nhiệm vụ triển khai ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất Trung tâm tích cực khắc phục khó khăn, triển khai, tổ chức tiếp nhận và xây dựng 2 cơ sở sản xuất sản phẩm mới, đó là :

+ Xưởng bê tông ly tâm có công suất 2000 trụ điện/năm và 2000 mét ống cống giao thông và ống thoát nước có đường kính từ  $\emptyset$  400 -  $\emptyset$  1000mm. Những sản phẩm này đảm bảo về chất lượng theo tiêu chuẩn nhà nước quy định, giá thành hợp lý, tuổi thọ cao, góp phần nâng cao thẩm mỹ và độ bền vững của công trình.

+ Xưởng phân lân hữu cơ vi sinh với công suất 5000 tấn/năm đã đi vào sản xuất, năm 1995 sản xuất thử 2000 tấn. Đây là một sản phẩm được sản xuất bằng công nghệ lên men hiện đại, với chủng men ngoại nhập từ Mỹ. Sản phẩm lân hữu cơ vi sinh Quảng Ngãi đã được thị trường chấp nhận.

Hàng năm hai cơ sở sản xuất này đã đóng góp vào ngân sách từ 80-100 triệu và giải quyết cho gần 70 lao động với thu nhập bình quân từ 350.000-400.000 đồng/tháng cho mỗi lao động.

Ngoài những công việc trên trong những năm qua Trung tâm còn tham gia xét duyệt, thẩm định, giám định về mặt công nghệ thiết bị cho hàng loạt các dự án, góp phần hạn chế nhập các công nghệ, thiết bị lạc hậu không đảm bảo yêu cầu, cho các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trong tỉnh.

Để có được những kết quả trên, trước hết phải nói đến sự quan tâm chỉ đạo của các cấp mà trực tiếp là Sở KH&CN&MT và đặc biệt là sự nỗ lực vươn lên của đội ngũ cán bộ KH-KT trẻ, nhiệt tình, có tinh thần ham học hỏi. Trung tâm đã có kế hoạch định hướng phù hợp cho

từng giai đoạn, phát huy những thành tích đã đạt được trong 5 năm qua, Trung tâm đang tích cực khắc phục những khó khăn nhược điểm còn tồn tại, phấn đấu hơn nữa để thực thụ là một đơn vị ứng dụng tiến bộ KH-KT, góp phần thiết thực vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh nhà theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra trong những năm 1996-2000.

# 5 năm với phong trào làm GIAO THÔNG NÔNG THÔN ở Quảng Ngãi

• THU LÊ

**C**ùng với các ngành khác trong tỉnh, trong 5 năm qua (1991-1995) ngành giao thông vận tải Quảng Ngãi đã không ngừng phát triển trên nhiều mặt, đặc biệt là công tác phát triển giao thông nông thôn - miền núi đã chuyển biến rất rõ nét từ tỉnh đến cơ sở, đạt nhiều kết quả đáng kể. Mỗi năm trên địa bàn tỉnh lại có thêm hàng chục công trình mới, hàng trăm km đường giao thông được thông tuyến đến các vùng sâu, góp phần không nhỏ trong việc thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế nông thôn, miền núi, cải thiện dân sinh, mở mang dân trí nhằm xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa như Nghị quyết của Đảng đã đề ra.

## TỪ HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG...

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, mạng lưới giao thông

đường bộ hiện có 163 km đường quốc lộ. Trong đó, quốc lộ 1A dài 98 km chạy dọc từ Bắc vào Nam tỉnh, quốc lộ 24 dài 65 km được nối từ quốc lộ 1A qua một phần huyện Mộ Đức, Đức Phổ và xuyên suốt từ đông sang tây huyện Ba Tư thông tuyến với tỉnh bạn Kon-Tum. Đường tỉnh có 7 tuyến với tổng chiều dài 180 km, có 78 cầu, 258 cống các loại. Đường huyện và liên xã có 283 tuyến với tổng chiều dài 1.413 km và trên các tuyến này có 335 cầu, chiều dài bình quân 11,3m trên cầu, 1.061 cống các loại, bình quân dài 5,2m, 262 ngầm, tràn dài bình quân 18m, mật độ đường bộ trung bình hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh là  $0,304 \text{ km/km}^2$  được phân bố tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và những năm đến.

Tuy nhiên, về chất lượng mạng lưới đường bộ còn quá kém, trong tổng số hơn 1.780 Km đường bộ hiện có thì mặt đường thâm nhập nhựa chỉ có gần 134 Km, chiếm 7,5% tổng chiều dài. Phần lớn mặt đường nhựa thuộc quốc lộ 1A và đường trong thị xã, còn hầu hết các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường liên xã là đường đất nền đường hẹp. Riêng các tuyến miền núi đường quanh co, độ dốc lớn, thường bị sụt lở vào mùa mưa, phần lớn ngầm, tràn, cầu, cống thuộc mạng lưới giao thông nông thôn đều làm tạm. Hiện nay, còn 7/58 xã của 5 huyện miền núi chưa có đường cho xe ô tô đến trung tâm xã với tổng chiều dài cần thông tuyến gần 150 Km, một số trục giao thông dọc tuyến miền núi, trung du và ven biển vẫn chưa được thông tuyến.

## ĐẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 5 NĂM QUA

Có thể nói rằng, phong trào làm giao thông nông thôn ở Quảng Ngãi được tổ chức thực hiện có kết quả đáng kể, nhất là từ năm 1993-1995, nhờ rút kinh nghiệm từ thực tế phong trào qua 2 năm 1991-1992, bên cạnh đó tỉnh cũng đã học tập được nhiều kinh nghiệm tốt về tổ chức phong trào ở các tỉnh bạn, nên từ năm 1993 đến cuối năm 1995 tỉnh đã liên tục phát động mở hàng chục chiến dịch làm đường giao thông nông thôn trong toàn tỉnh. 5 năm qua, toàn tỉnh đã đầu tư tổng số vốn đã phát triển giao thông nông thôn và miền núi 61 tỷ 757 triệu đồng, bình quân mỗi năm đầu tư hơn 12 tỷ 350 triệu đồng. Riêng trong 3 năm (1993-1995) đã đầu tư 50 tỷ 253 triệu đồng, bình quân đầu tư 16 tỷ 751 triệu đồng/năm. Cũng trong 3 năm qua, Trung ương đã hỗ trợ vốn cho tỉnh 1 tỷ 889 triệu đồng, bình quân mỗi năm Trung ương hỗ trợ 629 triệu đồng. Bằng các biện pháp huy động vốn, trong 5 năm qua, tỉnh đã chi ngân sách 11 tỷ 185 triệu đồng, chi ngân sách huyện, xã 19 tỷ 654 triệu đồng, nâng tổng số vốn đầu tư từ nguồn ngân sách lên 30 tỷ 839 triệu đồng, bình quân mỗi năm đầu tư 6 tỷ 167 triệu đồng, trong khi đó, tổng thu ngân sách bình quân trong 5 năm là 98 tỷ đồng. Như vậy, tỷ lệ chi ngân sách hàng năm của tỉnh cho việc phát triển giao thông nông thôn miền núi chiếm 6,29% so với tổng thu ngân sách. Cùng với nguồn ngân sách các cấp trong tỉnh đầu tư, nhân dân cũng đã đóng góp 25 tỷ 909 triệu đồng; các nguồn huy động khác hơn 3,1 tỷ đồng. Đối với việc huy

động ngày công lao động, trong 5 năm qua đã đưa tổng số ngày công lên 8.820.000 công, trong đó ngày công lao động nghĩa vụ công ích 4.220.000 công, ngày công lao động XHCN 4.600.000 công, bình quân mỗi năm toàn tỉnh huy động 1.764.000 ngày công làm giao thông nông thôn. Riêng năm 1995, toàn tỉnh đầu tư với tổng số vốn 22 tỷ 55 triệu đồng, tăng gấp 5,08 lần so với năm 1991, trong đó huy động nhân dân đóng góp 9 tỷ 965 triệu đồng, chiếm 45,18% tổng số vốn đầu tư; huy động ngày công lao động nghĩa vụ công ích và lao động XHCN được 3.078.000 công, tăng 5,13 lần so với năm 1991. Đây cũng là năm tỉnh huy động về vốn và ngày công cao nhất trong 5 năm qua và đều tăng so với năm 1994 từ 41%-85%.

Với số vốn đầu tư và huy động ngày công lao động như trên, trong 5 năm qua (1990-1995) toàn tỉnh đã thực hiện khối lượng thông tuyến, làm mới 716,5km, làm mặt đường các loại 1.190km, trong đó đường cấp phối 1.103km, đường rải đá dăm 70km, thâm nhập nhựa 17km; xây dựng 205 cầu các loại với tổng chiều dài 3926m; trong đó cầu bê tông 79 cái/1500m, cầu gỗ 106 cái/985m, cầu sắt các loại 20 cái/1448m; xây dựng 1087 cống các loại với tổng chiều dài 6.904m; xây dựng tràn các loại 138 cái với chiều dài 765m. Đến cuối năm 1995 trong tỉnh có 100% số huyện có đường cho xe ô tô, tàu biển đến Trung tâm huyện và các Trung tâm kinh tế dân cư của huyện, toàn tỉnh đã có 164/171 xã, phường, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã. Trong 5 năm qua đã thông tuyến, làm mới đường ô tô đến thêm 21

xã trước đây chưa có đường (chủ yếu là xã miền núi), riêng năm 1995 đã mở đường, thông tuyến đến 5 xã miền núi. Huyện Mộ Đức là đơn vị luôn dẫn đầu về tổ chức và huy động các nguồn lực đầu tư phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn. Các huyện Tư Nghĩa, Bình Sơn và hai huyện miền núi Sơn Hà, Trà Bồng cũng đạt được nhiều thành tích về tổ chức và huy động làm giao thông nông thôn. Các xã Đức Nhuận (Mộ Đức), Bình Dương (Bình Sơn), Nghĩa Trung (Tư Nghĩa), Tịnh Thiện (Sơn Tịnh), Sơn Nham (Sơn Hà), Phổ Thuận (Đức Phổ) là những xã thực hiện tốt phong trào làm giao thông nông thôn ở các địa phương.

Với những kết quả đạt được, công tác giao thông nông thôn miền núi ở Quảng Ngãi thực sự là thành công lớn. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở các cấp trong tỉnh, phong trào làm giao thông nông thôn ở từng địa bàn vẫn đang duy trì thường xuyên, nhiều địa phương



• Mở rộng đường giao thông nông thôn.



đang tập trung nâng cấp chất lượng đường cao hơn, thông thoáng hơn. Tuy nhiên, các trận lụt bão lớn năm 1995 đã làm cho các tuyến giao thông nông thôn miền núi trên địa bàn tỉnh hư hỏng thiệt hại trên 15 tỷ đồng, đây là con số không nhỏ của một tỉnh nghèo, nhưng với phong trào sẵn có nhân dân các địa phương trong tỉnh sẽ quyết tâm khôi phục, nhất là các tuyến đường liên xã, liên thôn thông suốt.

Bằng những việc làm thiết thực trong phong trào thi đua chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tôi tin chắc rằng phong trào làm giao thông nông thôn - miền núi ở Quảng Ngãi sẽ tiếp tục khơi thông đầy ý nghĩa, trong đó có sự quyết tâm thông tuyến đường ô tô đến 7 xã miền núi còn lại nhằm đưa tổng số 100% xã, phường trong tỉnh có đường ô tô; góp phần xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết V của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

# DIỆN LỰC QUẢNG NGÃI

## 5 năm xây dựng & phát triển

• HÙNG VĂN

**Q**uảng Ngãi là một tỉnh nghèo nằm ở duyên hải miền Trung, trong một thời gian dài cơ sở hạ tầng, nhất là ngành điện rất yếu kém và lạc hậu.

Năm 1989, sau khi chia tỉnh, Nhà máy điện Quảng Ngãi chỉ có 14 tổ máy phát điện DieZel, công suất lắp đặt là 11-140 KW, nhưng hoạt động tối đa cũng chỉ đạt 7.000 KW. Lúc đó, cả tỉnh chỉ có thị xã Quảng Ngãi và vài ba thị trấn dọc quốc lộ 1A có điện. Được sự hỗ trợ của Nhà nước, đến đầu quý 2/1990 Sở Điện lực Quảng Ngãi đã xây dựng, lắp đặt hoàn chỉnh 4 tổ máy SKODA-860 KVA đưa vào hoạt động, nâng công suất phát điện lên gần 9000 KW. Tuy nhiên, nhu cầu về nguồn điện sinh hoạt, sản xuất của tỉnh tăng vọt nên tình trạng thiếu điện diễn ra hết sức nghiêm trọng. Việc cắt điện thường xuyên và cắt điện nhiều ngày đã gây phiền hà cho nhu cầu sinh hoạt, gây thiệt hại đến sản xuất của cán bộ, nhân dân trong tỉnh.

Trước thực trạng đó, năm 1991, Công ty Điện lực 3

đã tập trung thiết kế, thi công đường dây cao thế 110 KV Đà Nẵng - Quảng Ngãi, trạm biến áp 110 KV Núi Bút, đường dây 35 KV Núi Bút - Quảng Ngãi, và trạm biến áp 2 x 6300 KVA - 35/15 KV Quảng Ngãi. Đầu năm 1992 công trình hoàn thành, Quảng Ngãi nhận được nguồn thủy điện Hòa Bình qua lưới điện quốc gia. Đây là mốc quan trọng trong việc phát triển điện lực của tỉnh nhà, là cơ sở để phát triển lưới điện về các huyện, vùng nông thôn trung du và miền núi. Từ đó đến cuối năm 1994, Sở Điện lực đã tập trung xây dựng được 5 trạm biến áp 35/15 KV và kéo đường dây 35 KV đến các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long và Đức Phổ. Đặc biệt cuối tháng 1/1995 điện lưới Quốc gia đã đến được thị trấn Ba Tư góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho vùng căn cứ cách mạng của tỉnh.

Ngoài lưới truyền tải, hệ thống lưới điện phân phối trong 5 năm (từ 1991-1995) đã được cải tạo và mở rộng. Đặc biệt, tháng 9/1994 trạm biến áp 500 KV Đà Nẵng chính thức đi vào vận hành đảm bảo cung cấp điện cho các tỉnh miền Trung. Có thể nói, từ khi có trạm biến áp này nguồn điện cung cấp cho tỉnh ta luôn ổn định, khắc phục triệt để tình trạng thiếu điện phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân.

Từ khi nguồn điện được cung cấp đầy đủ, phong trào đưa điện về nông thôn ở tỉnh ta phát triển với tốc độ nhanh chóng và rộng khắp từ miền xuôi đến miền núi. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", nhiều huyện như Mộ Đức, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Tư Nghĩa... đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng để

xây dựng trạm biến áp, đường dây đưa điện về tận các thôn xóm vùng sâu, vùng xa. Cuối năm 1995, một số huyện như Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ, Tư Nghĩa, thị xã Quảng Ngãi có 100% xã, thị trấn hoàn thành xong việc xây dựng lưới điện. Riêng ở Mộ Đức 95% dân số trong huyện đã được dùng điện.

Hiện nay, 98/171 xã, chiếm 58% số xã, thị trấn trong toàn tỉnh đã sử dụng nguồn điện lưới quốc gia phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Theo số liệu thống kê, đến nay toàn tỉnh có trên 400 trạm biến áp các loại và khoảng 250km đường dây điện cao thế, tăng gấp hơn 2 lần so với năm 1990. Riêng năm 1995, các địa phương trong tỉnh đã lắp đặt thêm 35 trạm biến áp với tổng dung lượng 4.475 KVA, phát triển mới 63,5 Km đường dây 15 KV. Sản lượng điện tiêu thụ đạt trên 70 triệu KWh, tăng 21% so với năm 1994.

Có thể nói, hiện nay hệ thống lưới điện đã vươn dài, tỏa rộng đến các làng xóm xa xôi ở nông thôn từ đồng bằng đến miền núi. “Điện về”-niềm mơ ước bao đời của bà con nông dân nay đã trở thành hiện thực. Điện về đã làm thay đổi hẳn bộ mặt nông thôn, cuộc sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Các hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phát triển mạnh. Hàng loạt cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm, gia công cơ khí, sửa chữa điện tử, các quán ăn uống, giải khát mọc lên khắp nơi. Nhờ đó đã tạo thêm việc làm, thu nhập cho hàng ngàn lao động. Có điện cuộc sống sinh hoạt ở nông thôn thay

đổi nhanh chóng, người dân giờ đây có thể nghe đài, xem ti-vi thường xuyên.

Theo kế hoạch của tỉnh, từ nay đến năm 2000 sẽ phủ xong lưới điện quốc gia đến tất cả các huyện thị. Riêng huyện đảo Lý Sơn đã lập dự án, sơ đồ phát điện bằng Diesel độc lập. Ở các huyện đồng bằng phấn đấu trong 2 năm 1996-1997 đưa điện về 100% số xã, thị trấn.

Mục tiêu điện khí hóa nông thôn ở tỉnh ta đang ngày càng trở thành hiện thực. Với những thành tựu trên ngành điện lực tỉnh ta đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 và nhiều bằng khen của tỉnh.

Trong tương lai khi khu công nghiệp Dung Quất hình thành, nguồn điện sẽ là một nhân tố quan trọng góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

# NGÀNH BƯU ĐIỆN QUẢNG NGÃI những bước tiến sau 5 năm

• TUẤN ANH

**L**à một đơn vị được thành lập sau ngày chia tỉnh (1989), ngành bưu điện Quảng Ngãi đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, điều hành từ tỉnh đến huyện, trong đó có 2 công ty : Bưu chính phát hành báo chí và Điện báo thoại.

Năm 1989, toàn ngành bưu điện Quảng Ngãi chỉ có 3 tổng đài tự động với dung lượng 270 số, 8 tổng đài nhân công từ 20-100 số và máy điện thoại là 879 máy. Với tinh thần nỗ lực, tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành cấp trên, đến tháng 3/1990 ngành đã xây dựng hệ thống tổng đài điện thoại tự động 1000 số, xây dựng lại Nhà Bưu điện tỉnh và phòng giao dịch trung tâm tại thị xã Quảng Ngãi. Tháng 9/1992 hệ thống viễn thông Quảng Ngãi đã thay đổi một bước cơ bản về số và chất lượng, cuối năm 1992, 100% huyện, thị trong toàn tỉnh có tổng

dài tự động với dung lượng 1.850 số, số máy điện thoại tăng gấp đôi so với ngày chia tỉnh (1600 máy).

Thực hiện công cuộc hiện đại hóa của ngành, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin trong nước, quốc tế, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế của tỉnh nhà, Bưu điện Quảng Ngãi tích cực xây dựng kế hoạch, phương án tăng tốc trong các năm 1993-2000; đó là : tập trung sức lực, tiền vốn mua sắm vật tư thiết bị... vào khai thác các dịch vụ bưu chính viễn thông và các loại hình dịch vụ bưu chính mới như : điện hoa, chuyển phát nhanh, Fax, điện thoại thấy hình, thư điện tử... Vì vậy, năm 1993 ngành đã phát triển được 852 máy, năm 1994 tăng lên 2400 máy và đến hết năm 1995 đã có thêm 3000 máy, đưa tổng số máy điện thoại thuê bao toàn tỉnh là 8000 máy đạt tỷ lệ 0,8 máy/100 dân, dự tính đến hết năm 1996 đạt tỷ lệ 1 máy/100 dân.

Tháng 4/1993 ngành đã hoàn thành tổng đài Starex-IMS 2000 số cho thị xã Quảng Ngãi và các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, nhờ hệ thống tổng đài điện tử và Viba cáp quang này nên những huyện trên đã liên lạc tự động hóa trong nước và quốc tế.

Từ đầu năm 1994, Bưu điện Quảng Ngãi đã xây lắp xong tổng đài điện tử và Viba số trong toàn tỉnh với tổng đài NEAX 61-11.000 số của Nhật Bản, đến giữa năm 1994 hệ thống tổng đài tại Trung tâm là 6500 số được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đến nay có 100%

bưu điện huyện, thị trong tỉnh đã xây dựng tổng đài điện tử, hệ thống truyền dẫn Viba kỹ thuật với dung lượng 13.000 số, số máy điện thoại tự động tăng gấp 24 lần so với năm 1989. Hàng nghìn km cáp vươn xa đến các vùng nông thôn, miền núi, hải đảo của tỉnh. Hiện nay 100% xã đồng bằng, trên 33% xã miền núi có máy điện thoại (riêng Minh Long và Lý Sơn 100% xã có máy điện thoại) chiếm tỷ lệ 74% tổng số xã trong toàn tỉnh có máy điện thoại.

Công tác phát hành bưu chính, báo chí được tăng cường, mở rộng địa bàn, số lượng báo chí tăng trong từng năm. Đến nay, các bưu điện trong tỉnh đều được trang bị ô tô, mô tô để đảm nhiệm việc vận chuyển công văn, tài liệu, thư, báo chí... theo sáu tuyến nội tỉnh. Năm 1989 toàn tỉnh phát hành được 513.130 tờ báo, tạp chí; năm 1993 phát hành gần 1,4 triệu tờ báo, tạp chí; đến năm 1995 phát hành 2,5 triệu tờ báo, tạp chí các loại, có trên 80% báo Nhân dân, Quân đội nhân dân đến với độc giả trong ngày. Đây là bước phát triển vượt bậc của ngành, góp phần tích cực vào việc đưa thông tin vào cơ sở phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền... nhất là lĩnh vực thông tin liên lạc phục vụ nhu cầu về đời sống tinh thần cho nhân dân.

Đến cuối năm 1995, 100% Nhà bưu điện huyện được xây dựng mới khang trang, đầy đủ tiện nghi, đáp ứng nhu cầu phục vụ các thành phần kinh tế - xã hội trong và ngoài tỉnh với tổng giá trị tài sản của toàn ngành đã



vượt hơn 100 tỷ đồng.

Ngoài ra, ngành bưu điện đã xây dựng được 32 bưu cục, 18 kiốt, 10 đại lý bưu chính và nhiều trạm điện thoại công cộng để phục vụ nhân dân các địa phương trong tỉnh.

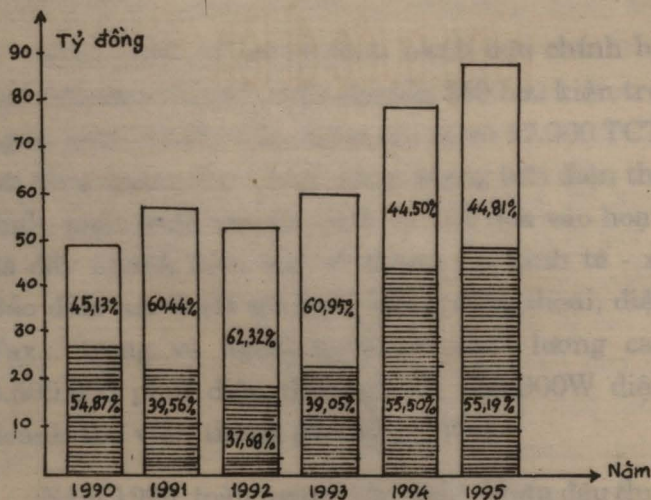
Năm 1995, số lượng phát hành bưu chính báo chí đạt 102,5% kế hoạch, vận chuyển 750 bưu kiện trong và ngoài nước, 50.000 bưu phẩm ghi số và 17.000 TCT-DCT với tổng doanh thu 1,6 tỷ đồng. Mạng lưới điện thoại ổn định, phát triển nhanh, dịch vụ 108 đưa vào hoạt động đã đẩy nhanh hiệu quả về thông tin kinh tế - xã hội. Bảo đảm lưu thoát tốt khối lượng điện thoại, điện báo, Fax... trong và ngoài nước với chất lượng cao, đạt 8.500.000 phút điện thoại đi về; 380.000W điện báo, doanh thu viễn thông gần 15 tỷ đồng.




Năm 1996, toàn ngành tập trung phấn đấu thực hiện chiến lược tăng tốc giai đoạn 2, đồng thời với việc chuẩn bị mọi nguồn lực để sẵn sàng phục vụ cho khu công nghiệp phức hợp Dung Quất trong tương lai, đáp ứng tốt nhu cầu của các doanh nghiệp, tập đoàn, công ty trong và ngoài nước đến Quảng Ngãi.

Nhìn lại chặng đường xây dựng và phát triển của Bưu điện tỉnh nhà thời gian qua và những mục tiêu phấn đấu của ngành đến năm 2000, ngành Bưu điện Quảng Ngãi sẽ góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng cùng Đảng bộ và nhân dân

**Quảng Ngãi thực hiện thắng lợi Nghị quyết thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và toàn quốc theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.**

**BIỂU ĐỒ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ CƠ CẤU  
VỐN ĐT-XDCB TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 1990 - 1995**  
(Theo giá so sánh năm 1989)



 : Vốn KV K.tế tập thể, tư nhân cá thể  
 : Vốn  
 : Vốn thuộc KV Nhà nước quản lý

Năm:	1990	1991	1992	1993	1994	1995
Tỷ đồng:	48,741	56,908	54,426	60,053	79,183	87,970

# NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI vững bước đi lên

Phòng văn đ/c **PHẠM VĂN THẬN**  
Giám đốc Ngân hàng Công thương Quảng Ngãi

• ANH MY (Thực hiện)

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG QUẢNG NGÃI (NHCTQN) LÀ MỘT TRONG NHỮNG NGÂN HÀNG LÀM ẮN CÓ LÃI. THỰC SỰ GÓP PHẦN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG. TRONG 5 NĂM QUA (1990-1995) NHCTQN ĐÁP ỨNG MỘT PHẦN NGUỒN VỐN, ĐẦU TƯ CHO CÁC CÔNG TY, XÍ NGHIỆP, DOANH



NGHIỆP... TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KINH DOANH CÓ HIỆU QUẢ. THÁNG 11/1995, NHCTQN ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC VỀ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

NHÂN DỊP ĐẠI HỘI TỈNH ĐẢNG BỘ LẦN THỨ XV VÀ KỶ NIỆM 45 NĂM NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM, BIÊN TẬP VIÊN (BTV) TẬP SÁCH "QUẢNG NGÃI TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI" ĐÃ GẶP GỠ VÀ PHÒNG VẤN ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN THẬN - GIÁM ĐỐC NHCTQN. XIN GIỚI THIỆU CÙNG BAN ĐỌC.

+ **Biên tập viên (B.T.V)** : *Chào đồng chí ! Xin đ/c cho biết sự ra đời của NHCTQN, những khó khăn và thuận lợi khi mới thành lập ?*

+ **Đồng chí Phạm Văn Thận (P.V.T)** : Ngân hàng công thương Quảng Ngãi được thành lập theo quyết định số 99/NNQĐ ngày 1/7/1989 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

Sự ra đời của NHCTQN gặp không ít những khó khăn thử thách, đó là :

- Địa bàn kinh tế chậm phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, nhiều mặt tụt hậu so với nhiều tỉnh miền Trung.

- Nhiều doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, phá sản phải giải thể, sát nhập, chuyển hướng sản xuất, không đủ sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường...

- Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể nhỏ yếu, thiếu vốn, kỹ thuật lạc hậu chưa đủ sức và lực để hội tụ, phát triển.

- Nguồn vốn huy động thiếu, vì tình nghèo, chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho vay, Ngân hàng phải nhận vốn điều hòa của Ngân hàng Trung ương.

- Trụ sở làm việc nghèo nàn, lạc hậu, không đáp ứng được nhu cầu trang bị-hiện đại...

-Biên chế công kênh, trình độ năng lực cán bộ còn yếu kém, không đáp ứng được sự đòi hỏi của công cuộc đổi mới mà ngành đã đề ra.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn cũng có những thuận lợi cơ bản:

- Có vài quốc doanh lớn mạnh không ngừng như Công ty Đường, Công ty Nông sản thực phẩm... quyết định sự lớn mạnh và hiệu quả đầu tư của NHCT.

- Trong những năm gần đây, kinh tế tư doanh cá thể phát triển làm cho hoạt động Ngân hàng thêm khởi sắc.

- Sự lãnh đạo sát đúng của Đảng, Chính quyền địa phương; sự hỗ trợ của các ngành các cấp; sự cộng tác của cơ quan pháp luật; sự ủng hộ của khách hàng, của nhân dân đã tiếp thêm sức mạnh cho Ngân hàng tiến bước...

+ **B.T.V** : Ngày 2/11/1995, NHCTQN đón nhận Huân chương Lao động hạng ba của Chủ tịch nước về thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh 5 năm (1990-1995); xin đ/c cho biết những thành tích nổi bật tương xứng với phần thưởng cao quý đó ?

+ **Đ/C P.V.T**: *Những thành tích nổi bật trong 5 năm (1990-1995) là :*

1. Tăng cường huy động vốn tại chỗ thực hiện khẩu hiệu “đi vay để cho vay” nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của

các thành phần kinh tế trên địa bàn. Tổng nguồn vốn huy động đến nay đạt 68.000 triệu tăng 31% so với năm 1994 và bằng 5 lần năm 1990. Trong đó số dư tiền gửi tiết kiệm dân cư đạt hơn 30.000 triệu tăng 70% so với năm 1994 và bằng 8 lần năm 1990.

2. Mở rộng quy mô đầu tư tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn cho mọi thành phần kinh tế. Trước hết là tập trung vốn cho các mũi nhọn kinh tế của tỉnh làm ăn có hiệu quả như : Công ty Nông sản thực phẩm, Công ty Đường... Chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng tăng tỷ trọng cho vay trung hạn và cho vay ngoài quốc doanh. Kinh doanh đa dạng cả nội - ngoại tệ; làm vốn kinh doanh, mua bán ngoại tệ, cho trả kiều hối, cho vay sinh viên; cho vay tạo việc làm cho người nghèo... góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tổng dư nợ nghiệp vụ đầu tư đến nay đạt 98.000 triệu tăng 19% so với năm 1994 bằng 6 lần năm 1990, trong đó : tỷ trọng cho vay ngoài quốc doanh chiếm 55%, cho vay trung hạn chiếm 30%.

Những đề tài cho vay có hiệu quả thực sự là :

- Năm 1994 cho Bưu điện vay 720.000 USD để nâng cấp mạng lưới thông tin từ 2000 số lên 11.000 số; một số xã miền núi hiện đã có điện thoại tự động.

- Cho Công ty Hóa chất vay hàng tỷ đồng mua quặng thiếc tinh luyện để xuất khẩu, mỗi năm 800 tấn trị giá 4.600.000 USD.

Năm 1995 cho Công ty Nông sản thực phẩm vay

hàng chục tỷ đồng để mua hàng xuất khẩu như : quế - 2.50 tấn, sắn lát - 1.000 tấn, cà phê 200 tấn... với tổng giá trị hơn 3 triệu USD. Và cho vay nhiều triệu USD để Công ty nhập 8.000 tấn đường kính, 1.800 chiếc xe máy... trị giá 6 triệu USD, mỗi năm Công ty nộp ngân sách hơn 20 tỷ đồng.

- Đặc biệt, Ngân hàng đã coi Công ty Đường - mũi nhọn kinh tế của tỉnh - như người bạn đồng hành, quyết định phần lớn sự thành bại của nhau.

- Năm 1993, Ngân hàng góp 3 tỷ đồng vào liên doanh bia Spécial. Đến cuối năm nay, nhà máy Bia có thể sản xuất 10 triệu lít. Cuối năm 1994, NHCT cho Công ty Đường vay 2.547.000 USD để nhập dây chuyền thiết bị sản xuất bánh kẹo, nước ngọt, nước khoáng - tạo thêm việc làm cho hơn 300 lao động nộp ngân sách 24 tỷ/năm. Đầu năm nay, ngân hàng cho vay 600.000 USD và bảo lãnh hơn 2 triệu USD để Công ty Đường nhập thiết bị sản xuất sữa diệt trùng (công trình đã khởi công) và phân đấu đưa vào sản xuất trong năm 1996.

- Ngân hàng đã mở thêm một phòng giao dịch cách thị xã 15 km để cho ngư dân vay đánh bắt cá. Hàng trăm hộ được vay vốn, dư nợ lên đến 11 tỷ đồng, làm tăng sản lượng đánh bắt cá lên hơn 3.000 tấn, tạo thêm việc làm cho hơn 1.200 lao động.

3. Đẩy mạnh công tác kế toán, thanh toán, hiện đại hóa phương tiện trang bị, thông tin điện toán, đào tạo nâng cao tay nghề đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Từ ngày 6/3/1995, NHCT đã trực tiếp tham gia mạng lưới



thanh toán viễn thông toàn cầu (SWIFT). Ngân hàng biến phòng kinh doanh ngoại tệ thực sự trở thành Ngân hàng ngoại thương trên địa bàn. Do đó nhiều khách hàng trước đây mở tài khoản ở Vietcombank đã về với Vietincombank.

4. Tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra nội bộ; ngăn chặn kịp thời những sai phạm, giữ vững sự đoàn kết trong nội bộ. Đào tạo, đào tạo lại cán bộ bằng nhiều hình thức đáp ứng đòi hỏi của tình hình giữ vững thu nhập, ổn định đời sống của cán bộ công nhân viên; làm tốt công tác xã hội (năm 1995, ngân hàng nhận nuôi dưỡng 1 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và trợ cấp nuôi 2 trẻ mồ côi...). Do vậy, Công đoàn và chi bộ Ngân hàng 5 năm qua luôn được công nhận là Công đoàn mạnh, chi bộ trong sạch vững mạnh...

+ **B.T.V:** *Xin đồng chí cho biết những định hướng công tác chủ yếu của năm 1996 ?*

+ **Đ/c P.T.V:** Năm 1996 NHCT đứng trước những thử thách như: các lãi suất cho vay giảm, nợ quá hạn có chiều tăng; thu nhập bình quân của anh em chỉ đạt 350.000 đ/tháng, bằng 50% cùng kỳ năm trước. Chúng tôi phải quyết tâm chủ động tăng nguồn vốn huy động, đảm bảo đến cuối năm 1996 có mức tăng trưởng hơn 20% so với đầu năm. Đa dạng hóa các nghiệp vụ kinh doanh và dịch vụ ngân hàng; đảm bảo đến cuối năm tổng mức dư nợ phải đạt 100 tỷ đồng tăng 22% so với đầu năm. Nhưng việc tăng trưởng dư nợ tín dụng phải gắn liền với năng lực quản lý và chất lượng đầu tư; hoạt

động Ngân hàng phải năng động và đa dạng, đẩy mạnh kinh doanh đối ngoại...thực sự góp phần tăng trưởng kinh tế địa phương, đảm bảo kinh doanh ngân hàng có lãi, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách, cán bộ CNV của Ngân hàng có thu nhập khá, ổn định.

NHCTQN quyết tâm thực hiện phương châm :“kinh doanh đúng hướng, hiệu quả, an toàn, vững chắc”, luôn hành động vì sự thành đạt của mọi người, mọi nhà, của doanh nghiệp...Hoạt động của ngân hàng sẽ góp phần xứng đáng vào công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và để xứng đáng hơn với phần thưởng cao quý - Huân chương Lao động của Nhà nước đã trao tặng.

+ **B.T.V** : *Xin cảm ơn đồng chí.*

# NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VN CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI

5 năm phục vụ  
phát triển kinh tế địa phương

## • TRƯỞNG TRÍ

**N**ăm 1991, khi đặt chân vào “trận địa” kinh doanh, vốn tự huy động của Ngân hàng nông nghiệp (NHNN) tỉnh chỉ có 11 tỷ đồng, nợ quá hạn kê đọng trên 6 tỷ đồng, nên thực chất vốn hoạt động chỉ còn 12 tỷ đồng, trong khi đó lực lượng lao động trên 400 người, bình quân mỗi cán bộ công nhân viên có trong tay 30 triệu đồng để “cùng nhau gây dựng cơ đồ chung”. Ngoài thiếu vốn, NHNN còn phải lúng túng với đối tượng khách hàng. Trong khách hàng hiện có thì 85% số đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể đang trong tình trạng đình đốn, phá sản, còn hộ nông-ngư dân và tiểu thủ công nghiệp đang cần vốn nhưng cơ chế và những ràng buộc pháp lý chưa cho phép để NHNN cung ứng tín dụng đến họ.

Vốn kinh doanh ít, biên chế lại quá đông, cơ sở vật

HỆ THỐNG

# NGÂN HÀNG Ở QUẢNG NGÃI



● Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi



● Ngân hàng  
Nông nghiệp  
Việt Nam  
chi nhánh  
Tỉnh Quảng  
Ngãi

- Tại buổi lễ Ngân hàng công thương Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi đón nhận Huân chương lao động hạng III



- Phòng kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng công thương

chất công kênh lạc hậu, trong trường hợp đó lỗ vốn là điều không thể tránh khỏi, nếu ngay sau đó không có sự chuyển biến đồng bộ và có định hướng đi đúng.

Ngân hàng đã kiên quyết xử lý, cắt đứt quan hệ tín dụng đối với những đơn vị hoạt động cầm chừng thua lỗ, sắp xếp và tổ chức lại bộ máy và biên chế, tập trung vốn tín dụng cho đối tượng nông dân sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, mở rộng đến tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, một địa bàn đang khát vốn. Điều đó không những đã làm bật dậy những hoạt động của nền kinh tế, mà còn tạo ra ảnh hưởng mạnh mẽ đối với hoạt động NHNN, giúp cho ngân hàng bớt lỗ, giảm lỗ-hòa vốn và tiến tới có lãi.

Với phương châm “vay để cho vay” NHNN đã tạo điều kiện từng bước để mở rộng tín dụng có hiệu quả, dần dần đủ khả năng đi lên cùng với các ngân hàng khác trên cùng địa bàn.

Năm 1992, vốn huy động tăng gần 1,72 lần, năm 1993 tăng hơn 2,26 lần so với năm 1992, năm 1994 tiếp tục tăng 1,25 lần so với năm 1993 và cuối năm 1995 vốn huy động đạt 106 tỷ đồng, gấp 9,63 lần so với năm 1991 tăng tuyệt đối 95 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng hữu hiệu từ 12 tỷ đồng đầu năm 1992, tăng lên 68 tỷ đồng năm 1993, tăng 88 tỷ đồng năm 1994 và cuối năm 1995 dư nợ 137 tỷ đồng tăng 125 tỷ so với năm 1991 gấp 11,4 lần.

Sự phát triển với tốc độ lớn dần hàng năm, trong 5 năm qua, không những nói lên sự tăng trưởng hoạt động của NHNNQN mà còn cho phép chi nhánh khẳng định

định hướng hoạt động của mình là phù hợp, tạo ra nền tảng cho những tiến bộ tiếp theo của NHNN tại địa phương.

Tuy nhiên vấn đề quan trọng nhất không phải chỉ là kết quả đạt được mà còn giá trị của hoạt động tín dụng đối với nền kinh tế-xã hội tỉnh và sự chuyển biến “thay da đổi thịt” của nông thôn và đời sống nông dân ở Quảng Ngãi.

Trong 83.000 hộ nông, ngư dân trong tỉnh có quan hệ tín dụng với ngân hàng, có hơn 25% kinh tế gia đình giàu lên, nhiều vùng từ chỗ chỉ đủ ăn, nhờ khai thác nguồn nước Thạch Nham làm kinh tế vườn đã trở nên trù phú, thực sự trở thành hộ sản xuất hàng hóa.

Với mức dư nợ 137 tỷ đồng, thường xuyên đáp ứng cho chi phí sản xuất đối với hộ nông dân, đã từng bước



tạo được sự chuyển đổi đáng kể trong sản xuất. Trong đó vốn trung hạn trên 30 tỷ đồng để đầu tư chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Cùng với vốn tự có của ngư dân, vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần đóng mới và mua sắm 262 chiếc tàu đánh cá với công suất 8.000 mã lực có khả năng vươn ra khơi xa; đầu tư một số trạm bơm điện để tưới tiêu, làm kênh mương nội đồng đưa nước, điện về nông thôn. Đầu tư các loại cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày như lúa, cây mía đều đạt và vượt kế hoạch sản lượng hàng năm. Trên góc độ đó, vốn tín dụng đã trở thành một bộ phận cấu thành của hệ thống tác động phát triển kinh tế-xã hội và đời sống nông thôn.

Quan hệ tín dụng với NHNN đã trở nên quen thuộc đối với người dân Quảng Ngãi. Thông qua đó đã nảy sinh sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa nông dân với nông dân dưới sự hướng dẫn của tổ chức xã hội, là điều kiện để họ tiếp nhận khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất đạt được lợi ích thiết thực.

Bằng con đường lợi ích kinh tế giữ vững và phát huy tình làng nghĩa xóm giúp nông dân cùng nhau vượt qua nghèo khó. Năm 1995, NHNNQN đã cho 6.650 hộ nghèo thiếu vốn sản xuất vay trên 9 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi và thời hạn 3 năm.

Chính sách xóa đói giảm nghèo là một chính sách lớn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, đó chính là mục tiêu mà bao đời nay người dân nông thôn hằng ao ước, tín dụng người nghèo đã đem lại ước mơ đó trở



thành hiện thực. Và NHNNQN phấn đấu vì những nguyện vọng đó.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, NHNNQN cũng còn không ít khó khăn, đó là : nguồn vốn còn hạn chế, chưa đáp ứng hết nhu cầu sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; đầu tư vốn cho nông-ngư nghiệp chủ yếu bằng vốn ngắn hạn, vốn trung hạn ít ỏi chỉ đủ để “môi” cho phần nào nhu cầu, nên chưa tạo điều kiện để khoa học kỹ thuật mới thâm nhập vào sản xuất.

Tuy nhiên, với ý chí và sự cần.cù chịu khó của toàn CBCNV NHNN Quảng Ngãi những tồn tại đó không thể là vật cản của quá trình tiến bước trên con đường đổi mới, góp phần thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà không ngừng phát triển.

# NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VN CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI

## 5 năm thực hiện đầu tư & phát triển

• HOÀNG TÍN

**T**iến trình đổi mới và phát triển nền kinh tế đã và đang đặt nước ta vào giai đoạn mà đồng vốn được coi là một trong những điều kiện tiên quyết để thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội. Với Quảng Ngãi điều này càng có ý nghĩa đặc biệt khi thu ngân sách hàng năm không đủ chi, mức tăng trưởng GDP hàng năm còn thấp so với mức bình quân chung cả nước, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, các tiềm năng và thế mạnh kinh tế chưa được khai thác và phát huy. Do vậy, việc huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực (đặc biệt là vốn) để thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội, các chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh mà Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV đã đề ra là vấn đề quan trọng hàng đầu và là điều trăn trở của các cấp lãnh đạo, các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp trong suốt thời gian qua. Đây cũng chính là nhiệm vụ chủ yếu của Ngân hàng trên địa bàn trong việc phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế tỉnh nhà. Trong 5 năm qua, Chi nhánh

Ngân hàng đầu tư-phát triển Quảng Ngãi (NHĐT-PTQN) đã hoạch định phương hướng và đề ra chính sách tích cực, linh hoạt với phương châm: “Lấy việc phục vụ các chương trình phát triển và tăng trưởng kinh tế của tỉnh, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm mục đích hoạt động, coi kinh doanh là công cụ và phương tiện hỗ trợ đảm bảo thực hiện các mục tiêu đó”.

Thực hiện định hướng đó, trước hết Chi nhánh tập trung sức huy động vốn cho đầu tư-phát triển. Ngoài một số hình thức huy động vốn truyền thống như tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm của các kinh tế xã hội và dân cư, Chi nhánh còn mạnh dạn phát hành trái phiếu, kỳ phiếu ngân hàng có mục đích, triển khai mở tài khoản cá nhân sử dụng hạn mức tài trợ xuất nhập khẩu, mở rộng và triển khai các hoạt động bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng... Vì vậy, nguồn vốn hoạt động của chi nhánh trong các năm qua có mức tăng trưởng nhanh ổn định và vững chắc, đặc biệt là sau khi Chi nhánh được phép kinh doanh thương mại (tháng 1/1995). Đến cuối năm 1995 tổng nguồn vốn hoạt động của Chi nhánh là : 123 tỷ 376 triệu, tăng gấp 18,6 lần so với năm 1991. Với số vốn này cùng với vốn Ngân sách chuyển sang cấp phát hàng năm, Chi nhánh đã phục vụ tương đối tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và các nhu cầu thiết yếu về vốn cho các doanh nghiệp và dân cư. Song song với việc huy động Chi nhánh đã đầu tư cho 34 dự án công trình với vốn vay hơn 85 tỷ đồng, trong đó có gần 30 dự án công

trình được đưa vào vận hành khai thác phát huy hiệu quả, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GDP, tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động, tăng thu ngân sách...Điển hình là các dự án : Cải đổi thiết bị nâng công suất Nhà máy Đường Quảng Ngãi (1500 - 2000 tấn mía/ngày), Nhà máy bia, tàu vận tải biển, đá Mỹ Trang, khai thác Graphit, sản xuất vật liệu xây dựng...Đặc biệt Chi nhánh đã mạnh dạn đầu tư vốn để xây dựng hình thành và phát triển cơ sở hạ tầng các làng cá, tạo quỹ đất, giải quyết chỗ ở cho các hộ ngư dân, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Trước yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp cần phải có vốn để đổi mới bổ sung trang thiết bị mở rộng sản xuất, tăng cường khả năng cạnh tranh, phục vụ tốt nhu cầu này Chi nhánh đã huy động và sử dụng triệt để mọi nguồn vốn (cả nội và ngoại tệ) để đầu tư cho 18 dự án của 12 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, với số vốn cho vay hơn 15 tỷ đồng đã giúp các doanh nghiệp này bổ sung đổi mới máy móc thiết bị tăng năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm... bước đầu đã tạo được chỗ đứng trên thị trường. Cùng với việc đầu tư vốn dài hạn, 5 năm qua Chi nhánh đã cho vay hơn 450 tỷ đồng vốn ngắn hạn phục vụ tốt các nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và dân cư. Với số vốn này các doanh nghiệp đã tạo ra giá trị sản lượng hàng hóa hơn 1.200 tỷ đồng. Đặc biệt Chi nhánh đã đáp ứng nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp xây lắp, giúp các doanh nghiệp

giải quyết các khó khăn về vốn khi ngân sách Nhà nước chưa thanh toán kịp thời, đảm bảo tiến độ các công trình đầu tư theo KHNN - nhất là hệ thống thủy lợi Thạch Nham. Ngoài các khách hàng truyền thống là các doanh nghiệp xây lắp, Chi nhánh còn mở rộng cho vay đến tất cả các doanh nghiệp và dân cư thuộc mọi thành phần kinh tế, giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã và dân cư mở mang ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động.

Mặt khác thực hiện nhiệm vụ cấp phát thanh toán vốn ngân sách Nhà nước cho đầu tư và xây dựng, trong 4 năm (91 - 94), Chi nhánh Ngân hàng ĐT và PT Quảng Ngãi đã cấp phát thanh toán 242 tỷ đồng cho 83 dự án công trình. Nhiều dự án công trình đã đưa vào sử dụng hoặc sử dụng một phần như : hệ thống thủy lợi Thạch Nham, hàng trăm Km đường quốc lộ, đường giao thông nông thôn, thêm gần 9.000 m<sup>2</sup> nhà làm việc, trường học... góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

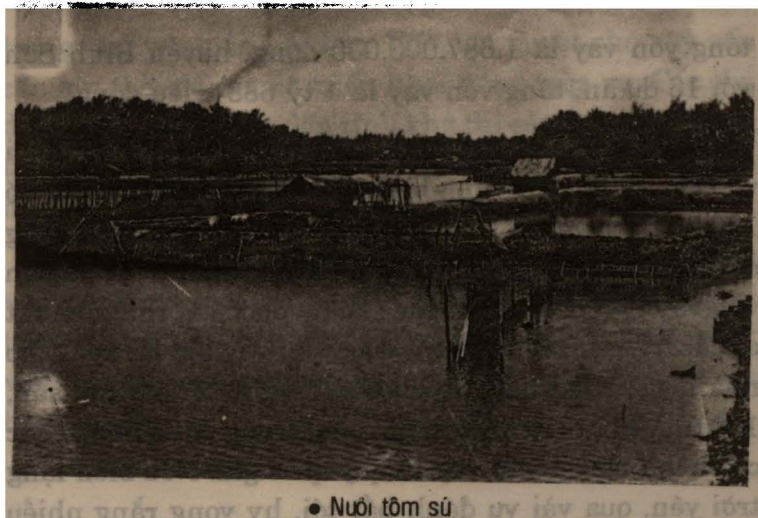
Phát huy những thành quả đạt được, để huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà góp phần thực hiện thắng lợi, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội từ đây đến năm 2000; Chi nhánh NHĐT&PT Quảng Ngãi khẳng định chức năng của mình hơn, phấn đấu thực hiện nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao.

# Quảng Ngãi với chương trình VAY VỐN QUỐC GIA GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

## • QUÝ CẦU

**G**ải quyết việc làm là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Nhà nước tạo điều kiện thông qua cơ chế, chính sách, pháp luật và hỗ trợ một phần tài chính để khuyến khích các tổ chức, đơn vị kinh tế và người lao động ở mọi thành phần kinh tế tự giải quyết việc làm, tạo việc làm mới, nhất là các hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo. Ở Quảng Ngãi số hộ này tương đối cao khoảng trên 82.700 hộ, chiếm gần 38% tổng số hộ trong toàn tỉnh. Số hộ này, phần lớn là thuần nông, chuyên độc canh cây lúa. Khi thời tiết khắc nghiệt đã dẫn đến mất mùa, đời sống của họ thêm khốn khó và không thể hoàn thành việc giao nộp thuế nông nghiệp cho nhà nước. Nhiều con em của các hộ này không quản ngại “đường xa, xứ lạ” rủ nhau phiêu bạt xứ người làm đủ mọi nghề để kiếm sống và gửi ít tiền về giúp đỡ gia đình. Giữa chốn thị thành xa hoa, ai dám bảo các em không nhiễm phải “bụi trần”? Đó là chưa kể đến sự học

hành dở dang, mai sau lớn lên các em có thể làm được gì khi mà thành tựu khoa học kỹ thuật tiến bộ vượt bậc? Sự nông nhàn ở chốn quê nhà cũng là gốc rễ để nảy sinh ra các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè gây khó khăn cho ngành chức năng trong việc giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương. Ở vùng ven biển của tỉnh, các hộ nghèo thường đông con, họ không có tiền để đóng tàu thuyền và mua sắm ngư lưới cụ, đành chịu làm thuê cho các chủ thuyền. Những đồng tiền kiếm được trên biển khơi khi vào vụ cũng không đủ để trang trải cho những chiếc “tàu há môn” đang chờ sẵn ở nhà. Sự đói nghèo triền miên là nỗi ám ảnh của biết bao người. Đã có nhiều đợt hỗ trợ về tiền của, áo cơm của các cấp chính quyền và các tổ chức từ thiện đối với các hộ này, nhưng đó chỉ là “con cá” chứ chưa phải là chiếc “cần câu” để họ chủ động kiếm sống và thay đổi cuộc đời. Chính vì vậy khi Nghị quyết 120/HĐBT được ban hành vào tháng 4/1992 và đến năm 1995 Trung ương lại có văn bản hướng dẫn mở rộng đối tượng vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm được triển khai, nhiều hộ nghĩ rằng đây là một cơ may để thay đổi cuộc sống. Thế nhưng trong buổi đầu triển khai chương trình này, thủ tục còn nhiều khê chưa phù hợp với người lao động. Một số hộ rơi vào tình trạng khi chưa có vốn thì mong có, nhưng có vốn rồi lại chưa biết làm cách nào để tiền đẻ ra tiền. Rất may, cùng với thời điểm triển khai chương trình này Quảng Ngãi triển khai chương trình khuyến nông, khuyến ngư, kinh tế hộ gia đình. Các chương trình này đã tạo điều kiện để cho các hộ nghèo tiếp cận với các



biện pháp khoa học kỹ thuật trong sản xuất, để cùng với nguồn vốn vay, họ tự vạch ra hướng đi đúng đắn cho bản thân mình. Theo báo cáo của ngành Lao động-thương binh xã hội Quảng Ngãi, từ năm 1990-1995 đã có 134 dự án được triển khai với tổng vốn đầu tư là 15.131.000.000 đồng, tạo công ăn việc làm cho 13.000 lao động, trong đó có gần 30% lao động thuộc diện chính sách. Ngoài các dự án của tỉnh, Trung ương và các hội đoàn thể tỉnh còn phê duyệt cho vay 21 dự án với tổng vốn vay là 1.401.000.000 đồng. Nguồn vốn vay được cấp phát đến tận tay người lao động và được sử dụng đúng mục đích như chăn nuôi bò, nuôi tôm sú, chế biến hải sản, đóng thuyền câu mực xuất khẩu, trồng dâu nuôi tằm. Trong 13 huyện thị xã của tỉnh, nhiều nhất là huyện Sơn Tịnh với 22 dự án, tổng vốn vay là 2.608.000.000 đồng và thị xã Quảng Ngãi với 17 dự án,



tổng vốn vay là 1.687.000.000 đồng, huyện Bình Sơn với 16 dự án, tổng vốn vay là 1 tỷ 688 triệu đồng.

Theo chân các cán bộ trong đoàn công tác, chúng tôi về Đức Minh - xã vùng biển của huyện Mộ Đức. Xã có 136 hộ được vay vốn từ quỹ quốc gia với 180 triệu đồng để đóng thuyền đánh bắt mực xuất khẩu. Nhờ nguồn vốn vay nên cuộc sống của 116 hộ được cải thiện và tất cả các hộ hiện đã hoàn trả được vốn vay lẫn lãi xuất cho nhà nước. Hiện nay, đã bước vào vụ đánh bắt hải sản, 160 thuyền câu ra khơi, bám biển, trong đó có hàng chục chiếc mà nguồn vốn vay từ quỹ quốc gia. Nếu biển lặng trời yên, qua vài vụ đánh bắt tới, hy vọng rằng nhiều hộ ngư dân không chỉ có “của ăn” mà còn có “của để”.

Còn ở vùng biển huyện Sơn Tịnh với 3 xã Tịnh Khê, Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa có 110 hộ được vay 180 triệu đồng. Nhờ nguồn vốn này nên diện tích mặt hồ nuôi tôm tăng nhanh. Hiện nay đã có đến 123 ha và năng suất cũng tăng lên đáng kể. Tiêu biểu là anh Trần Đình Dũng với 0,5 ha mặt nước, qua 2 vụ đã thu lãi 10 triệu đồng. Ngoài những dự án tiêu biểu đã nêu, còn có một số dự án cũng đã đem lại hiệu quả tốt như chế biến nước mắm của Hội Liên hiệp phụ nữ xã Bình Châu (Bình Sơn), chăn nuôi bò, heo ở huyện Nghĩa Hành...

Để dự án vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm đạt hiệu quả cao hơn, tỉnh Quảng Ngãi đã đề nghị chính quyền địa phương và ngành chức năng cần có kế hoạch kiểm tra việc triển khai thực hiện dự án, tránh “khoán trắng” cho các chủ dự án vì có thể dẫn đến sự lệch lạc

trong quá trình triển khai. Việc xét duyệt cho vay vốn cần kịp thời để các hộ triển khai đúng mùa vụ. Các chủ dự án phải chú trọng đến tính khả thi của dự án để tránh tình trạng kém hiệu quả, thu hồi vốn chậm không bảo đảm thời điểm hoàn trả vốn cho nhà nước.

Tuy mới chỉ là kết quả bước đầu, chương trình vay vốn quốc gia giải quyết việc làm đã khẳng định chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và Nhà nước trong việc xóa đói giảm nghèo trên con đường đi đến ấm no hạnh phúc.

# 5 năm phấn đấu & trưởng thành của NGÀNH THUẾ QUẢNG NGÃI

• NGUYỄN NGHIỆP VĂN

ĐÃ KHI NÀO MỖI NGƯỜI TRONG CHÚNG TA TƯ HỎI: TIẾN Ở Đâu ĐỂ CÓ CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHÚC LỢI MÀ MỖI NGÀY KHI CÒN HIỆN HỮU TRÊN CỘI ĐỜI NÀY, AI CŨNG ĐÒI CHO MÌNH QUYỀN ĐƯỢC HƯỞNG THU. MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẤT NƯỚC SẼ RA SAO KHI NGUỒN TÀI CHÍNH EO HÉP? XIN NÓI RẰNG, PHẦN QUAN TRỌNG LÀ NHỜ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THUẾ. 90% NGUỒN CHI TIÊU TRONG CÁC NĂM QUA ĐƯỢC HUY ĐỘNG TỪ MỌI TIẾM LỰC TRONG NƯỚC. 5 NĂM QUA, NGÀNH THUẾ QUẢNG NGÃI ĐÃ KHÔNG NGỪNG PHẤN ĐẤU VƯƠN LÊN CŨNG LÀ ĐỂ ĐÁP ỨNG CÁC NHU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH NHÀ...

**N**ền tảng của thuế là dựa trên các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ... Kinh tế của tỉnh ta trong các năm qua có bước phát triển khá đã tạo cho số thu ngân sách của tỉnh ngày càng nhiều, số thu năm sau cao hơn năm trước. Từ đỉnh cao gần 124 tỷ đồng

thuế thu được trong năm 1995, nhìn lại năm khởi đầu cách đây 5 năm, ai cũng nhận thấy bước phát triển vượt bậc trong toàn hệ thống thu thuế của tỉnh nhà khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế mới.

Ngày 1/10/1990, hệ thống thuế nhà nước chính thức thành lập trên cơ sở sát nhập ba bộ phận thu là thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thuế nông nghiệp và bộ phận thu quốc doanh về một đầu mối quản lý thống nhất. Năm đầu thành lập cũng là thời điểm tỉnh ta vừa tách ra khỏi tỉnh Nghĩa Bình (cũ). Trở lại với quê hương núi Ấn sông Trà, bộ mặt của Quảng Ngãi vẫn như xưa. Một Nhà máy Đường với thiết bị cũ kỹ là niềm tự hào để mọi người giới thiệu với bạn bè khắp mọi miền. Sản xuất nông nghiệp luôn trong tình trạng bấp bênh. Các hoạt động kinh doanh thương mại bế tắc. Ngành thuế Quảng Ngãi tuy có nhiều cố gắng nhưng trước tình cảnh kinh tế nghèo nàn nên chỉ đạt được con số trên 22 tỷ đồng (tất nhiên hoàn thành vượt mức chỉ tiêu của Trung ương giao). Và trong hai năm tiếp theo, số thu thuế trên địa bàn cũng chỉ tăng được chút ít. Từ năm 1993, kinh tế của tỉnh có bước tăng trưởng khá nhờ những định hướng đúng đắn để cho ra đời một khu công nghiệp chế biến mía đường, bánh kẹo, bia, nước khoáng... Một số doanh nghiệp của tỉnh sau một thời gian củng cố đã trở lại hoạt động thu hiệu quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh khu vực ngoài quốc doanh tăng trưởng về quy mô và số hộ. Sản xuất nông nghiệp nhờ nguồn nước Thạch Nham thực hiện chủ trương chuyển dịch mùa vụ, thay đổi giống cây trồng, vật nuôi nên năng suất và sản lượng

đều tăng. Thế nhưng trước sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế nhiều thành phần, ngành thuế bắt đầu bộc lộ những yếu kém trong quản lý và điều hành thu. Toàn ngành khi thành lập có 600 cán bộ, nhân viên nhưng phần đông lại chưa qua các trường lớp đào tạo chuyên ngành, quy trình thuế chưa tách bạch... đã đòi hỏi ngành thuế phải nhanh chóng đổi mới toàn diện. Công tác đào tạo và đào tạo lại được đặt lên hàng đầu. Cán bộ, nhân viên thuế vừa học vừa phải đảm đương nhiệm vụ được giao. Các chi cục thuế huyện, thị xã cũng được tổ chức lại. Mạng lưới thu thuế được mở rộng xuống xã so với trước chỉ tổ chức tới huyện. Ngành đã đầu tư kinh phí xây dựng lại toàn bộ các văn phòng giao dịch cho 13 chi cục thuế và 150 đội thuế xã phường. Ba khâu hành thu được tách ra hoạt động độc lập để khắc phục tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi” trong công tác thu. Nhờ vậy trong năm 1993, số thu của toàn ngành đạt 63 tỷ đồng, đến năm 1994 đạt 85 tỷ đồng. Năm 1995 là năm đầu tiên trong 5 năm qua, ngành thuế Quảng Ngãi đã đạt được những kết quả đáng kể nhất trí việc hoàn thiện qui trình tri thức, đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng, nề nếp các nghiệp vụ thuế... Nếu như năm 1990, toàn ngành chỉ có 4,8% trình độ đại học, 31,2% trung cấp và 64% sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo thì đến năm 1995, số cán bộ, nhân viên có trình độ đại học tăng lên 18,7%, trung cấp : 73,8%, sơ cấp giảm xuống chỉ còn 7,5%. Ngành thuế cũng là đơn vị đầu tiên trong ngành tài chính thực hiện thi tuyển chọn công chức, viên chức vào làm việc. Công tác hành thu, nghiệp vụ, quản lý,



● Ngân hàng Đầu tư  
và Phát triển Việt Nam  
Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi



● Làng cá Cổ Lũy



# & KHHGD QUẢNG NGÃI

## DẪN SỔ



● Thủ tướng Võ Văn Kiệt gặp mặt các cá nhân điển hình tiên tiến của các tỉnh về công tác DS - KHHGD tại Hà Nội. Trong ảnh : cán bộ chuyên trách DS - KHHGD xã Đức Phong (Mộ Đức) đơn vị xuất sắc của tỉnh năm 1993 nhận quà của Thủ tướng nhân ngày Dân số thế giới.



● Panô cổ động trực quan tại xã Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa.

● Một buổi nói chuyện chuyên đề DS - KHHGD kết hợp chiếu phim tuyên truyền cho đồng bào dân tộc tại xã Sơn Thành, Sơn Hà.



Ảnh : Văn Quang



quy trình thu, thanh tra... đi vào nề nếp. Nghiệp vụ kế toán tư nhân được áp dụng rộng rãi. Ngành phối hợp với hệ thống kho bạc mở đều khắp trên địa bàn tỉnh các điểm thu thuế trực tiếp đã giúp cho nguồn thu tập trung vào ngân sách kịp thời, tạo điều kiện cho điều hành ngân sách nhanh chóng, chính xác, đồng thời khắc phục được tình trạng tiêu cực trong cán bộ, nhân viên thuế. Việc thu thuế được thực hiện bám sát cơ sở, bám sát đối tượng để tính đúng, tính đủ. Công tác thanh tra, duyệt quyết toán được tiến hành thường xuyên để ngăn chặn tình trạng ẩn lậu thuế trong các doanh nghiệp. Hoạt động chống thất thu trên khâu lưu thông được các chi cục quan tâm kiểm tra, kiểm soát ở những trọng điểm tập trung các đầu mối tập kết hàng hóa. Cùng với sự hoàn thiện của hệ thống thuế là sự tăng trưởng của nền kinh tế (GDP tăng hơn so với năm 1994 12,5%, giá trị

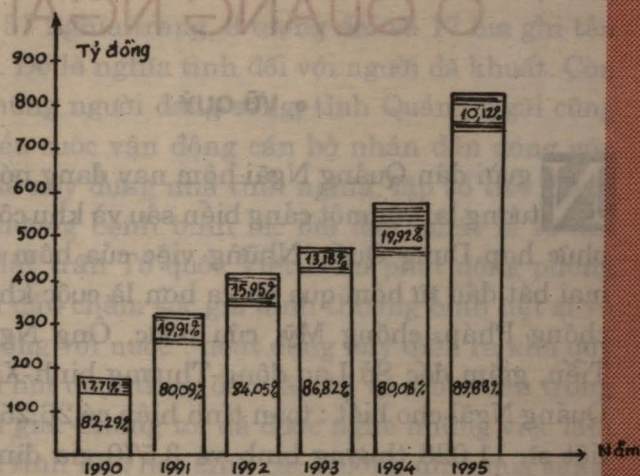


• Kiểm tra việc chấp hành thuế



sản lượng công nghiệp tăng 21,7%, sản xuất nông nghiệp được mùa 2 vụ Đông xuân và Hè thu) đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu thuế. Trong năm 1995, toàn ngành thực hiện được gần 124 tỷ đồng thuế các loại, vượt 7% kế hoạch Trung ương giao. Trong đó thu từ sản xuất nông nghiệp vượt 9%, thu xí nghiệp quốc doanh Trung ương vượt 7% và địa phương vượt 40%, 10 trong tổng số 15 đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch. Nếu so với năm 1990 là năm khởi đầu của hệ thống thu thuế thì số thu năm 1995 đã đạt được tốc độ tăng trưởng trên 6,3 lần. Đây là một bước tăng trưởng nhanh so với bình quân chung trong cả nước và qua đó đã thể hiện được một quá trình phấn đấu và trưởng thành của ngành thuế. Với những thành quả mà ngành thuế đã đem lại cho ngân sách tỉnh nhà, liên tục từ năm 1990-1993, ngành thuế đã vinh dự đón nhận danh hiệu đơn vị thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân tỉnh trao tặng, 5 năm liền Bộ Tài chính, Tổng cục thuế tặng danh hiệu đơn vị khá của ngành. Năm 1996, ngành thuế Quảng Ngãi phấn đấu thu vào ngân sách 156 tỷ đồng thuế các loại, tăng 16% so với năm 1995. Đứng trước con số này, ngành thuế Quảng Ngãi đã đề ra những biện pháp hữu hiệu để thêm một lần nữa chứng minh cho sự trưởng thành và lớn mạnh của mình.

## BIỂU ĐỒ TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA XÃ HỘI VÀ CƠ CẤU TMBL GIAI ĐOẠN 1990 - 1995 (Theo giá hiện hành)



: Tổng mức bán lẻ h.hóa



: Kinh tế NN



: Kinh tế tập thể, tư nhân, cá thể

Năm:	1990	1991	1992	1993	1994	1995
Tỷ đồng:	179,337	326,637	413,443	480,350	587,414	833,623

# NHỮNG VIỆC LÀM NGHĨA TÌNH Ở QUẢNG NGÃI

• VŨ QUÝ

**N**gười dân Quảng Ngãi hôm nay đang nói nhiều về tương lai với một cảnh biến sâu và khu công nghiệp phức hợp Dung Quất. Những việc của hôm nay, ngày mai bắt đầu từ hôm qua và xa hơn là cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cứu nước. Ông Nguyễn Hữu Tiến, giám đốc Sở Lao động-Thương binh-Xã hội tỉnh Quảng Ngãi cho biết : toàn tỉnh hiện có 26.252 gia đình liệt sĩ, 11.028 thương binh và 3.570 gia đình có công với cách mạng. Trong chiến tranh, họ đã chịu nhiều mất mát đau thương nên việc quan tâm chăm sóc các đối tượng chính sách trong hòa bình là bổn phận, trách nhiệm mà cũng là nghĩa tình của Đảng, nhà nước và toàn thể nhân dân. Đã có nhiều đợt trở lại chiến trường xưa mà người dẫn đường là những cựu chiến binh từng một thời băng mình trong lửa đạn. Mặc cho cảnh quan có thay đổi, họ cố gắng lục tìm trong ký ức, rồi thăm dò, khai quật tìm hài cốt của đồng đội để chuyển về nghĩa trang. Vẫn biết đất nước còn nghèo và Quảng

Ngãi lại nghèo hơn, nhưng cuộc chiến đã lùi xa, không một lý do nào mà không đưa các anh về nghĩa trang để được “mồ yên, mả đẹp”. Chỉ tính 5 năm, một nhiệm kỳ đại hội 1991-1995, ở Quảng Ngãi đã có 9.611 mộ liệt sĩ được quy tập vào nghĩa trang, suy tôn 1.380 liệt sĩ mới, xác nhận thêm 5.795 thương binh và đầu tư hàng tỷ đồng để xây dựng 20.436 bia mộ xây mới và sửa chữa, nâng cấp 51 nghĩa trang, 3 tượng đài và 17 bia ghi tên các liệt sĩ. Đó là nghĩa tình đối với người đã khuất. Còn đối với những người đang sống, tỉnh Quảng Ngãi cũng đã có nhiều cuộc vận động cán bộ nhân dân đóng góp tiền của để xây dựng nhà tình nghĩa, lập sổ tiết kiệm, giúp đỡ thương bệnh binh lúc ốm đau, nhất là từ khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động phong trào “toàn dân chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ và người có công với nước”, hoạt động này diễn ra khá quy mô và thu hút được đông đảo cán bộ và nhân dân trong tỉnh tham gia. Chúng tôi đã được nghe những việc làm đầy nghĩa tình như học sinh các trường nhận quà sáng, cán bộ công nhân viên đóng góp ngày lương và nhiều người quê Quảng Ngãi làm ăn thành đạt ở các nơi trong nước cũng gửi tiền về ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa. Cho đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng được 515 nhà tình nghĩa và sửa chữa 445 ngôi nhà khác cho các gia đình thương binh liệt sĩ với tổng kinh phí trên 6 tỷ đồng. Trong các ngày lễ, tết, chính quyền, các ban ngành đoàn thể tổ chức họp mặt, thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách. Hầu hết ở các địa phương đều cho mượn ruộng, hỗ trợ phân bón, thuốc trừ sâu để các gia đình

thương binh-liệt sĩ có điều kiện sản xuất, cải thiện cuộc sống. Riêng Trung tâm xúc tiến việc làm của tỉnh cũng đã đào tạo nghề miễn phí cho trên 180 cháu là con của các gia đình thương binh liệt sĩ và trẻ mồ côi để các cháu có điều kiện xây dựng cuộc sống của bản thân mình. Những hoạt động này đã góp phần giải quyết khó khăn trong cuộc sống của các đối tượng chính sách.

Theo chủ trương của Hội đồng Nhà nước, tỉnh Quảng Ngãi khẩn trương lập hồ sơ và đã có 1.602 mẹ được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trong đó có 577 mẹ còn sống ở các địa phương. Trong chiến tranh, các bà mẹ từng nén đau thương đưa tiễn chồng con lên đường ra trận, và can đảm chịu đựng những đòn roi của kẻ thù, vững niềm tin vào cách mạng. Sau hòa bình, đất nước còn nhiều khó khăn các mẹ lại càng phải cố gắng hơn. Các mẹ đã đến với cách mạng một cách tự nguyện, tích cực đóng góp công sức cho công cuộc bảo vệ và giải phóng đất nước mà không một chút đòi hỏi. Hành động cao đẹp ấy càng ngời sáng phẩm chất tốt đẹp của người mẹ Việt Nam.

Được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức nhiều đợt đăng ký nhận phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng với các cơ quan, đơn vị tự nguyện tham gia. Đến nay, toàn tỉnh có 235 bà mẹ được các đơn vị nhận phụng dưỡng suốt đời và tỉnh cũng đã tổ chức trao tặng 1.471 sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách với tổng giá trị hơn 1 tỷ đồng, mua thẻ bảo hiểm y tế cho 25.000 đối tượng. Theo thống kê của ngành lao động-thương binh xã hội, tỉnh đã có

hơn 75% đối tượng chính sách có mức sống bằng mức sống trung bình của nhân dân địa phương nơi cư trú...

Những con số trên đã nói lên truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của quê hương Quảng Ngãi, trong đó có sự quan tâm chỉ đạo và cố gắng to lớn của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tích cực góp phần cải thiện cuộc sống cho các đối tượng chính sách, nhất là việc chăm sóc những Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

# NGÀNH Y TẾ QUẢNG NGÃI

với việc củng cố  
mạng lưới y tế cơ sở

**T**rong những năm qua, các dịch bệnh ở tỉnh Quảng Ngãi giảm đáng kể, nhất là một số bệnh như sốt rét, dịch tả là những căn bệnh vẫn thường xảy ra hàng năm trước đây, gây tử vong rất cao thì vài ba năm trở lại đây không xảy ra trên diện rộng. Nếu như năm 1994, toàn tỉnh có 17 người chết thì sang năm 1995 chỉ còn 6 người chết vì bệnh sốt rét. Tỷ lệ ký sinh trùng sốt rét cũng giảm, số người bị bệnh sốt rét ác tính cũng ít hơn. Bệnh dịch tả và sốt xuất huyết vẫn còn xuất hiện ở đồng bằng và vùng ven biển nhưng được dập tắt kịp thời. Số người chết vẫn ở dưới hai con số. Đó là dấu hiệu đáng mừng, chứng tỏ những nỗ lực rất lớn của ngành y tế trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhân dân. Để có được những điều vừa kể, ngoài sự chỉ đạo sát sao của y tế tỉnh, các trạm sốt rét, đội vệ sinh phòng dịch còn phải kể đến y tế cơ sở. Trong số 171 xã của tỉnh thì có đến 169 trạm y tế xã, phường (trừ 2 xã huyện đảo Lý Sơn là không cần trạm y tế vì Bệnh viện huyện đảm

nhận luôn chức năng này). 169 trạm y tế xã, tuy chưa phải hoạt động đồng đều, cơ sở vật chất có nơi còn tạm bợ, song trạm nào cũng hoạt động. Chính có sự hoạt động thường xuyên này đã góp phần không nhỏ trong việc phát hiện kịp thời các dịch bệnh và báo với y tế tuyến trên để xử lý. Các xã vùng biển như Tịnh Kỳ, Bình Châu, Bình Hải, Phổ Thạnh, do mật độ dân cư quá dày, ăn ở không hợp vệ sinh, chợ búa một bên nên thường xuyên xảy ra các dịch bệnh như dịch tả, sốt xuất huyết trong mùa hè. Nhờ có y tế tuyến xã thường xuyên hoạt động nên khi dịch xảy ra là đội vệ sinh phòng dịch huyện và Trung tâm vệ sinh phòng dịch tỉnh có mặt để xử lý. 5 năm qua không có năm nào là không xảy ra các dịch bệnh kể trên nhưng đều được dập tắt kịp thời.

Ý thức được tầm quan trọng của y tế cơ sở nên trong những năm qua, ngành y tế đã quan tâm rất nhiều đến việc củng cố. Cả 169 xã đều có y sĩ, y tá. Trong năm 1995 có 21 bác sỹ được phân công về công tác tại các trạm y tế xã nâng tổng số bác sỹ tuyến xã lên 23 người. Hiện tại có 64 y sỹ đang theo học bác sỹ tại Y khoa Huế. Ông Phan Tư A - Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi cho biết rằng từ nay đến năm 2000 tỉnh Quảng Ngãi phấn đấu mỗi trạm y tế xã sẽ có một bác sỹ. Tăng cường số cán bộ y tế có trình độ y, bác sỹ về y tế tuyến xã là cần thiết, sẽ góp phần thiết thực vào việc khám chữa bệnh một cách hiệu quả nhất cho nhân dân, song một điều khác cũng cần lưu ý là các trang thiết bị y tế, cơ sở nhà cửa, phòng khám phải đảm bảo để các thầy thuốc mới có điều kiện phục vụ người bệnh. Trong năm 1994-1995, tranh



thủ sự giúp đỡ của Bộ y tế, ngành y tế Quảng Ngãi đã xây dựng được 26 trạm y tế xã, bình quân mỗi trạm trị giá 78 triệu đồng, 10 triệu đồng dùng vào việc trang bị máy móc, giường bệnh, dụng cụ y tế. Trong số 26 trạm y tế nói trên có 18 trạm y tế của các huyện miền núi. Trong năm nay, ngành y tế Quảng Ngãi tiếp tục xây dựng 30 trạm y tế nữa. Tuy nhiên, hiện vẫn còn 31 trạm y tế xã đã xuống cấp, phải mượn tạm uỷ ban xã hoặc hợp tác xã để hoạt động. Dự kiến đến năm 1997, ngành y tế Quảng Ngãi sẽ xây dựng hoàn chỉnh 100% trạm y tế xã, không có xã “trắng” về y tế. Tranh thủ các nguồn viện trợ của AUSTRALIA và các tổ chức quốc tế, ngành y tế Quảng Ngãi sẽ trang bị các loại dụng cụ y tế hiện đại phục vụ cho việc khám chữa bệnh cho các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và các xã trị giá hàng triệu USD. Trong lúc ngân sách của tỉnh còn quá eo hẹp, việc tranh thủ các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế sẽ góp phần tốt hơn trong việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Trong quá trình củng cố, xây dựng, tổ chức mạng lưới y tế cơ sở đã nảy sinh nhiều vấn đề cần phải sớm được khắc phục. Trước đây, y tế xã được các HTX trả bằng lúa, hoặc UBND xã trả phụ cấp. Hiện nay số cán bộ y tế cơ sở được ngành y tế trả lương như viên chức, song việc hoạt động của một số trạm y tế còn cầm chừng. Làm các dịch vụ tư nhân là chính. Vì vậy ngành cần có sự kiểm tra, đôn đốc. Các trạm y tế đã xây gần 20 năm nay, hiện xuống cấp rất nặng, ngành cần nhanh chóng sửa chữa hoặc xây mới. Rõ ràng y tế cơ sở có vai trò rất

lớn trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân nhất là việc thực hiện các chương trình y tế quốc gia như tiêm chủng mở rộng, thanh toán bệnh phong, phòng chống lao, làm công tác kế hoạch hóa gia đình... Vì vậy việc củng cố mạng lưới y tế cơ sở sẽ đem lại hiệu quả cao trong việc chăm lo đến sức khỏe cộng đồng.

# CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ & KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH đến năm 2000

**N**gày 24/3/1994 Quảng Ngãi chúng ta đã có chiến lược Dân số - kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000, sau chiến lược DS-KHHGD đến năm 2000 của Nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Mục tiêu cụ thể của chiến lược DS-KHHGD đến năm 2000 của tỉnh là giảm nhanh tỷ lệ sinh con thứ 3 hàng năm, để đến năm 2000 đưa số con trung bình đạt mức 2,8 và có quy mô dân số toàn tỉnh vào khoảng 1.341.209 người.

Thật ra trước đó, nhất là từ khi có Nghị quyết IV về chính sách DS-KHHGD của Hội nghị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam khoá 7, chúng ta đã có chương trình mục tiêu để thực hiện hàng năm, cho đến năm 2015 đạt mức sinh thay thế. Với kế hoạch này, hàng năm phải giảm sinh 0.7%, Quảng Ngãi xác định với mức sinh còn cao như tổng điều tra biến động dân số đã nêu vào năm

1989 là 36% thì Quảng Ngãi phải làm cật lực hơn nữa mới theo kịp mức chiến lược KT-XH đã đề ra, đến năm 2000 phải có tỷ lệ phát triển DS là 1,8%. Từ đó HĐND tỉnh đã ra Nghị quyết từ năm 1993 phấn đấu mỗi năm giảm sinh 0,9%. Với mức giảm sinh đó, thì đến năm 2000 chúng ta sẽ có mức phát triển dân số xấp xỉ như chiến lược kinh tế - xã hội đề ra (19,32%).

Lần này, trong dự thảo Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV có ghi chỉ tiêu về dân số phấn đấu đến năm 2000 có tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 1,83%, như vậy hàng năm từ năm 1996-2000, mỗi năm giảm sinh 1% (cao hơn mức cũ 0,1% và cao hơn chiến lược 0,3%). Vấn đề đặt ra là chúng ta phải làm gì, đầu tư như thế nào để đạt mục tiêu đó :

+ Theo chương trình mục tiêu của UBQGDS thì hàng năm với mức độ đầu tư cho chỉ tiêu giảm sinh 0,7%, liệu với mức độ đầu tư đó UBDS-KHHGD tỉnh có phấn đấu được như Nghị quyết XV đề ra không ?

+ Theo dõi chương trình mục tiêu về DSKHHGD chúng ta thấy kinh phí cho tỉnh mỗi năm đều tăng lên:

Năm 1993 kinh phí cho chương trình mục tiêu 1,658 tỷ;

Năm 1994 kinh phí cho chương trình này lên 3,592 tỷ;

Năm 1995 kinh phí cho chương trình này lên 4,529 tỷ;

Và năm 1996 kinh phí cho chương trình này lên 5,482 tỷ.

Chúng ta đã hoàn thành việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác dân số trên 171 xã của 13 huyện thị, đó là thuận lợi cơ bản cho công tác ĐSKHHGD. Với mức độ kinh phí đó, theo thông báo của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh thì năm 1993 chúng ta đã giảm sinh còn 31,1‰, hạ thấp so với chiến lược (33,12‰) 2‰. Năm 1994 tỉnh chúng ta đã giảm sinh xuống còn 29,6‰, so với chiến lược (32,22‰) thì giảm thêm được 2,6‰. Nếu tính từ năm 1990 đến năm 1994, trong vòng 5 năm tỷ suất sinh giảm từ 36‰ xuống còn 29,6‰, mỗi năm giảm trung bình trên 1‰. Trong khi đó thì mức độ đầu tư thêm của tỉnh là không đáng kể.

+ Theo ý kiến của Cố vấn Phạm Văn Đồng thì vấn đề cơ bản trong khi thực hiện chương trình là Con người, Con người quyết định chứ không phải Tiền quyết định ! Chúng ta đã thấy sáng ra thêm ý kiến đó với việc thực hiện chương trình dân số ở tỉnh ta. Ở một tỉnh nghèo như tỉnh ta thì vấn đề đó không phải không có ý nghĩa thực tế.

+ Năm 1996 với việc hoàn thành chuẩn bị nguồn lực và việc đầu tư kinh phí của chương trình mục tiêu có tăng thêm, chắc chắn chúng ta có điều kiện để thực hiện giảm sinh 1‰ như Nghị quyết đã đề ra.

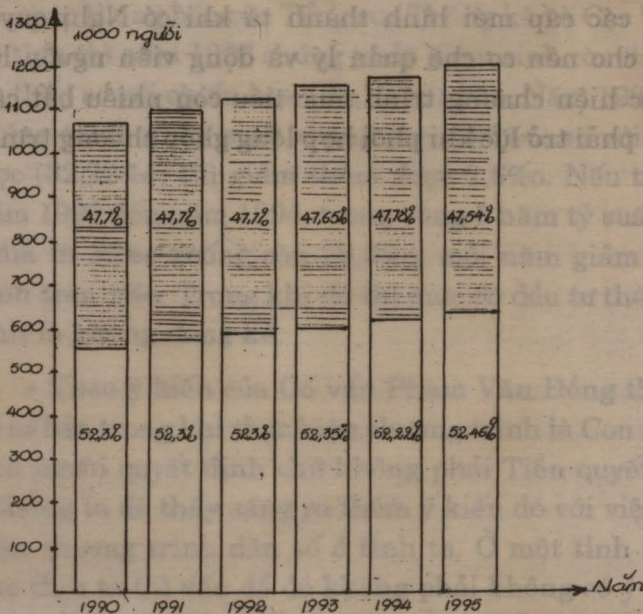
Những người làm công tác dân số khi phát biểu về chương trình mục tiêu vẫn dè chừng vì các lẽ :

Đảng bộ và chính quyền các cấp của địa phương đã

thật sự có chuyển biến về DS-KHHGD như Nghị quyết IV và chỉ thị 50 của Đảng đề ra chưa ?

Công tác dân số càng về sau càng khó vì phải thực hiện cho được số con thay thế của các cặp vợ chồng, một sự chuyển biến tận gốc không phải dễ dàng, hơn nữa UBDS các cấp mới hình thành từ khi có Nghị quyết 42/CP cho nên cơ chế quản lý và động viên nguồn lực để thực hiện chương trình mục tiêu còn nhiều bất cập và gặp phải trở lực khi phối hợp lồng ghép chương trình.

## BIỂU ĐỒ DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ GIAI ĐOẠN 1990 - 1995 (Dân số trung bình năm)



: Dân số trung bình năm



: Nam



: Nữ

Năm:	1990	1991	1992	1993	1994	1995
Nghìn người:	1072	1094,4	1122,5	1150,6	1164,2	1204,75

# LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI

## QUANG NGÃI

### một vài hình ảnh



- Một ngôi nhà tình nghĩa trao tặng cho Mẹ Việt Nam anh hùng (trên)



- Đồng chí Giám đốc Sở LĐ - TBXH Nguyễn Hữu Tiến tặng quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng (giữa)



- Trung tâm xúc tiến việc làm. Ảnh : DL - VS - AV



# GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

# QUẢNG NGÃI



- Hội thi Bé khỏe bé ngoan (trên)
- Hội thi giáo viên thanh lịch và tài năng (giữa)
- Trường nội trú dân tộc Quảng Ngãi

# NGÀNH GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI 5 năm nhìn lại

• PTS NGUYỄN VĂN TRANG

Giám đốc Sở GD - ĐT Quảng Ngãi



**N**ăm năm qua (1990 - 1995), ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi cùng với nhân dân trong tỉnh cố gắng vượt qua những khó khăn về kinh tế - xã hội để thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu trong Nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV, đặc biệt là Nghị quyết TW IV của BCHTW khóa VII.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo của tỉnh nhà được củng cố và có bước phát triển đáng khích lệ.

1) *Giáo dục mầm non* : Đến nay có 17 nhà trẻ và 71 nhóm trẻ gia đình với 1326 cháu; 158 trường mẫu giáo

với 29.492 cháu. Mỗi huyện, thị xã đều có trường mẫu giáo liên cơ.

2) *Giáo dục phổ thông* : Hoàn thành cơ bản việc tách bậc tiểu học (trừ 8 trường PTCS ở các huyện miền núi) và hình thành trường THCS.

+ 224 trường tiểu học với 15.540 học sinh.

+ 109 trường THCS với 74.819 học sinh.

+ 30 trường PTTH với 18.734 học sinh.

+ 06 trung tâm KTTH-HN-DN ở 6 huyện đồng bằng và 1 trường dạy nghề ở thị xã Quảng Ngãi.

+ 06 trường PTDT nội trú (01 của huyện Sơn Tây đang đầu tư).

3) *Giáo dục chuyên nghiệp - Cao đẳng - Đại học* :

+ 04 Trường trung học chuyên nghiệp với 3.206 giáo sinh chính quy.

+ 01 Trường Cao đẳng sư phạm và 36 lớp đại học tại chức trong toàn tỉnh.

Đã hoàn thành đề án xây dựng Trường đại học cộng đồng, đang liên kết đào tạo với Đại học Huế, Đà Nẵng và Quy Nhơn, Đại học Đà Lạt, Đại học mở Hà Nội. Có 26.447 lượt thí sinh dự thi với 7.702 lượt thi đậu đại học, cao đẳng. Tỷ lệ 26,15%.

4) *Giáo dục thường xuyên* :

5 Trung tâm giáo dục thường xuyên ở 4 huyện miền núi và 01 Trung tâm của tỉnh ở thị xã Quảng Ngãi, 01 Trung tâm ngoại ngữ, tin học.



*5) Hình thành hệ thống trường chuyên :*

6 trường chuyên trong đó 01 trường chuyên cấp 2,3 ở thị xã.

*6) Hình thành hệ thống trường bán công :*

6 trường bán công PTTH với 4.359 học sinh.

*7) Phổ cập giáo dục trung học và xóa mù chữ :*

+ Tính đến 31/12/1995 có 9 huyện, thị xã đạt chuẩn phổ cập GDTH - XMC (trong đó có 01 huyện miền núi, 01 huyện đảo)

+ 122/171 xã đạt tiêu chuẩn.

+ Đã huy động được 22.422 người học phổ cập trung học và xóa mù chữ (trong đó 12.200 từ 15 - 35 tuổi và 10.222 từ 6 - 14 tuổi).

*8) Giáo dục thể chất - vệ sinh - môi trường :*

+ Xây dựng được 48 công trình vệ sinh ở 48 trường

tiểu học.

+ Thực hiện chương trình giáo dục sức khỏe từ lớp 1 - lớp 5 trong toàn tỉnh.

*9) Xã hội hóa giáo dục :*

+ Ngày toàn dân đưa trẻ em tới trường đã đem lại kết quả ở các huyện đồng bằng, đạt 95% số trẻ vào lớp 1 và miền núi đạt 78%. Trong năm học 1995-1996 :

Học sinh tiểu học tăng 1.116;

Học sinh THCS tăng 9.000;

Học sinh PTTH tăng 1.839.

+ Xây dựng mới 315 phòng học trong đó nguồn vốn chương trình mục tiêu 267 phòng - còn lại nguồn vốn của địa phương, nhân dân đóng góp và các hội hữu tâm xây dựng.

+ Trang bị được : phòng vi tính ở 11 trường PTTH và 07 Trung tâm KTTH-HN-DN, GDTX và ngoại ngữ tin học (07 phòng học tiếng nước ngoài, mỗi phòng 24 cabin).

*10) Chất lượng giáo dục đã được nâng lên :*

+ 5 năm qua có 517 học sinh giỏi cấp tỉnh từ tiểu học đến PTTH.

+ Có 47 học sinh đạt giải quốc gia (01nhất, 07 nhì, 08 ba).

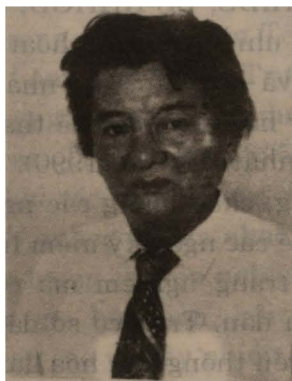
+ Có 476 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp tỉnh, 04 giáo viên đạt giải giáo viên giỏi các trường THCN - dạy nghề toàn quốc.

# VĂN HÓA THÔNG TIN QUẢNG NGÃI

## 5 năm - một chặng đường

Phòng văn Nghệ sĩ ưu tú **TA HIỂN MINH**  
Giám đốc Sở VH - TT Quảng Ngãi

• **CAO CHỮ** (Thực hiện)



VĂN HÓA THÔNG TIN (VHTT) LÀ MỘT DIỄN HOẠT ĐỘNG RẤT RỘNG VÀ ĐÃ CÓ NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT SUỐT 5 NĂM QUA. TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI, LĨNH VỰC NÀY LAI NỔI LÊN NHIỀU VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG VÀ CẤP BÁCH. CHÚNG TÔI ĐÃ GẶP VÀ CÓ CUỘC PHÒNG VẤN NHỎ Đ/C TA HIỂN MINH, NGHỆ SỸ ƯU TÚ.

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN QUẢNG NGÃI, VỀ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NÀY.

- Đ/c đánh giá như thế nào về các hoạt động VHTT 5 năm qua, tức từ Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV đến nay ?

- **Đ/c Tạ Hiền Minh (THM)** : 5 năm qua, ngành văn hóa thông tin đã đạt được những thành tựu rất lớn, rất nổi bật, nhưng những vấn đề còn đặt ra không phải là nhỏ.

- *Đ/c có thể điểm qua những thành tựu lớn nhất ?*

- **Đ/c THM** : Có thể nói, bám sát các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV đã vạch ra, ngành VH TT đã lập kế hoạch sát hợp cho từng năm. Kế hoạch ấy được tính toán kỹ lưỡng, để vừa đảm bảo các hoạt động thường xuyên, lại vừa có trọng tâm, trọng điểm, có lúc phải huy động hầu hết CBCNV của ngành phục vụ cho các chiến dịch lớn. Chúng ta đã tuyên truyền thường xuyên cho công trình Thạch Nham, phòng chống AIDS, DS-KHHGD, nghĩa vụ quân sự, lại phải tổ chức nhiều cao trào hoạt động như Liên hoan hát ru, đàn và hát dân ca... nhân các ngày lễ lớn; đặc biệt là ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc nhân 100 năm sinh nhật Bác Hồ (1990), 30 và 35 năm khởi nghĩa Trà Bông, chào mừng các ngày lễ lớn trong 2 năm 1994-1995. để các ngày kỷ niệm lịch sử không những được tổ chức trang nghiêm mà còn là những ngày hội lớn của toàn dân. Trên cơ sở đã khai thác và phát huy khá tốt truyền thống văn hóa dân tộc. Chúng ta đã lập hồ sơ, quy hoạch để có vài chục Di tích Quốc gia được công nhận, hàng trăm di tích được UBND tỉnh ra quyết định bảo vệ, đã trùng tu, tôn tạo được nhiều di tích lớn với kinh phí hàng mấy tỷ đồng; xuất bản được nhiều đầu sách về truyền thống Đảng bộ và quê hương. Hoạt động thư viện cũng có điểm nổi trội : không phải

chỉ xây dựng được một trụ sở thư viện công cộng khang trang, mà tổng số sách ít ỏi trước kia đã tăng lên 6 vạn bản, mỗi ngày thu hút được vài ba trăm bạn đọc. Thực hiện tiến quân lên trung du miền núi do Nghị quyết XIV của Tỉnh Đảng bộ đề ra, Đội tuyên truyền VHMN cùng các đội chiếu bóng vùng cao thực sự là lực lượng xung kích của ngành trong việc xóa diểm trắng văn hóa miền núi. Mặc dù kinh phí của ngành rất khó khăn, chúng ta cũng đã tài trợ kịp thời, thích đáng cho miền núi và hải đảo, đặc biệt cho hai huyện mới thành lập là Lý Sơn, Sơn Tây. Công tác xuất bản và nghiên cứu khoa học đã từng bước đạt được những thành tựu : mỗi năm chúng ta đều tiến hành nghiên cứu 2-3 đề tài cấp tỉnh, xuất bản thường xuyên tạp chí Cẩm thành, 5-10 đầu sách. Các tập sách của các văn nghệ sỹ quê Quảng Ngãi có uy tín trong cả nước như Tế Hanh, Phúc Hoàng, Nguyễn Viết Lâm, Vân Đông, Trương Quang Lục, Phương Lựu... là những tập sách được dư luận trong và ngoài tỉnh đánh giá cao. Trong năm 1995, hai tập sách chúng ta đã in cho hai tác giả Phương Lựu, Vân Đông đã nhận được giải Văn học và Âm nhạc toàn quốc. Cũng cần nói thêm là lực lượng chuyên nghiệp và không chuyên của tỉnh ta tham gia hội diễn, hội thi toàn quốc đạt nhiều giải thưởng cao và gây nhiều ấn tượng đẹp cho bạn bè trong nước.

*- Đ/c mới điếm qua về các hoạt động sự nghiệp. Thế còn trên phương diện kinh doanh văn hóa, một vấn đề khá hóc búa hiện nay ?*

**- Đ/c THM :** Đúng là trong cơ chế thị trường, các



đơn vị quốc doanh không dễ đứng vững trước sự cạnh tranh gay gắt giữa các thành phần; đặc biệt trong kinh doanh văn hóa, vì ở đây còn phải kiêm cả phục vụ chính trị. Điều đáng mừng là trong vô vàn khó khăn, 4 đơn vị doanh nghiệp của ngành (XN in, Công ty Điện ảnh, Công ty Nhiếp ảnh - Mỹ thuật, Công ty Sách - Văn hóa tổng hợp) đã kiên trì và đứng vững. Nhất là XN in. Với cơ sở vật chất hồi mới tách tỉnh còn quá yếu và quá thiếu, nay XN đã lần lượt trang bị hoàn chỉnh quy trình opset (máy chế bản, vi tính, máy in) đảm đương được nhu cầu in của toàn tỉnh. Nhà xưởng cũng được xây dựng mới, thoáng rộng. Chỉ điều ấy thôi cũng đủ nói những nỗ lực vượt bậc của các đơn vị kinh doanh văn hóa.

Công ty chẳng những đã đứng được mà còn có mặt phát triển khá, gần đây đã thấy có khởi sắc qua thực hiện Nghị định 87,88 và chỉ thị 814/TTg của Chính phủ cả về tổ chức và kinh doanh và cả về đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Thế còn trên lĩnh vực quản lý văn hóa ?

- **Đ/c THM** : Công tác quản lý văn hóa của chúng ta khá chặt chẽ, đã ngăn chặn khá tốt các sản phẩm phản văn hóa độc hại xâm nhập vào. Điều rất rõ là không có những vi phạm nghiêm trọng và chúng ta cũng xử lý các vi phạm kịp thời. Vụ xâm phạm di tích Thiên Ấn, thành cổ Châu Sa là một ví dụ. Được thế là nhờ chúng ta đã triển khai các văn bản, luật pháp khá kịp thời và rộng khắp, trong đó, điều tiên quyết vẫn là sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp của

các cấp ngành, và phải kể đến truyền thống quý báu của nhân dân.

Nói tóm lại là, các thành tựu 5 năm qua của ngành VH TT chính là bám sát và phục vụ đắc lực các nhiệm vụ chính trị, tạo dựng một bộ mặt văn hóa mới của tỉnh, các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn và khai thác, phát huy, đa dạng hóa. xã hội hóa các hoạt động, ngày càng đi vào chiều sâu, đời sống và mức tiếp xúc của văn hóa ở các vùng trong tỉnh ngày một nâng lên đáng kể.

*- Trên kia đ/c đã nói ngành đạt nhiều thành tích lớn nhưng những tồn tại cũng không nhỏ. Những tồn tại đó là gì ? và có mâu thuẫn nhau không ?*

- **Đ/c THM** : Thực ra, đó chỉ là 2 mặt của một vấn đề, có cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan. Chúng ta cần nhớ hồi mới tách tỉnh, khó khăn trăm bề, mà gay gắt nhất là lực lượng rất mỏng, các đơn vị của ngành hầu như chưa có trụ sở làm việc. Chỉ trong vòng 5-7 năm, làm sao có thể giải quyết hết những tồn tại lớn như thế của quá khứ ? Song chúng ta cũng không đổ lỗi hết cho hoàn cảnh, kiểu như “mất mùa là bởi thiên tai, được mùa là bởi cái tài của ta”. Chủ trương, chính sách đã có, hoàn cảnh cũng không đến nỗi nào, vậy tại sao đến nay nhiều huyện trong tỉnh vẫn chưa có một Trung tâm văn hóa để khả dĩ phục vụ kinh tế - xã hội ở huyện ? Tôi nghĩ một phần trách nhiệm thuộc về lãnh đạo các địa phương, song không thể không kể đến đội ngũ cán bộ CNV cơ sở vật chất của ngành còn nhiều bất cập. Có

những điều tôi muốn bộc bạch hết với đ/c nhưng cứ băn khoăn, nói thế nào, nói với ai. Cái mà ai cũng dễ nhìn thấy là bộ mặt của một tỉnh mới chia sau hơn 6 năm vẫn còn hiện diện rất rõ trong ngành văn hóa. Tỉnh ta chưa có Nhà bảo tàng, Nhà văn hóa trung tâm tỉnh...các huyện thị và xã phường thiếu cán bộ, thiếu cơ sở vật chất hưởng thụ văn hóa của nhân dân còn thiếu thốn có nhiều việc đối với tôi là “lực bất tòng tâm”. Mặt khác, sự nghiệp đổi mới lại luôn nảy sinh ra nhiều vấn đề mới buộc phải giải quyết. Đại hội truyền VHMN sau những đợt diễn dài ngày ở miền núi, về thị xã, vẫn chưa có nơi ăn chốn nghỉ và chỗ tập luyện. Chúng ta có thể tạm bằng lòng với mạng thông tin, nhưng về văn hóa văn nghệ, nhìn chung chúng ta vẫn chưa là một tỉnh mạnh, bởi lĩnh vực này bao giờ cũng hóc búa nhất cả về nhận thức và thực hiện.

*- Vậy thưa đ/c, phương hướng hoạt động của ngành trong 5 năm cuối thế kỷ này sẽ là gì ?*

**- Đ/c THM :** Tất nhiên là phải tiếp tục khắc phục những tồn tại như đã kể, tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được và phục vụ chính trị ngày càng có hiệu quả Nghị quyết XV của Tỉnh Đảng bộ, tiếp tục đổi mới và phát triển tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế. Rõ ràng nhiệm vụ sấp tới của ngành thật nặng. Hiện đại hóa , đồng thời cũng phải ra sức bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, tránh mọi biểu hiện coi thường công tác này.

*- Chúng ta làm thế nào để ngăn chặn văn hóa ngoại lai ?*

- Đ/c THM : Tôi cho rằng ở đây chúng ta cần có sự phân biệt một chút, kéo lại có sự nhầm lẫn đáng tiếc. Trên phim Việt Nam, thỉnh thoảng lại bắt gặp cảnh nam nữ hôn nhau giữa chốn đông người, hoặc cảnh làm tình trắng trợn, hoặc cảnh đấm đá nhau... không chỉ có diễn viên diễn một cách ngược ngược mà người xem cũng phát ngược. Người ta gọi đó là thứ văn hóa lai căng, rõ ràng là rất không hợp với khẩu vị dân tộc. Trong các thứ văn hóa nhập vào nước ta cũng cần phải phân biệt, đâu là những sản phẩm văn hóa đích thực, đâu chỉ là thứ giá hiệu. Nhân dân chúng ta hoàn toàn có quyền cần phải được hưởng những tinh hoa văn hóa nhân loại, trong xu thế hòa nhập và để làm phong phú cho đời sống tinh thần của mình. Thứ mà chúng ta triệt để bài trừ và xử phạt nghiêm minh là loại đội lối văn hóa, thường theo đường nhập lậu vào nước ta, và từ đó mà biến tướng thành các tệ nạn xã hội; những thứ mà các nước cũng đã ra sức bài trừ, đào thải. Nhưng quản lý cũng chỉ mới là một phần nhỏ công việc. Phần lớn hơn vẫn là làm sao tự ta xây dựng được những sản phẩm văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ lành mạnh của nhân dân để đánh bật những sản phẩm đội lối kia. Phần này chủ yếu tùy thuộc vào tài năng và sự đầu tư của lãnh đạo, các cấp, các ngành, của những người hoạt động văn hóa và toàn xã hội.

- Xin cảm ơn đồng chí !

# THỂ THAO QUẢNG NGÃI

## trên đà khởi sắc

• ANH MY

**S**au chiến thắng mùa xuân năm 1975, đất nước chuyển sang giai đoạn cách mạng mới, phong trào thể dục thể thao (TDTT) Quảng Ngãi đã hòa nhập với phong trào TDTT cả nước. Gần hai mươi môn thể thao đang phát triển như: võ thuật, bóng đá, bóng bàn, bóng chuyền, cờ vua, cầu lông... được hình thành. Đặc biệt, sau khi tỉnh Quảng Ngãi tách ra từ tỉnh Nghĩa Bình (1989) cùng với các ngành trong tỉnh, ngành thể thao đã xác định những nhiệm vụ cấp bách và định hướng phát triển; thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh Đảng bộ và kế hoạch của ngành cấp trên...

Năm năm (1990-1995) không phải là một thời gian dài so với quy mô của ngành. Nhớ lại những ngày đầu khi mới chia tỉnh, ngành TDTT Quảng Ngãi tồn tại trên cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động TDTT hầu như không có: cán bộ TDTT vừa thiếu, vừa yếu... Điều này đã đặt ra cho cán bộ làm công tác TDTT của tỉnh cần phải

nỗ lực hơn, bắt kịp với đà phát triển chung của phong trào TDTT cả nước...

### **NHỮNG CON SỐ KHẢ QUAN...**

Khi nói đến Quảng Ngãi, người ở xa nghĩ ngay đó là mảnh đất có truyền thống thượng võ. Tên tuổi của các võ sĩ Bảo Truy Phong, Đỗ Huy Sinh... đã làm rạng rỡ cho làng võ Việt Nam vào những năm sau Cách mạng tháng Tám (1945); một đội bóng đá Ba Tư mà Tý Bò, Tạ Khôi đã một thời oanh liệt...

Kế tiếp truyền thống ấy, phong trào TDTT của tỉnh trong những năm qua đã thực sự khởi sắc; phong trào TDTT được thâm nhập vào quần chúng nhân dân, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang và các đơn vị cơ quan, thành tích của thể thao được nâng lên đem lại những vinh quang về cho tỉnh nhà...

Công tác TDTT quần chúng là một trong những công tác được chú trọng của ngành. Đến nay đã có 20.5% các đối tượng học sinh, sinh viên tham gia tập thể thao thường xuyên; 2,5% số hộ gia đình tham gia luyện tập thể thao thường xuyên; 60% số đơn vị lực lượng vũ trang tham gia rèn luyện chiến sĩ khỏe; 20% số đơn vị cơ quan tham gia hoạt động TDTT...Điều nổi bật hơn hết là thu hút được hàng ngàn hội viên của các liên đoàn, hội thể thao như : Liên đoàn bóng đá, Liên đoàn võ thuật, Liên đoàn quần vợt, Liên đoàn cầu lông, Hội cờ tướng, Hội dưỡng sinh... đã có trên 570 đơn vị cơ sở luyện tập và

thi đấu thể thao thường xuyên.

Nhằm đáp ứng yêu cầu hướng dẫn phong trào cũng như huấn luyện cho các đội tuyển thể thao của tỉnh, hàng năm ngành đã đào tạo hàng trăm vận động viên năng khiếu cho các môn thể thao, đặc biệt là môn bóng đá, võ thuật, bóng chuyền, cầu lông...Đồng thời mở các lớp bồi dưỡng và gửi đào tạo cán bộ, huấn luyện viên năng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Làng võ Quảng Ngãi thực sự sánh vai với các tỉnh bạn. Đặc biệt là giải võ tự do toàn quốc (1995), đội Quảng Ngãi đã giành 5 huy chương vàng (HCV), 1 huy chương bạc (HCB) và 1 huy chương đồng (HCD) giành chức vô địch toàn quốc. Tổng cục TDTT đã phong 6 vận động viên kiện tướng và 4 vận động viên cấp I quốc gia.

Trước những năm 1980, vận động viên Quảng Ngãi ở các bộ môn chỉ đạt từ 3-4 huy chương/năm. Sau 5 năm (1990-1995) vận động viên Quảng Ngãi đạt tổng số 126 HC, trong đó : 47 HCV, 40 HCB, 39 HCD. Được Tổng cục TDTT phong 38 vận động viên kiện tướng, 45 vận động viên cấp I gồm các môn : võ thuật, cờ tướng, cầu lông...và hàng năm trên 10 môn thể thao tham gia các giải của toàn quốc và khu vực.

Cùng với thành tích đó, đội bóng đá A1 Quảng Ngãi đã duy trì và tham gia giải A1 toàn quốc hàng năm, đội bóng đá trẻ đạt giải 3 (3 HCD) toàn quốc năm 1995; đội cầu lông trẻ đạt 1 HCV, 1 HCD giải trẻ toàn quốc năm 1995...

Những con số trên không phải là điểm dừng mỹ mãn của phong trào TDTT Quảng Ngãi, bên cạnh đó ngành vẫn còn những mặt yếu kém, điều đó đòi hỏi ngành TDTT cần phải cố gắng nỗ lực cao hơn nữa, phát huy truyền thống đã đạt được, mới bắt nhịp với đà phát triển chung của phong trào TDTT cả nước...



Một số kết quả nổi bật  
trong việc thực hiện  
**3 CHƯƠNG TRÌNH CÓ MỤC TIÊU**  
**CẤP NHÀ NƯỚC**  
của ngành văn hóa thông tin tỉnh Quảng Ngãi

• **LÊ HỒNG KHÁNH**

(Chuyên viên tổng hợp Sở VH - TT)

**T**ừ năm 1994, ngành VH-TT đã được Nhà nước cho phép thực hiện ba chương trình có mục tiêu cấp nhà nước (CTCMT).

1) Chương trình chống xuống cấp sự tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa Việt Nam ( CXCSTTDT ).

2) Xây dựng và nâng cao các hoạt động văn hóa thông tin ở cơ sở khu vực nông thôn ( VHTTCS ).

3) Chương trình phát triển điện ảnh Việt Nam ( PTĐA ).

Được sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa Thông tin (cơ quan chủ trì thực hiện CTCMT), UBND tỉnh và sự giúp đỡ

# VĂN HÓA THÔNG TIN MỘT VÀI HÌNH ẢNH

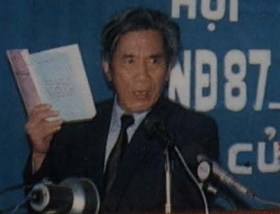


• Nhà bảo tàng Ba Tơ  
ngày lễ kỷ niệm 50 năm  
khởi nghĩa Ba Tơ

• Bộ trưởng Trần Hoàn  
triển khai ND 87 - 88/CP  
và CT 814/TTg  
tại Quảng Ngãi

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI C

HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI  
ND 87\_88/CP VÀ CT 814/TTg  
CỦA CHÍNH PHỦ



## Đàn nhạc TRẦN HOÀN





● Tổng kết cuộc thi Thiếu nhi Quảng Ngãi vẽ tranh, nặn tượng

● Tiết mục của Đoàn Quảng Ngãi đoạt Huy chương vàng tại Liên hoan Tiếng hát làng sen – 1995



● Ngày hội Văn hóa các dân tộc toàn tỉnh lần thứ 4.



phối hợp của các ngành và các địa phương, kết hợp nguồn đầu tư từ ngân sách Trung ương và ngân sách của tỉnh, huyện, thị xã và cơ sở, việc triển khai thực hiện CTCMT ở tỉnh ta đã tác động tích cực đến đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân, tạo ra được chuyển biến đáng kể trong hoạt động của ngành từ tỉnh đến cơ sở.

Tính đến ngày 31.12.1995, đầu tư ngân sách giành cho ba chương trình ở tỉnh ta đã đạt 1.495 triệu đồng, cụ thể như sau :

K.phí đầu tư	Năm	
	1994	1995
Tổng số:	683	812
<i>Trong đó:</i>		
- CXC & TYDT	200	200
- VHTTCS	413	462
- PTĐA	70	150

Ngoài ra UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã cũng đã đầu tư hàng tỷ đồng để góp phần cùng ngân sách Trung ương xây dựng các công trình văn hóa, bảo vệ tôn tạo các di tích, đào tạo cán bộ văn hóa thông tin cơ sở, đáng chú ý là : huyện Mộ Đức (xây dựng tượng đài chiến thắng Mỏ Cày, TTVHTT huyện), huyện Trà Bồng ( xây dựng Nhà Bảo tàng và tượng đài khởi nghĩa Trà Bồng ), huyện Đức Phổ ( củng cố Đội sắc bùa, tăng cường trang thiết bị khu sinh hoạt, vui chơi thiếu nhi), huyện Nghĩa Hành (xây dựng tượng đài chiến thắng

Đình Cương, đài tưởng niệm), huyện Ba Tư (mở lớp đào tạo cán bộ văn hóa thông tin cơ sở), huyện Lý Sơn (xây dựng bãi đua thuyền), huyện Bình Sơn (xây dựng bia tưởng niệm nạn nhân vụ thảm sát Bình Hòa), thị xã Quảng Ngãi (xây dựng đài tưởng niệm 4 dũng sĩ Vạn Tường, tăng cường trang thiết bị phương tiện cho Đội thông tin và Nhà văn hóa ),...

Tác động của CTCMT đến sự chuyển biến hoạt động văn hóa thông tin ở tỉnh ta thể hiện rõ nét ở những điểm sau :

1) Số di tích được chống xuống cấp, tôn tạo so với các di tích đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa quốc gia là 7/18, trong đó đáng chú ý là nhiều điểm di tích ở vùng cao (Trà Bồng, Ba Tư) đã được qui hoạch bảo vệ, dựng bia bảng, hơn 100 di tích được UBND tỉnh ra quyết định bảo vệ; nhiều di tích sau khi tôn tạo đã phát huy được hiệu quả giáo dục, thu hút nhân dân đến thăm viếng, tưởng niệm như khu chứng tích Sơn Mỹ, Nhà Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tư, Tượng đài chiến thắng Đình Cương, lăng mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng v.v...

2) 13 Đội thông tin lưu động của các huyện, thị và Đội TTLĐ tỉnh chuyên trách miền núi được củng cố và thường xuyên hoạt động, phục vụ tích cực công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, vận động phong trào xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hóa; sách báo, văn hóa phẩm được đưa đến vùng sâu, vùng xa góp phần nâng cao dân trí của người dân; đội ngũ cán bộ VH TT cơ sở được củng cố và nâng cao năng lực, căn bản hoàn

thành được nhiệm vụ trên giao. Thực hiện Thông tư số 31TT/TCKT ngày 15.6.1995 của Bộ VHTT, Sở VHTT đã trích kinh phí từ phần chương trình VHTTCS đã chi phụ cấp cho cán bộ VHTT xã 80.000 đồng/tháng (năm 1994 là 50.000 đồng/tháng).

3) Các đội chiếu bóng lưu động ở miền núi, vùng cao được tăng cường thiết bị máy chiếu, củng cố, tổ chức và hoạt động thường xuyên, góp phần tích cực trong nhiệm vụ mang ánh sáng văn hóa đến vùng cao, vùng căn cứ kháng chiến cũ; một số rạp chiếu bóng được tu bổ, tăng cường thiết bị, nâng hiệu quả hoạt động lên 1,3 lần.

Nhìn chung, việc triển khai 3 chương trình đảm bảo được mục tiêu, tiến độ, đảm bảo qui chế quản lý, điều hành; đảm bảo sự kết hợp các mặt hoạt động khác của ngành, tạo được hiệu quả đồng bộ, thiết thực.

Điểm đáng chú ý là, ngoài kinh phí đầu tư của Trung ương và địa phương dành cho các CTCMT, Sở VHTT cũng đã chủ động sử dụng kinh phí thường xuyên của ngành, kết hợp với các huyện, thị, ngành có liên quan tiến hành các chương trình. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ VHTT ở cơ sở tăng cường trang thiết bị để củng cố phát triển VHTT miền núi, nghiên cứu khoa học và xuất bản. Đây cũng là công tác nổi trội của ngành VHTT tỉnh nhà trong những năm qua, hỗ trợ tích cực cho việc triển khai có kết quả 3 CTCMT do Bộ VHTT chủ trì, góp phần thực hiện các chương trình KT-XH của tỉnh.

Hiện nay Sở VHTT đã hoàn thành các thủ tục cần thiết để tiếp tục triển khai 3 CTCMT, với mức kinh phí

đầu tư cho năm 1996, theo thông báo của Bộ VHTT là 983 triệu đồng, với các dự án đáng chú ý là : Tôn tạo di tích trụ sở làm việc Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung bộ (tại Nghĩa Hành), củng cố cụm VHTT sông Vệ (bước 2), cải tạo nâng cấp rạp chiếu bóng 1-5, Hòa bình và tăng cường thiết bị cho Đội chiếu bóng lưu động miền núi...

Kết quả bước đầu sau 3 tháng  
triển khai thực hiện  
**NGHỊ ĐỊNH 87/CP &  
CHỈ THỊ 814/TTg CỦA  
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

• NGỌC TOÀN - ANH MY

**Đ**úng vào ngày 1/2/1996, theo quy định của Trung ương, cùng với các tỉnh, thành phố trong cả nước, tỉnh ta đã đồng loạt tổ chức lễ ra quân thực hiện Nghị định 87/CP của Chính phủ và Chỉ thị 814/TTg của Thủ tướng Chính phủ về lập lại trật tự kỷ cương trong hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

Sau 3 tháng triển khai thực hiện ND 87/CP và CT 814/TTg trên địa bàn toàn tỉnh đã đem lại một số kết quả đáng kể : các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa đang từng bước ổn định và đi vào nề nếp, tệ nạn xã hội bị ngăn chặn có hiệu quả, cán bộ và các tầng lớp nhân dân phấn khởi, đồng tình ủng hộ, tự giác thực hiện các chủ trương của Chính phủ.

Về công tác chỉ đạo, Ban chỉ đạo 814/TTg của tỉnh



đã thường xuyên bám sát tình hình, theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện nên đã có những biện pháp kịp thời giúp các ngành, các địa phương khắc phục khó khăn, kiên trì thực hiện chủ trương của Chính phủ. Nổi bật trong việc triển khai thực hiện ND 87/CP thời gian qua là cấp uỷ, chính quyền và đoàn thể các cấp từ tỉnh đến cơ sở đã thực sự vào cuộc, hỗ trợ tích cực cho các ngành chức năng, thường xuyên nhắc nhở cán bộ và nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Chính phủ.

Nhờ vậy sau 3 tháng triển khai thực hiện đem lại những kết quả lớn : có 280 điểm kinh doanh Karaoke, 30 cửa hàng cho thuê băng hình, 95 điểm kinh doanh phim video, 35 cửa hàng sang băng nhạc, 16 đại lý sách văn phòng phẩm tự đóng cửa. Số còn lại chưa có giấy phép đã và đang làm thủ tục để xin phép tiếp tục hoạt động. Đến ngày 30/3/1996, Sở VH TT đã cấp giấy phép cho 43 cửa hàng cho thuê băng hình, 310 điểm kinh doanh Karaoke, 132 kinh doanh phim video, 14 cửa hàng sang băng nhạc, 20 cơ sở in lụa, 35 cơ sở photocopy, 29 đại lý sách - văn hóa phẩm...

Nổi bật trong công tác này phải kể đến lực lượng công an tỉnh. Nhờ kịp thời quán triệt, chỉ đạo cho công an các địa phương và các đơn vị trực thuộc thành lập các tổ, đội kiểm tra, phân công các thành viên của ngành theo dõi các địa phương, có kế hoạch phối hợp triển khai ra quân, xử lý và giáo dục nhiều đối tượng vi phạm, xử phạt và xử lý nhiều vụ. Nên qua 3 tháng ra quân, lực lượng công an từ tỉnh đến các huyện, xã, phường đã làm nòng cốt tích cực và triển khai có hiệu quả trong việc tổ

chức thực hiện ND 87/CP. Vì vậy trong 3 tháng qua về tệ nạn xã hội đã bị ngăn chặn, lực lượng kiểm tra của công an và Đội phòng chống tệ nạn xã hội đã phát hiện 3 vụ mua bán dâm, 2 chủ chứa và 10 gái mại dâm; 86 chủ đề, 49 chủ chứa cờ bạc và 376 con bạc; 8 chủ chứa tiêm chích ma túy và 28 con nghiện. Các đối tượng này đang chờ xử lý.

Bên cạnh việc phối hợp thực hiện ND 87/CP còn có các ngành : Lao động-thương binh xã hội, thương mại-du lịch, y tế, tư pháp có kế hoạch quán triệt, tập huấn cho các địa phương thành lập Ban chỉ đạo của ngành mình, củng cố thanh tra chuyên ngành; có kế hoạch tổ chức học tập các quy định của Nhà nước. Các cơ quan thông tin tuyên truyền đã thường xuyên đăng tải các chủ trương, các ND và quy định của Chính phủ, các ngành, các cấp; kịp thời đưa tin các kết quả triển khai xử lý vi phạm, góp phần tạo ra dư luận rộng rãi trong quần chúng nhân dân hưởng ứng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Nhìn chung qua 3 tháng triển khai và tổ chức thực hiện ND 87/CP và CT 814/TTg, các ngành, các cấp trong tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong công tác triển khai, chỉ đạo, ra quân, xử lý, đem lại những kết quả bước đầu khả quan, tạo ra được phong trào hành động bài trừ văn hóa phản động, đồi trụy và các tệ nạn xã hội nghiêm trọng ở cơ sở. Kết quả xử phạt, xử lý chưa nhiều, song các tệ nạn xã hội, nạn lưu hành băng nhạc ngoài danh mục đã lắng xuống. Điều đó chứng minh rằng ND 87/CP đã đi vào cuộc sống, có tác dụng thúc đẩy việc lập lại trật tự kỷ cương trên lĩnh vực văn hóa, dịch vụ văn hóa và hạn

chế tệ nạn xã hội, các điểm quảng cáo trái phép của các thành phần, các tụ điểm mại dâm, tiêm chích đã lảng xuống. Nhân dân đã tự giác giao nộp các sản phẩm văn hóa không có tem nhãn, các dịch vụ không có giấy phép bị đình chỉ và xử lý.

Kết quả triển khai thực hiện ND 87/CP và CT 814/TTg đã đem lại ổn định cho các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Song, vấn đề đặt ra lúc này là, bên cạnh thực hiện các văn bản trên một cách thường xuyên, liên tục, cần phải có sự đầu tư để đẩy mạnh và phát triển sản xuất, phát triển sự nghiệp văn hóa xã hội, đáp ứng các nhu cầu văn hóa tinh thần, vui chơi lành mạnh, giải trí, học tập cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh thiếu niên. Đây chính là nền tảng căn bản đảm bảo cho việc thực hiện ND 87/CP có hiệu quả duy trì thường xuyên lâu dài và vững chắc. Mặt khác trong thời gian đến, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành và đoàn thể, các tổ chức xã hội từ tỉnh đến cơ sở cần đưa chương trình thực hiện ND 87/CP vào kế hoạch hàng năm của mình, đề ra nội dung cụ thể, thiết thực để mọi người tự giác hành động. Có như vậy mới thực hiện thắng lợi Chỉ thị 814/TTg và Nghị định 87/CP của Chính phủ.

# Những thành tựu cơ bản về **AN NINH QUỐC PHÒNG** ở tỉnh ta trong những năm qua

• NHƯ NGỌC

**Q**uán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong những năm qua, cùng với việc lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, Tỉnh ủy và UBND tỉnh thường xuyên coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác an ninh - quốc phòng. Nhờ vậy, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh được giữ vững; công tác an ninh quốc phòng được củng cố; công tác tuyển quân, diễn tập phòng thủ đạt kết quả tốt; phạm pháp hình sự và xâm phạm tài sản XHCN có giảm; trật tự an toàn-xã hội cơ bản được đảm bảo.

Nói về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong những năm qua, trước hết phải thấy rằng, cơ quan chức năng về lĩnh vực này đã hoạt động tích cực, kịp thời ngăn chặn và xử lý các âm mưu phá hoại tư tưởng,

gây rối, kích động và xuyên tạc của kẻ địch, giữ vững an ninh quốc gia, an ninh kinh tế và văn hóa, tư tưởng. Công tác phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được nhân rộng và ngày càng phát triển. Tình hình xâm phạm tài sản XHCN, tội phạm kinh tế và phạm pháp hình sự ngày một giảm, nhờ các ngành chức năng sớm phát hiện và xử lý kiên quyết. Chỉ tính riêng trong năm 1995, các lực lượng chức năng đã bắt xử lý 145 đối tượng có lệnh truy nã, thanh loại 116 đối tượng, triệt phá 137 băng, ổ, nhóm trộm cướp tài sản công dân, mại dâm, ma túy, cờ bạc... Thực hiện Chỉ thị 406/TTg của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm cấm sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán và đốt pháo nổ, toàn tỉnh đã huỷ bỏ hàng ngàn kg pháo các loại. Đặc biệt, từ khi có Nghị định 36/CP của Chính phủ về lập lại trật tự an toàn giao thông, tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện và kiểm tra thường xuyên nên số vụ tai nạn giao thông giảm nhiều, tình hình vi phạm luật lệ giao thông giảm trên 50% so với trước. Tỉnh ta là một trong 26 tỉnh, thành phố trong cả nước được Bộ Nội vụ đánh giá là đã triển khai Nghị định 36\CP một cách nghiêm túc và đạt kết quả toàn diện.

Trên lĩnh vực an ninh, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng, tổ chức tốt công tác nắm tình hình, quản lý chặt chẽ các loại đối tượng an ninh quốc gia, không để chúng có điều kiện liên kết chống phá cách mạng. Các lực lượng chức năng đã bảo vệ tốt an ninh chính trị nội bộ, chống địch phá hoại tư tưởng, phục vụ có hiệu quả công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

trong tổ chức Đảng, chính quyền, nhất là công tác cán bộ của Đảng; xây dựng tốt thế trận an ninh nhân dân.

Nhìn chung, sự chỉ đạo về an ninh quốc gia ở tỉnh ta trong những năm qua có nhiều tiến bộ, có đổi sách linh hoạt, kịp thời tạo ra sức mạnh tổng hợp, ngăn chặn các hoạt động phá hoại của kẻ địch thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình, đảm bảo sự ổn định chính trị, phục vụ tốt cho yêu cầu phát triển kinh tế nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng.

Công tác quốc phòng trên địa bàn tỉnh tiếp tục được củng cố. Đặc biệt, những năm gần đây, công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trong cán bộ đảng viên, trong các đoàn thể, trong hệ thống nhà trường và trong nhân dân được đẩy mạnh. Từ tỉnh đến cơ sở đã tiến hành tập huấn nhiều đợt về xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, hệ thống kế hoạch A, A2 từ tỉnh đến xã phường đã từng



• Tuần tra bảo vệ vùng biển.

bước được hoàn thiện; đồng thời tổ chức tốt nhiều cuộc diễn tập KH35 từ tỉnh đến 171 xã phường, diễn tập chỉ huy tham mưu một bên hai cấp có thực binh... Toàn tỉnh đã hoàn thành công tác tổng điều tra, đăng ký quân dự bị và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, trên cơ sở đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng, bảo đảm mặt bằng quân số thường trực. Đến cuối năm 1995, đã hoàn thành cơ bản công tác điều tra và xử lý số quân nhân đào ngũ còn tồn đọng, hoàn thành tốt công tác huấn luyện và chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ hàng năm. Các lực lượng vũ trang của tỉnh thường xuyên duy trì và bảo đảm chế độ trực sẵn sàng cơ động, tuần tra, canh gác, bảo vệ an toàn các mục tiêu; hoàn thành quy hoạch đất quốc phòng và quy hoạch xây dựng công trình phòng thủ của tỉnh; bổ sung hoàn chỉnh các văn kiện tác chiến cơ bản, nâng thêm một bước về sức mạnh và khả năng phòng thủ trong khu vực phòng thủ của tỉnh và các huyện, thị xã trong tỉnh.

Điều dễ dàng nhận thấy trong công tác an ninh quốc phòng ở tỉnh ta trong những năm qua là cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các ban ngành đoàn thể tham mưu, công an và quân sự làm nòng cốt đã được vận hành và di dân vào nề nếp từ tỉnh đến cơ sở. Trên nền tảng chung ấy, năng lực tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền của các cơ quan quân sự, công an, các ban ngành đoàn thể các cấp về chất lượng đã được nâng lên một bước. Nhờ vậy mà từ tỉnh đến cơ sở đã xử lý nhiều tình huống phù hợp với thực tế, đúng đường lối phương châm và đối tượng.

Công tác biên phòng và tình hình an ninh tuyến biển tuy có nảy sinh nhiều phức tạp mới, nhưng lực lượng bộ đội biên phòng đã kịp thời nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng, phối hợp tốt với các lực lượng hữu quan và quần chúng nhân dân trong khu vực biên phòng giữ vững an ninh tuyến biển và bảo vệ vững chắc vùng lãnh hải của Tổ quốc; kịp thời phát hiện, bắt và xử lý nhiều tàu nước ngoài xâm phạm trái phép vùng biển của tỉnh...

Tuy nhiên, nhìn nhận một cách thực tế cũng thấy rằng, công tác giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng quốc phòng toàn dân và xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở tỉnh ta trong những năm qua còn có những hạn chế. Các cấp chính quyền và các đoàn thể quần chúng chưa có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong từng nhiệm vụ công tác; chưa làm chuyển biến thực sự về nhận thức, nhất là nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong tình hình mới, tình hình đất nước và tỉnh nhà vừa có thời cơ, vừa có những thử thách mới. Tình hình đó đòi hỏi trong những năm đến, quân và dân tỉnh nhà phải phát huy hơn nữa truyền thống của một tỉnh anh hùng, đồng sức đồng lòng khắc phục những tồn tại yếu kém, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, góp phần tạo ra nền tảng quan trọng về chiến lược an ninh - quốc phòng trong thời kỳ mới, vững vàng đưa tỉnh nhà tiếp tục đi lên.



## Mục lục

- Lời đầu sách **3**
- 9 chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh qua 5 năm thực hiện **Phòng văn Đ/c Đỗ Minh Toại - Bí thư Tỉnh ủy**
- Những ghi nhận về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vật nuôi thông qua chương trình khuyến nông **17 LÊ KHÔI**
- Làm giàu từ kinh tế vườn **23 MẠNH THƯỜNG**
- Công trình thủy lợi Thạch Nham niềm vui và sự sống **29 NGUYỄN ĐĂNG LÂM**
- Ngành thủy sản Quảng Ngãi qua 5 năm phát triển **35 THANH BÌNH**
- Công tác khuyến ngư trong giai đoạn mới **42 TRIỀU DẰNG**
- Khu công nghiệp chế biến tập trung (Công ty Đường Quảng Ngãi) những điều ghi nhận **44 NGUYỄN LÂM BÌNH**
- Polyme Xanthangum bước phát triển của công nghiệp Quảng Ngãi **51 VĂN NGHIỆP**
- Những nỗ lực và kết quả bước đầu của Công ty cà phê - ca cao Quảng Ngãi **Phòng văn**
- Dung Quất khát vọng tương lai **56 đ/c Trần Thịnh**
- Bước phát triển của một đơn vị ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật **62 XUÂN HÙNG**
- 5 năm với phong trào làm giao thông nông thôn ở Quảng Ngãi **68 THANH HÙNG**
- Điện lực Quảng Ngãi 5 năm xây dựng và phát triển **73 THU LÊ**
- Ngành Bưu điện Quảng Ngãi những bước tiến sau 5 năm **79 HÙNG VĂN**
- **83 TUẤN ANH**

- |  |     |                                |
|--|-----|--------------------------------|
| • Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi vững bước đi lên  | 89  | Phòng vấn<br>đ/c Phạm Văn Thận |
| • Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi 5 năm phục vụ phát triển kinh tế địa phương.                            | 96  | TRƯỜNG TRÍ                     |
| • Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi 5 năm phấn đấu & trưởng thành                                   | 101 | HOÀNG TÍN                      |
| • Quảng Ngãi với chương trình vay vốn quốc gia giải quyết việc làm.  | 105 | VÕ QUÝ CẦU                     |
| • 5 năm phấn đấu & trưởng thành của ngành thuế Quảng Ngãi  | 110 | NG. NGHIỆP VĂN                 |
| • Những việc làm nghĩa tình ở Quảng Ngãi   | 116 | VŨ QUÝ                         |
| • Ngành y tế Quảng Ngãi với việc củng cố mạng lưới y tế cơ sở  | 120 | HỮU NHIÊN                      |
| • Chiến lược dân số & kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000   | 124 | BS. PHẠM NGỌC HỒ               |
| • Ngành Giáo dục & Đào tạo Quảng Ngãi 5 năm nhìn lại   | 129 | PTS. NG.V. TRANG               |
| • Văn hóa - Thông tin tỉnh Quảng Ngãi 5 năm - một chặng đường  | 133 | Phòng vấn<br>đ/c Tạ Hiến Minh  |
| • Thể thao Quảng Ngãi trên đà khởi sắc   | 140 | ANH MY                         |
| • Một số kết quả nổi bật trong việc thực hiện 3 chương trình có mục tiêu cấp Nhà nước của ngành Văn hóa - Thông tin tỉnh Quảng Ngãi. | 144 | LÊ HỒNG KHÁNH                  |
| • Kết quả bước đầu sau 3 tháng triển khai thực hiện Nghị định 87/CP & Chỉ thị 814/TTg của Thủ tướng Chính phủ.                       | 149 | NGỌC TOÀN -<br>ANH MY          |
| • Những thành tựu cơ bản về an ninh quốc phòng ở tỉnh ta trong những năm qua   | 153 | NHƯ NGỌC                       |
| • Mục lục  | 158 |                                |

**T**rung tâm VH-TT Quảng Ngãi chân thành cảm ơn các cơ quan, đơn vị trong tỉnh sau đây đã hỗ trợ kinh phí để in các phụ bản màu: **Sở Thủy sản • Buu điện • Ủy ban DS-KHHGD • Sở Lao động - Thương binh - Xã hội • Bảo Việt • Trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật • Ngân hàng Nhà nước • Chi nhánh Ngân hàng Công thương • Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp • Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư & Phát triển • Sở Giáo dục - Đào tạo • Nhà máy bia • Sở Điện lực • Công ty Cà phê - Ca cao xuất khẩu • Xí nghiệp In ...**

*Ảnh bìa 1:* - **Đầu mối Thạch Nham (Ảnh: VĂN HẢI)**  
- **Xi phông Sông Vệ (Ảnh: ĐĂNG LÂM)**

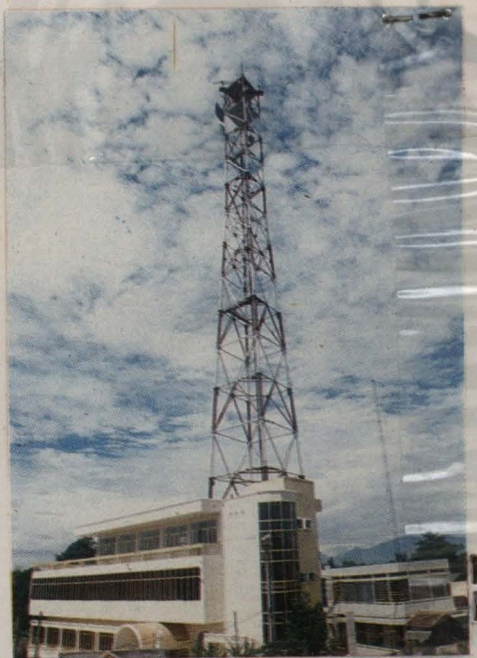
---

In: 2000 cuốn khổ 13 x 19 tại XÍ NGHIỆP IN QUẢNG NGÃI  
GPXB số 32 do Sở VH-TT Quảng Ngãi cấp ngày 25-4-1996  
In xong và nộp lưu chiếu tháng 5 năm 1996

---

# Bưu điện QUẢNG NGÃI

- Nhà trung tâm kỹ thuật viễn thông
- Trung tâm giao dịch bưu điện





Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000859

# BẢO VIỆT

## QUẢNG NGÃI



• Trụ sở  
Bảo Việt Quảng Ngãi

